

Lời mở đầu

Trước và sau năm 1500, lịch sử thế giới bước vào giai đoạn đầu của thời kì cận đại. Cuối thế kỉ 13, nước Ý dấy lên phong trào văn hóa mới với tên gọi “Phong trào văn hóa Phục Hưng”. Những nhân vật tiêu biểu cho phong trào này đã thách thức các quan niệm hủ bại thời trung cổ, thổi vào văn học và nghệ thuật những luồng gió mới. Khoảng năm 1500, các quan niệm của văn hóa Phục Hưng không những trở thành tư tưởng chủ đạo mới của nước Ý mà còn lan rộng và phát triển như vũ bão khắp châu Âu. Mục đích của chủ nghĩa nhân văn thời kì này nằm ở chỗ nó muốn tạo ra những niềm hạnh phúc “trần thế” và thực tế. Nó đánh thức loài người đang mê man sau đêm trường trung cổ, khích lệ con người thực hiện ước mơ bằng chính nỗ lực của bản thân.





Chịu ảnh hưởng của văn hóa Phục Hưng, lãnh đạo tôn giáo Martin Luther người Đức và John Calvin người Thụy Sĩ đã khơi mở cuộc cách mạng tôn giáo sâu rộng, phê phán nền thống trị đen tối của giáo hội Công giáo, lí giải lại nguyên tác Kinh Thánh và giáo lí nguyên thủy của đạo Cơ Đốc, mở ra con đường thiết lập Tân giáo. Cuộc cải cách tôn giáo này đã khiến lục địa châu Âu chia năm xẻ bảy, mỗi lực lượng tôn giáo cát cứ một phương, đặt dấu chấm hết cho sự thống nhất tôn giáo tại châu Âu.

Văn hóa Phục Hưng còn mang đến cho châu Âu những phát kiến về địa lí. Trước năm 1500, về cơ bản, các châu lục lớn không hề “giao tiếp” với nhau. Đến khi Columbus tìm ra châu Mỹ, Vasco da Gama vòng qua mũi Hảo Vọng ở châu Phi, cập bến Ấn Độ, Magellan du hành vòng quanh thế giới, tình trạng biệt lập giữa các châu lục mới bị phá vỡ. Thời kì này mở ra những hoạt động giao lưu quy mô lớn, biến thế giới thành một thực thể thống nhất, tác động qua lại và hỗ trợ lẫn nhau. Từng đoàn thủy thủ kiên trì, dũng cảm đối mặt với bao nguy hiểm rình rập để giương buồm ra Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, cắm lá cờ của các nước châu Âu khắp nơi. Mọi hoạt động của con người chuyển từ đất liền sang biển. Nhờ vậy, thế giới tiến một bước dài đến với thời hiện đại. Các phát kiến địa lí đã mang về cho châu Âu những nguồn của cải vô tận, đồng thời, gây ra tai họa khủng khiếp cho cư dân các lục địa Á, Phi và Mỹ Latinh. Sự cướp bóc và xâm lược của bè lũ thực dân trở thành cơn ác mộng của nhân dân các nước thuộc địa. Những quốc gia ở khu vực này trở nên nghèo nàn lạc hậu, người dân bị bán làm nô lệ, chịu cảnh tan cửa nát nhà.



Sau phát kiến địa lí, người châu Âu bắt đầu vươn ra thế giới bằng đường biển. Họ không muốn mở rộng khai thác thuộc địa, thị trường thương mại của châu Âu không còn hạn chế quanh Địa Trung Hải nữa mà mở rộng ra khắp thế giới. Điều này đã tạo đà cho công thương nghiệp phát triển. Trên vũ đài hoàn toàn mới ấy, các hoạt động công thương nghiệp ngày càng sôi nổi, phương thức sản xuất theo thể chế phong kiến lạc hậu trước kia chuyển sang thể chế tư bản chủ nghĩa tiên tiến, gây ảnh hưởng nhất định tới sự phát triển kinh tế của các khu vực khác trên thế giới.

Đây là thời kì thế giới đạt được những tiến bộ vượt bậc, châu Âu thực hiện những cải cách lớn trên bình diện văn hóa, kinh tế, tôn giáo..., mang đến ánh sáng rực rỡ cho chủ nghĩa tư bản, nhờ thế, các nước châu Âu tạo dựng được vị trí hàng đầu trong mấy trăm năm tiếp theo. Trong khi đó, khu vực Á Rập, Ấn Độ, Trung Quốc và Nhật Bản chưa có thay đổi gì lớn, tốc độ phát triển cũng chậm hơn các nước châu Âu. Tuy vậy, trước khi người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha khám phá thế giới bằng đường biển, nhà hàng hải Trịnh Hòa người Trung Quốc đã dẫn theo một đội thuyền viễn dương có quy mô lớn, hướng về Tây Á và bờ Đông châu Phi, mở ra con đường thông thương giữa Đông Á, Tây Á và Đông Phi.

Chương 1: Văn hóa nghệ thuật thời Phục Hưng

Nội dung chính:

Mở đầu thời kì Phục Hưng

Từ thế kỉ 14 đến giữa thế kỉ thứ 17, châu Âu dấy lên làn sóng văn hóa mới.

Leonardo da Vinci – thiên tài xuất chúng

Leonardo da Vinci với tài năng trời phú và trí tuệ phi thường chính là một trong những vì sao sáng thấp sáng bầu trời Văn hóa Phục Hưng.

Michelangelo và Raphael

Michelangelo và Raphael cũng có những đóng góp kiệt xuất cho nền văn hóa thời kì Phục Hưng.

Galileo và những tiến bộ khoa học

Thời kì Phục Hưng cũng là giai đoạn đỉnh cao của khoa học. Những cách lí giải về vũ trụ và nhận thức về thế giới của Copernicus, Galileo... là minh chứng cho tiến bộ khoa học chưa từng có trước đó.



Mở đầu thời kì Phục Hưng

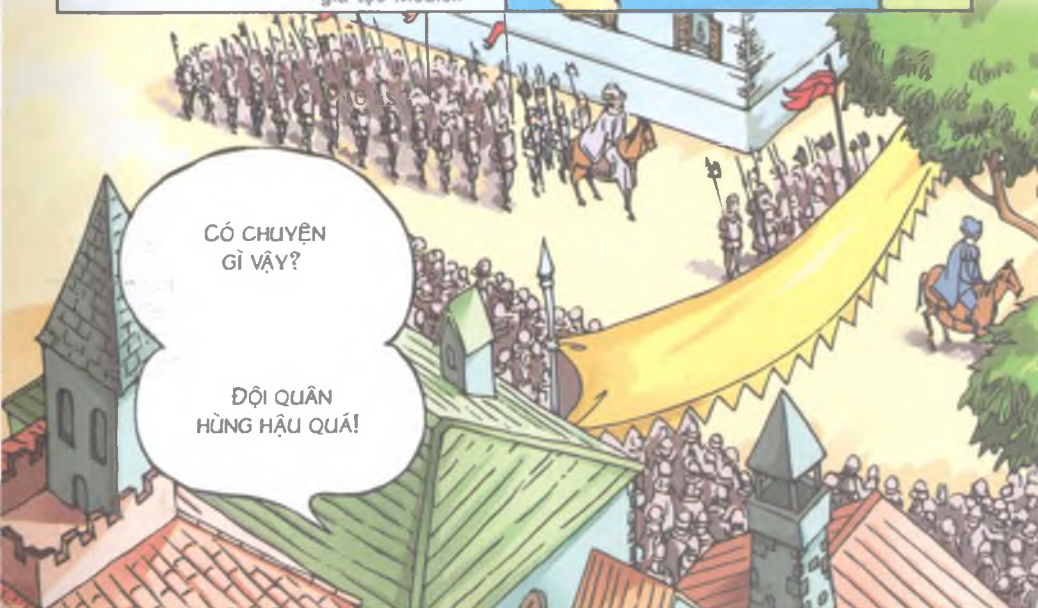
Giữa thế kỉ thứ 15, trận chiến Anh - Pháp kéo dài 100 năm đã kết thúc, châu Âu chào đón một thời đại mới.

Cảng Venice
nước Ý

Sau cuộc Thập Tự chinh phía Đông, nhiều thành phố của Ý bắt đầu giao lưu với một số quốc gia Hồi giáo, nhờ đó, giao dịch buôn bán ngày càng tập nập, ngành thương mại phát triển phồn vinh. Các nhà buôn và thương nhân dần có vị thế và quyền lực.

Cây cầu Vecchio ở thành phố Florence, nước Ý, được xây dựng từ thế kỉ 14. Trên cầu có rất nhiều cửa hàng.







LẠI CÓ VỊ
QUỐC VƯƠNG NÀO
TỚI GIA TỘC MEDICI
ĐỂ VAY TIỀN CHĂNG?

HA HA HA...
XEM RA TIỀN
CỦA GIA TỘC HỌ
CÒN GHÊ GÓM
HƠN BÌNH HÙNG
TƯỚNG MẠNH
NHỈ?



Gia tộc Medici lập nghiệp nhờ buôn bán và tài chính.
Họ trở thành một trong những gia tộc giàu có nhất châu Âu.

Toàn cảnh thành phố Florence với mái vòm
nhà thờ Santo Spirito nổi bật





ĐƯỢC THÔI,
QUỐC VƯƠNG
CẦN BAO NHIÊU
TIỀN? CHỈ CẦN
TRẢ ĐÚNG HẠN
THÌ NGÀI MUỐN
MƯỢN BAO NHIÊU
CŨNG ĐƯỢC.



NGÀI SẼ
CHO TA
VAY Ừ?

TỐT QUÁ! TA
THAY MẶT
NHÂN DÂN
CẢ NƯỚC
CẢM ƠN
NGÀI.



CẢM ƠN GÌ CHÚ?
CHẲNG QUA LÀ
MỘT VỤ LÀM
ĂN THÔI.



THÔI, ĐỪNG
BẢN CHUYỀN
TIỀN NONG
NỮA.

QUỐC VƯƠNG CÓ
MUỐN GẶP GỠ NHỮNG
NGHỆ SĨ VÀ NHÀ
VĂN, NHÀ THƠ
CHỖ CHÚNG
TÔI KHÔNG?

HA HA,
THỂ THÌ
CÒN GÌ
BẰNG!

TIỀN TỆ CỦA GIA TỘC MEDICI

Gia tộc Medici giúp quốc vương
và quý tộc phát hành trái phiếu,
nhận nguồn tiền từ dân chúng và
kiếm được những khoản kếp xù.

Cung điện Medici sang trọng
do gia tộc Medici xây dựng





"THẦN
KHÚC" VÀ
"CUỘC ĐỜI MỚI"
CỦA DANTE
RẤT HAY, AI AI
CŨNG ĐỌC
SAY SUSA.

NHƯNG
NGHĨ KÌ
THÌ "THẦN
KHÚC" VẪN
HAY HƠN.

TÔI THÌ THÍCH
"MƯỜI NGÀY" CỦA
BOCCACCIO HƠN,

BỜÌ NÓ
VẠCH TRẦN
BỘ MẶT
XẤU XA
CỦA CON
NGƯỜI.



NHƯNG MIÊU TẢ
ĐẬM CHẤT "NGƯỜI"
NÀY MANG HƠI THỞ
HY LẠP VÀ LA MÃ
CỔ ĐẠI.

NÁO NHIỆT QUÁ!
NGÀI CHU CẤP CHO
TẤT CẢ NHỮNG
NGƯỜI NÀY Ừ?

TÔI RẤT THÍCH
VĂN HỌC VÀ
NGHỆ THUẬT.

KHÔNG, KHÔNG,
TÔI CHO RẰNG TÁC PHẨM
CỦA PETRARCA HƠN
BOCCACCIO MỘT BẠC.

NÊN RẤT MUỐN
GIÚP ĐỠ NHỮNG
NGƯỜI CÓ TÀI NĂNG.



Với sự giúp sức của gia tộc Medici, các thương nhân, quý tộc và giáo hoàng La Mã, nền văn hóa nước Ý phát triển vượt bậc, một cuộc cách mạng văn hóa dần hình thành - Văn hóa Phục Hưng.

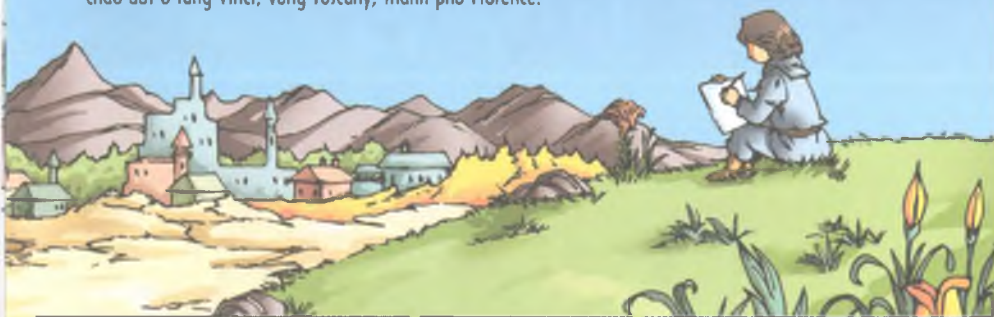


Leonardo da Vinci - thiên tài xuất chúng

Leonardo da Vinci là một trong những đại diện tiêu biểu của thời kỳ văn hóa Phục Hưng. Ông có nhiều đóng góp trên tất cả các lĩnh vực: từ hội họa, điêu khắc, âm nhạc, kiến trúc tới khoa học, triết học...



Một năm trước khi đế quốc La Mã bị đế quốc Ottoman tiêu diệt, ngày 15 tháng 4 năm 1452, cậu bé Leonarda da Vinci cất tiếng khóc chào đời ở làng Vinci, vùng Tuscany, thành phố Florence.



Chính ngôi làng Vinci với cảnh sắc tươi đẹp đã hun đúc con mắt quan sát thế giới tự nhiên và nâng đỡ những nét vẽ đầu tiên của cậu bé Leonardo.



Năm
Leonardo
14 tuổi.

TRỜI ƠI,
LẠI ĐÂY
MÀ XEM!



SAO THẾ?

SAO...
SAO THẾ?



MAU TÔI ĐÂY,
CÓ QUÁI VẬT!



LÀM GÌ CÓ
QUÁI VẬT,
CHỈ LÀ BỨC
TRANH
THÔI.



TRANH GÌ MÀ
Y NHƯ THẬT!
ĐÁNG SỢ
QUÁ!



LEONARDO,
BỨC TRANH
QUÁI VẬT NÀY
DO CON VẪ
HẢ?



DẠ...
VẪNG Ạ!





TỪ NAY VỀ SAU
CON XIN NHỜ
THẦY VÀ CÁC
ANH CHỈ GIÁO!

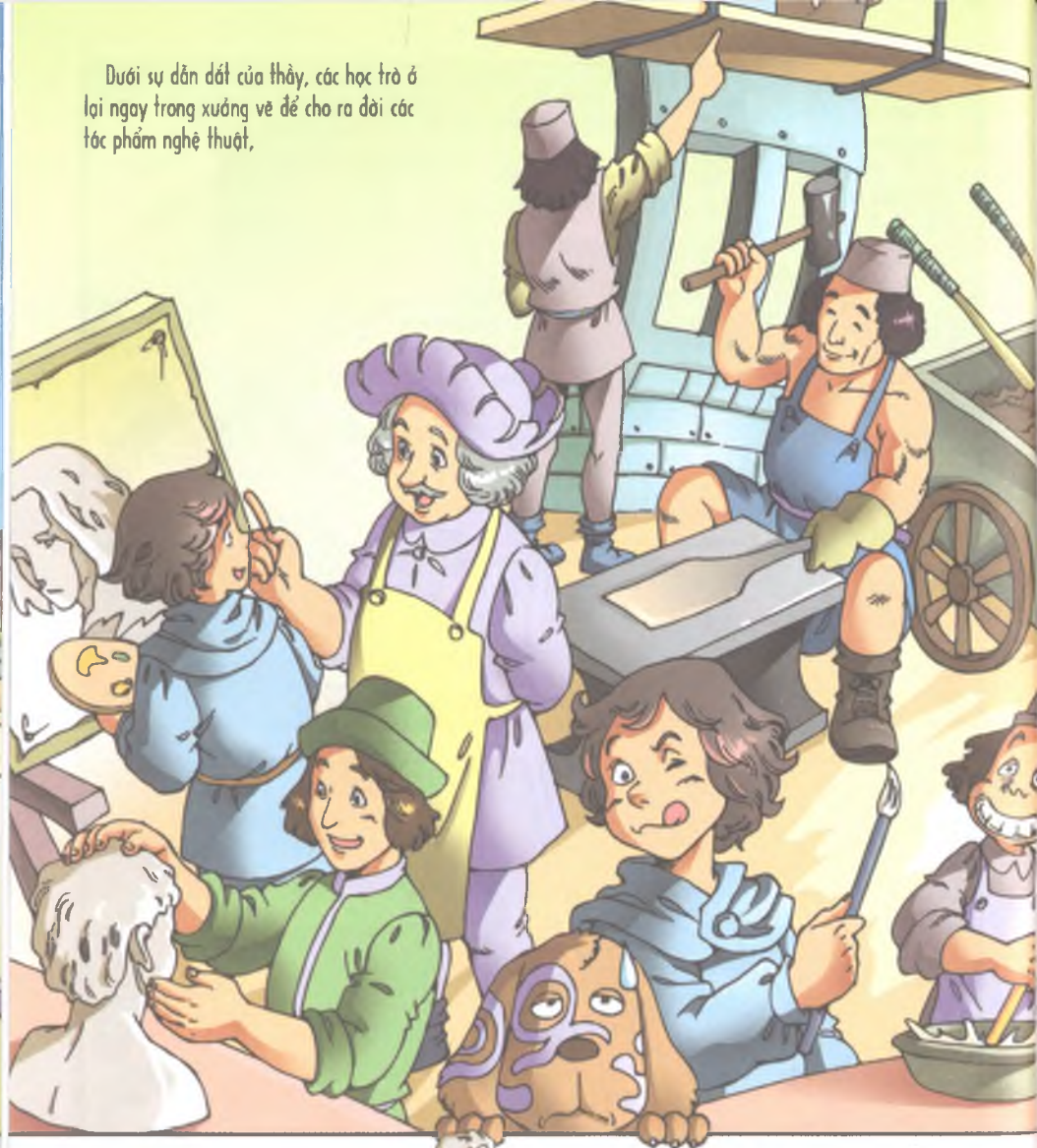
HA HA HA,
SAU NÀY HÃY
CHĂM CHỈ HỌC THEO
BOTTICELLI VÀ
CÁC ANH NHÉ!



Thời kì Phục Hưng, các nghệ nhân
thường được giáo hội, quý tộc và những
người giàu có thuê vẽ, đúc tượng,
điêu khắc và thiết kế các
công trình kiến trúc.



Dưới sự dẫn dắt của thầy, các học trò ở lại ngay trong xưởng vẽ để cho ra đời các tác phẩm nghệ thuật,



QUY TRÌNH ĐÚC ĐỒNG

Đầu tiên, người ta tạo mẫu bằng đất sét.

Bồi sáp lên mẫu đất sét

Lên khuôn bằng thạch cao

Đun nóng cho sáp chảy ra

Rót đồng nóng chảy vào khuôn

Đập vỡ khuôn thạch cao bên ngoài

Bỏ đất sét, tượng đồng đã hoàn thiện



Thời gian thấm thoát trôi đi,
Leonardo đã học việc ở đây gần
6 năm...

BOTTICELLI,
TAY NGHỀ
CỦA CON ĐÃ
THÀNH THẠO,
CÓ THỂ RA
NGOÀI TỰ
LẬP NGHIỆP
RỒI.

HÃY THAM GIA
VÀO CÔNG HỘI
NGHỆ THUẬT GIA
VÀ NỖ LỰC TRỞ
THÀNH MỘT NHÀ
NGHỆ THUẬT
NHÉ!

CẢM ƠN
THẦY Ạ!

THẬT DANG
KHẸM PHỤC!
MÌNH CŨNG PHẢI
NỖ LỰC HẾT SỨC
ĐỂ TRỞ THÀNH
MỘT NHÀ NGHỆ
THUẬT ĐỘC LẬP.

Việc dạy nghề thuật này
rất giống cách truyền nghề
thủ công của người Việt.

LEONARDO, CON THỬ VẼ
THÊM HÌNH THIÊN SỨ BÊN
CẠNH CHÚA JESUS
XEM SAO!

VẮNG, CON SẼ
GẮNG HẾT SỨC!



Hình thiên sứ bên trái và một nửa hình nền trong bức "Lễ rửa tội cho Chúa Jesus" (Baptism of Christ) của Leonardo.

Hồi đó, các bậc thầy đều giao những phần không quan trọng trong tác phẩm nghệ thuật của mình cho học trò vẽ thay.



VỊ THIÊN SỨ
BÊN CẠNH
JESUS TRÔNG
ĐẸP QUÁ!

MÌNH THẤY
CÒN SỐNG
ĐỘNG HƠN CẢ
HÌNH JESUS
THẤY VẼ.

SUYT! NÓI NHỎ
THÔI! THẤY NGHE
THẤY LÀ NGUY TỐ!



CÁC HỌC TRÒ
NÓI RẤT ĐÚNG!
LEONARDO VẼ
ĐẸP HƠN HẸN
MÌNH.

Năm 1472, nhà tài năng hội
họa xuất chúng, Leonardo da
Vinci đã gia nhập Công hội Nghệ
thuật gia khi mới 20 tuổi.

XEM RA MÌNH
KHÔNG CÒN GÌ ĐỂ
TRUYỀN DẠY CHO
LEONARDO NỮA.

Tài hoa của Leonardo da Vinci được mọi người mến mộ và được những người trong gia tộc Medici vô cùng trọng vọng, nhưng...



CẬU BIẾT CHUYỆN
CỦA LEONARDO CHƯA?
HÀNH ĐỘNG CỦA CẬU
TA THẬT KÌ QUÁI.

ỦA?
CHUYỆN
GÌ CƠ?



HAI HÔM
TRƯỚC,
TRONG
THÀNH
XỨ TỘI
TỬ TÙ.

CẢNH TƯỢNG
HÀI HÙNG
NHƯ THỂ
MÀ...





Bản phác thảo của Leonardo da Vinci.



Chữ viết ngược của Leonardo da Vinci.



KHÔNG
MỘT AI
HIỂU MINH
HẾT.

NGAY CÁ
NGÀI LORENZ
CÙNG THỂ
GIA TỘC HỌ
CHỈ CÒI MÌNH
LÀ MỘT KẾ
GÂY DÂN.

LEONARDO,
HÓA RA CẬU
Ở ĐÂY.



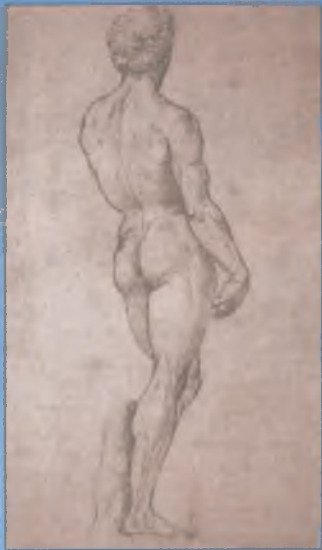
CẬU VẪN
CHƯA HOÀN
THÀNH TRANH
CHO TỦ VIỆN
PHẢI KHÔNG?
TỦ VIỆN TRƯỞNG
ĐANG GIỤC
ĐÂY.

NHƯNG TÔI
ĐẦU CÒ
LƯỜI NHẮC?



Bức phác thảo "Markey quý
lạ" được Leonardo vẽ năm
ông 30 tuổi. Tác phẩm vẫn
còn dang dở, chưa thành
tranh.

MỖI MỘT TÁC PHẨM
ĐỀU CẦN THỜI GIAN
ĐỂ NGHIÊN CỨU ĐỂ
TÀI VÀ CẦU TÚ CHÚ!



Tranh phác hoạ của Leonardo.

NẾU VẼ NGƯỜI
MÀ LẠI KHÔNG
HIỂU CẤU TẠO
CƠ THỂ NGƯỜI,
VỀ NGỰA CŨNG
KHÔNG RÕ CẤU
TẠO CỦA NGỰA.

VỀ TỰ NHIÊN
MÀ KHÔNG
NẮM RÕ HÌNH
HÀI CỦA SỰ
VẬT, THÌ SAO
CÓ NỔI TÁC
PHẨM HAY?

CÓ LÊ CẬU
NÓI ĐÚNG...
CẬU ĐÚNG LÀ
KHÁC HẸN NHỮNG
NGƯỜI KHÁC.



Mùa đông năm 1482, Leonardo mới 30 tuổi đã rời Florence tới Milan. Thời Phục Hưng, nước Ý bị chia cắt thành nhiều quốc gia nhỏ, các cuộc phân tranh giành giật diễn ra rất ác liệt.



Tuy trên bán đảo Ý có rất nhiều quốc gia mà chính quyền do các quý tộc, nhà buôn và thị dân cùng nắm giữ... nhưng công quốc Milan lại theo chế độ độc tài, chỉ có một người cầm quyền mà thôi.

THÀNH PHỐ MILAN

Nhà cầm quyền Công quốc Milan là công tước Ludovico Sforza.

HÀ, CẬU KHÔNG NHƯNG CÓ SỞ TRƯỞNG HỘI HỌA VÀ ĐIỀU KHẮC.

MÀ CÒN BIẾT PHÁT MINH SÁNG CHẾ Ứ?

TÔI CÓ KHẢ NĂNG PHÁT MINH, CHẾ TẠO NHỮNG MÁY MÓC VÀ VŨ KHÍ BÍ MẬT MÀ KÉ DỊCH KHÔNG THỂ TƯỚNG TƯỢNG RA.

HAY QUÁ, PHÁP ĐANG LÂM LỄ XÂM CHIẾM NƯỚC TA. TA ĐANG BUỒN VÌ CHƯA NGHĨ RA CÁCH ĐỐI PHÓ ĐÂY.

Từ lâu, nước Pháp và đế quốc La Mã Thần thánh đã dòm ngó lãnh thổ đang bị chia cắt của nước Ý.

Những quốc gia nhỏ bé luôn phải sống trong cái bóng của chiến tranh, ai cũng lo lắng không yên.



Leonardo lúc đó đang miệt mài cống hiến cho công tước Sforza. Ông đã thiết kế khá nhiều cỗ máy chiến tranh.



BÊN TRONG CỖ MÁY CHIẾN TRANH

CỖ MÁY
CHIẾN
TRANH

Vũ khí
hình rồng

CUNG NÓ CỎ LỚN

CÁC PHÁC THẢO CỦA LEONARDO

ĐẠI PHÁO





▲ Phác thảo của Leonardo da Vinci.

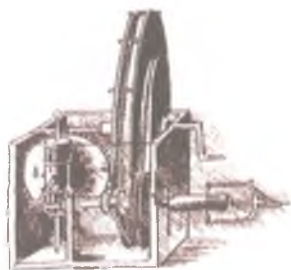
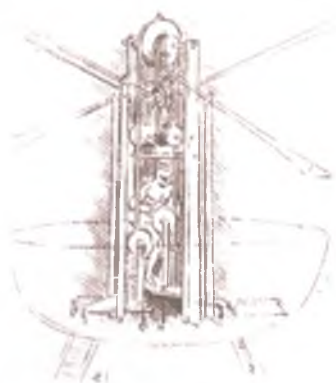
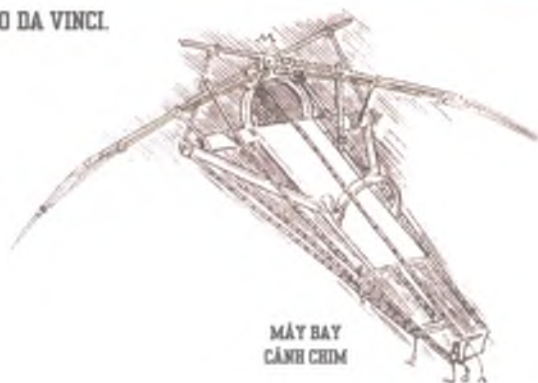
CHIỀU NÀY LỢI HẠI
THẬT! DỪNG THIẾT
BỊ LẶN NÀY ĐỂ LẶN
XUỐNG NƯỚC RỒI GẮN
THUỐC NỔ VÀO ĐÁY
THUYỀN DỊCH.



NHƯNG...
KHÔNG XONG RỒI
SỨC CỘNG PHÁ MẠNH QUÁ!
THẬT ĐÁNG SỢ!



PHÁC THẢO CỦA LEONARDO DA VINCI



Leonardo từng thử chế tạo dù và máy bay cánh quạt. Ông cùng từng thiết kế cả bối cảnh sân khấu hoành tráng.



OA, CỨ NHƯ
ẢO THUẬT
ẦY NHỈ?



HA HA HA...
KHÔNG PHẢI ẢO
THUẬT ĐÂU. LÀ
KHOA HỌC CẢ
ĐÂY.

KHOA HỌC
KHÔNG PHẢI LÀ
ẢO THUẬT.

LEONARDO,
TÔI MUỐN NHỜ
CẬU GIÚP MỘT
VIỆC...



HÃY TẠC MỘT
BỨC TƯỢNG KỊ
SĨ CƯỜI NGỰA.







Tranh vẽ ngựa của Leonardo.



TÌNH THẦN
NGHIÊN CỨU CỦA
THẦY LEONARDO
THẬT ĐÁNG ĐỂ
CHÚNG TA
HỌC TẬP.

TÔI NAY
LẠI PHẢI GIẢI
PHẪU NGỰA.
MÌNH SỢ LẮM.



SỢ GÌ CHÚ?
NGỰA CHẾT RỒI,
LÀM SAO ĐÃ ĐƯỢC
NỮA? NĂM CHẮC
CHO TA!



ĐỂ VẼ CƠ THỂ NGƯỜI
SAO CHO GIỐNG THẬT NHẤT,
CẦN PHẢI HIỂU BIẾT CẤU
TẠO BÊN TRONG
CƠ THỂ.



Leonardo da Vinci không
những giỏi phẫu ngựa mà còn
giỏi phẫu cơ thể người, nhờ
đó ông đã vẽ được sơ đồ cấu
tạo cơ gân và xương cốt.



▲ Phác thảo của
Leonardo da Vinci.



▲ Phác thảo của Leonardo da Vinci.

Nghiên cứu của Leonardo dần mở rộng từ lĩnh vực
nghệ thuật sang khoa học, giải phẫu học. Ngoài ra,
ông còn đưa ra những quan điểm có giá trị trong
lĩnh vực sinh học.

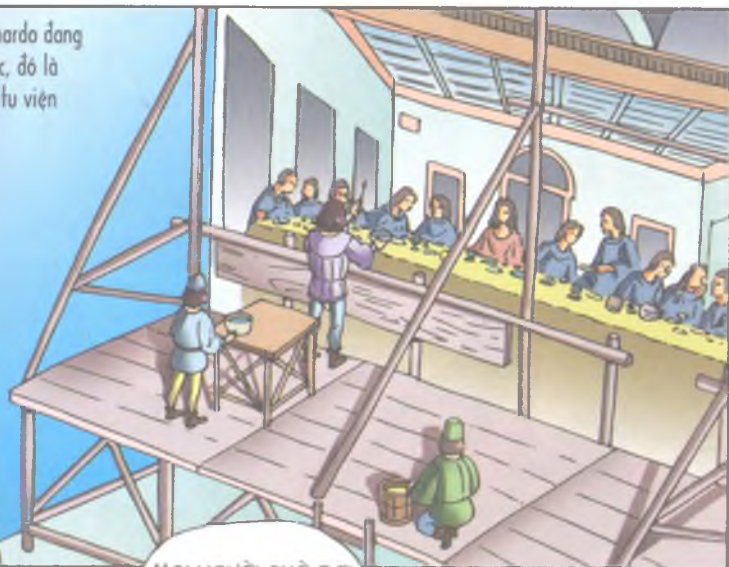


Ngoài ra, Leonardo còn dành tâm huyết nghiên cứu quang học.

KHI ÁNH SÁNG TRUYỀN THEO ĐƯỜNG THẲNG GẤP TẤM GƯƠNG, NÓ SẼ KHUẾCH TÁN THEO MỘT GÓC CỐ ĐỊNH.



Cùng lúc đó, Leonardo đang vẽ một kiệt tác khác, đó là bức họa tại nhà ăn tu viện Santa Maria.



ĐÚNG LÀ KHÔNG THỂ TIN NỔI ĐÂY LÀ BỨC TRANH TƯỜNG HOÀNH TRẮNG NHẤT MÀ TA TỪNG THẤY TRONG ĐỜI.

MỌI NGƯỜI CHỜ ĐỢI TÁC PHẨM "BỮA TỐI CUỐI CÙNG" CỦA LEONARDO SỚM ĐƯỢC HOÀN TẤT.

Nhưng...



NGÀI
LEONARDO,
BỨC BÍCH
HỌA NÀY
BAO GIỜ
MỚI HOÀN
THÀNH?

VIỆN TRƯỞNG
DƯỠNG NHƯ ĐÃ
HẾT KIẾN NHẢY,
ÔNG ẤY ĐÃ ĐẾN
TRÁCH MÓC TÔI.

THỰC RA,
NGUYỄN NHÂN
CHẬM TRỄ LÀ
DO TÔI KHÔNG
HÌNH DUNG RA
ĐƯỢC DÁNG VẼ
CỦA KẺ PHẢN
ĐỒ JUDAS
ISCARIOT.

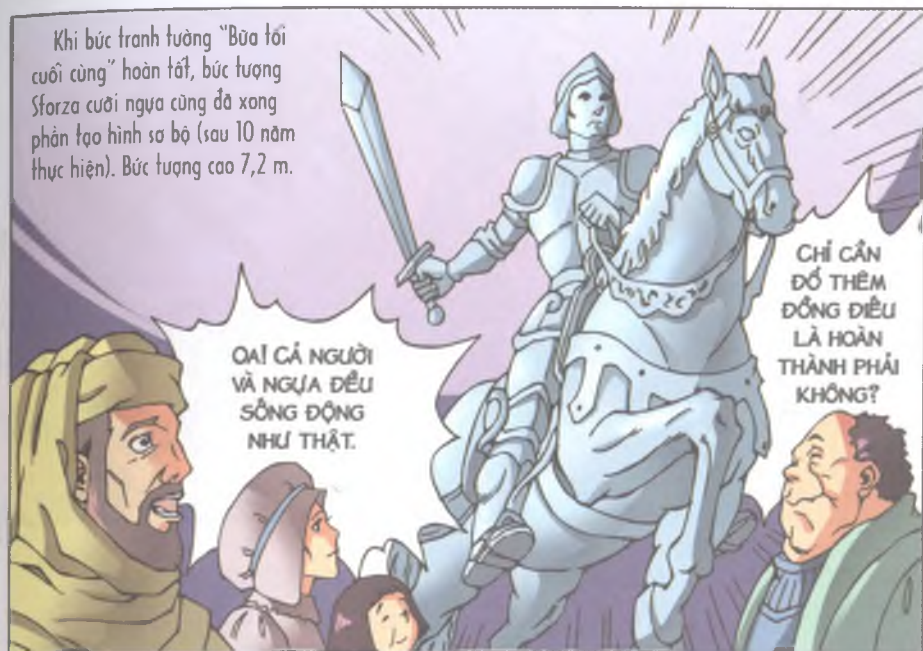


TẠO HÌNH
JUDAS THEO
GƯƠNG MẶT VIỆN
TRƯỞNG Ứ?

HA HA HA!
ĐƯỢC ĐÂY...
ĐƯỢC ĐÂY!



Khi bức tranh tường "Bữa tối cuối cùng" hoàn tất, bức tượng Sforza cưỡi ngựa cùng đồ xông phàn tạo hình sơ bộ (sau 10 năm thực hiện). Bức tượng cao 7,2 m.



Ngày 5 tháng 10 năm 1499,
quốc vương nước Pháp Louis XIII
xua quân tấn công Milan.



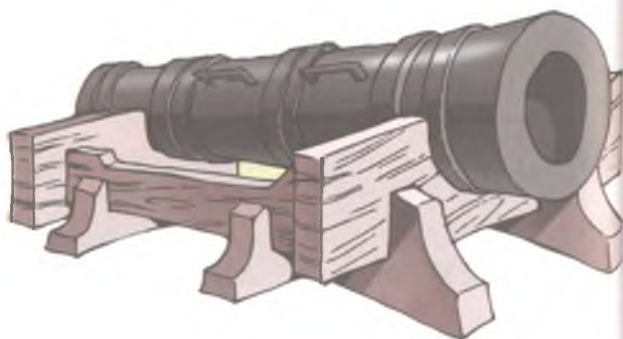
Milan bị quân Pháp chiếm đóng, công tước
Milan Lodovico bị bắt làm tù binh và bị áp giải
tới nước Pháp.



ĐẠI PHÁO VÀ SÚNG

Đại pháo và súng đã xuất hiện
trong thời kì văn hóa Phục Hưng.
Người ta dùng đại pháo để tấn
công các tòa thành. Sức bền của
thân pháo thời bấy giờ khá kém
nên sau khi bắn được 10 quả đạn
pháo, thân pháo không còn dùng
được nữa.

Đại pháo thời kì đầu chưa gắn bánh xe
di chuyển mà được đặt trên giá pháo.



TÔI LƯỢT
TA RỒI!

TA SẼ BẮN
RỤNG MẮT
PHẢI CỦA
CON NGỰA!

MUỐN TỒN TẠI
ĐƯỢC, NGƯỜI NGHỆ
SĨ BUỘC PHẢI DỰA
DẪM VÀO KẺ
KHÁC.
THẬT ĐÁNG
BUỒN!

TA CẦN TÌM MỘT
NGƯỜI CÓ THỰC
LỰC ĐỂ HỖ TRỢ
NHỮNG SÁNG
TẠO CỦA MÌNH.

Leonardo da Vinci chưa kịp hoàn thiện
được bức tượng kỵ sĩ thì nó đã bị quân
Pháp hủy hoại không thương tiếc.



Và Leonardo lại rời
Milan để tới Venice,
khi đó ông đã 48 tuổi.



Michelangelo và Raphael



Tượng Moses được Michelangelo chế tác vào năm 1545. Moses là người anh hùng dẫn dắt dân Do Thái thoát khỏi ách nô lệ dưới chính quyền Ai Cập. Bức tượng có vẻ ngoài cứng cáp, thần sắc cao quý, tỏ rõ sự uy nghiêm và sức mạnh của Moses. Đây thực sự là một tác phẩm nghệ thuật hiếm có.

Khi Leonardo đang ở Milan, một biến cố rất lớn đã xảy ra với thành phố Florence.

NHỮNG KẺ
CÒN NGU MUỘI
BỞI VÀNG BẠC
KIA, HÃY THỨC
TỈNH ĐI!

THẦN THÁNH
SẮP NỔI GIẬN
TRỪNG PHẠT
CHÚNG TA.

HỒI NHỮNG NHÀ
CẨM QUYỀN FLORENCE,
HỒI NHỮNG KẺ TÔI ĐÒI CỦA
THÁNH THẦN, SỰ PHẢN NỘ
CỦA THẦN THÁNH SẮP GIẢNG
XUỐNG ĐẦU CÁC NGƯỜI!

Năm 1491, một giáo sĩ Florence tên là Girolamo Savonarola đã dùng những lời lẽ giáo huấn tôn giáo để khích lệ những người dân đang giằng giụa trong bóng ma của chiến tranh và bệnh dịch hạch. Từ đây, một cuộc cải cách xã hội được đẩy lên và lan truyền khắp Florence.

HOAN HÔ!



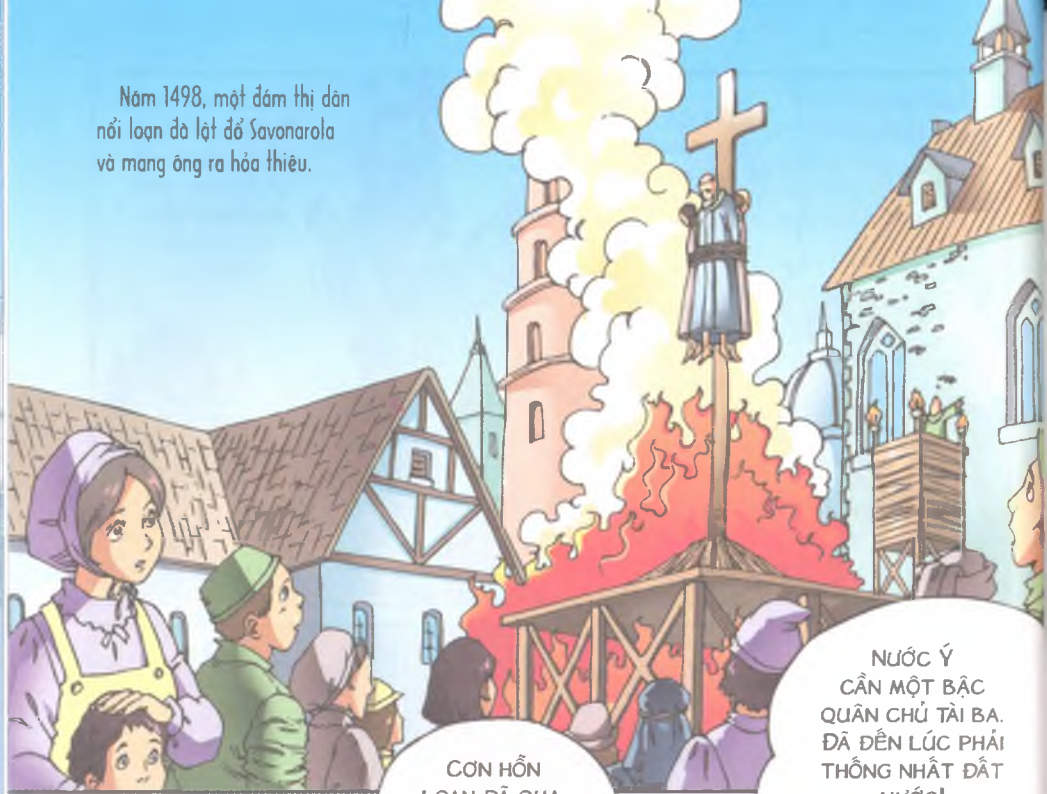


Bấy giờ, quân Pháp đã bắt đầu tấn công vào đất Ý. Bán đảo Ý hỗn loạn, dân chúng thành phố Florence nhân cơ hội đó đánh đuổi gia tộc Medici, chấm dứt ách thống trị cường quyền. Họ xây dựng một nước cộng hòa dưới sự dẫn dắt của Savonarola





Năm 1498, một đám thị dân
nổi loạn đã lật đổ Savonarola
và mang ông ra hỏa thiêu.



NƯỚC Ý
CẦN MỘT BẠC
QUÂN CHỦ TÀI BA.
ĐÃ ĐẾN LÚC PHẢI
THỐNG NHẤT ĐẤT
NƯỚC!

CƠN HỒN
LOẠN ĐÃ QUA,
ĐẾN LƯỢT
CHÚNG TA RỒI,
MACHIAVELLI!



Chàng trai trẻ này tên là Niccolo Machiavelli. Sau 15 năm, cuốn "Quân vương" (De Principatibus) của ông đã trở thành tác phẩm nổi tiếng toàn châu Âu.



Bốn năm sau khi Savonarola bị hỏa thiêu, Leonardo da Vinci trở về Florence.

NƠI NÀY
THẬT LÀ
LẮM!

CHẲNG CÒN
DẤU TÍCH CỦA
THÀNH PHỐ
PHỒN HOA
TRƯỚC KIA.



Vào thời điểm đó, tuy không còn sầm uất, tráng lệ, nhưng Florence lại đón chào những nhân vật "đỉnh đám" mới. Người đời sau gọi họ là "Tam kiệt thời kì văn hóa Phục Hưng". Đó là Leonardo da Vinci, Michelangelo và Raphael.



MICHELANGELO



RAPHAEL



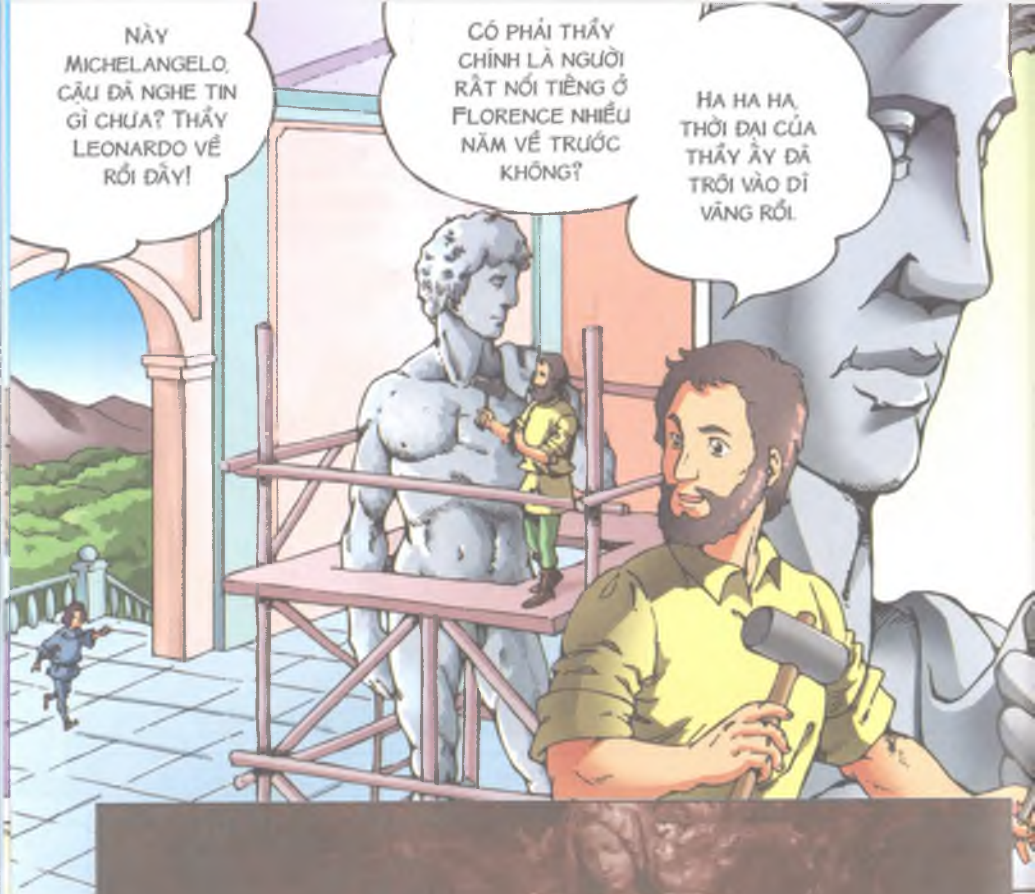
Cuốn "Quản vương" có ảnh hưởng sâu rộng đến thế giới. Cho đến nay, nó vẫn được truyền bá rộng rãi và được dịch ra nhiều thứ tiếng.



NÀY
MICHELANGELO,
CẬU ĐÃ NGHE TIN
GÌ CHƯA? THẤY
LEONARDO VỀ
RỒI ĐÂY!

CÓ PHẢI THẤY
CHÍNH LÀ NGƯỜI
RẤT NỔI TIẾNG Ở
FLORENCE NHIỀU
NĂM VỀ TRƯỚC
KHÔNG?

HA HA HA,
THỜI ĐẠI CỦA
THẤY ẤY ĐÃ
TRÔI VÀO DÌ
VĂNG RỒI.



Michelangelo chế tác bức tượng "Đức mẹ sầu bi" (tên gốc: Pieta, tên khác: Tình mẹ; Thương tiếc Jesus) vào năm 1498, khi ông mới 20 tuổi. Tác phẩm điêu khắc nghệ thuật này đã mang lại cho Michelangelo tiếng tăm lung lay.



Michelangelo đã dành thời gian 3 năm để hoàn thành bức tượng "David" (hay còn gọi là "Đức vua Do Thái") cao 5,2 m.

CUỐI CÙNG
BỨC TƯỢNG
"ĐỨC VUA DO
THÁI" CŨNG ĐÃ
HOÀN THÀNH.

ĐÂY ĐÚNG LÀ
BIỂU TƯỢNG
CHO SỰ TỰ DO
CỦA NƯỚC CỘNG
HÒA FLORENCE.

HA HA HA...
THỂ NÀO HÃ THẦY
LEONARDO?

ĐÔI BÀN TAY RUN RẮY
CỦA THẦY CÓ CÒN
ĐIỀU KHẮC RA ĐƯỢC
TÁC PHẨM NHƯ THỂ
NÀY KHÔNG?

NGHE ĐỒN
LEONARDO VÀ
MICHELANGELO
CÓ CHÚT
HIỂM KHÍCH.

MICHELANGELO
CÒN TRẺ TUỔI TÀI
NĂNG CỦA CẬU ẤY
KHIẾN BẠCH THẦY
LEONARDO PHẢI
LƯ MỒ.

HA HA,
THẬT RA CẢ HAI
ĐỀU LÀ NHỮNG
NHÂN TÀI HIỂM
CÓ TRÊN ĐỜI!



MỌI NGƯỜI ƠI
MAU RA MÀ XEM
LEONARDO VÀ
MICHELANGELO
"QUYẾT CHIẾN"
BẰNG BÍCH HỌA
KÌA!

THẬT
SAO?

CÓ
TRẦN
ĐẦU HAY
ĐỂ XEM
RỒI!

Năm 1503, thị trường thành phố Florence đã chia
công trình vẽ tường tòa thị chính ra làm hai nửa.
Một nửa dành cho Leonardo...



Nửa còn lại do Michelangelo
phụ trách.

Cuộc chiến thế kỉ giữa hai thiên tài lung danh thế giới đã bắt đầu.



Tháng 2 năm 1505, Leonardo hoàn thành bức phác thảo bích họa.



LEONARDO
VỀ "TRẬN CHIẾN
ANGHIARI". NÉT VẼ
ĐẦY UY LỰC THỂ HIỆN
SẮC NÉT CẢNH TƯỢNG
KHỐC LIỆT. CẬU CÓ
THẤY THỂ KHÔNG,
RAPHAEL?

ĐÚNG THẾ,
LẦN ĐẦU TIÊN MÌNH
THẤY MỘT BỨC TRANH
CHIẾN TRẬN ẢO TƯỢNG
ĐẸN VẬY. PHẢI
CHÉP LẠI NGAY!



Bức "Trận chiến Anghiari" miêu tả trận chiến ác liệt giữa quý tộc Florence và quân lính Milan tại Anghiari. Bức tranh rất truyền cảm, đáng tiếc, nó đã bị hủy hoại khi chưa kịp hoàn thành.



Bên kia, Michelangelo...



TÀ VỀ
BỨC
"TRẦN
CHIẾN
CASCINA",

MIÊU TẢ CẢNH
TƯỢNG THẨM KHỐC
KHI QUÂN SĨ CHÚNG
TÀ DẮM MÌNH TRONG
MƯA, BỊ KẼ ĐỊCH TẬP
KÍCH, RỒI LOAN NHƯ
RẮN MẮT ĐẤU.

Ồ, ANH TÀ
CÙNG GIỎI
GHÊ!



Nhưng không lâu sau....



THẤY MICHELANGELO
OI TRANH CỦA THẦY
LEONARDO BỊ HỒNG RỒI!
DO HONG CHƯA ĐỦ KHỎ
NÊN MÀU VẼ CHẢY
TRÔI HẾT.



TRÔI,
SAO LẠI
THẾ?



TRỜI
ƠI!

THẬT
ĐÁNG
TIẾC!

BỨC TRẠNH
NƯỚC TUYỆT
ĐẸP LẠI THÀNH
RA THẾ NÀY.

CHẮC
LÀ
THẤY
LEONARDO
ĐAU LÒNG
LẮM.







Sau này, Leonardo không về lại bức "Trận chiến Anghiari" nữa, còn Michelangelo được triệu gọi tới La Mã để phục vụ cho giáo hoàng. Vì thế trận chiến thế kỉ này không bao giờ có hồi kết.



Sau sự cố ở tòa thị chính, Leonardo bắt đầu tác phẩm mới.

XIN
CHÀO THẦY
LEONARDO,
EM XIN PHÉP
LÂM PHIÊN
THẤY MỘT
CHÚT!



RAPHAEL,
HÃY LẠI ĐÂY
XEM TÁC PHẨM
MỚI CỦA TA!



TÀ MUÔN
NGHE Ý KIẾN
CỦA TRÒ.





"Nụ cười của nàng Mona Lisa" là tác phẩm được Leonardo vẽ khi ông hơn 50 tuổi. Bức tranh vẽ người phụ nữ hơn 20 tuổi vừa mất đi đứa con. Nụ cười của Mona Lisa đã khiến Leonardo phải vắt óc suy nghĩ, dồn bao tâm huyết.

Bức tranh này vô cùng hài hòa, phảng phất nét thần bí, người trong tranh nở nụ cười khiến người khác phải trăn trở, mấy trăm năm vương vấn mãi không thôi. Ngày nay, bức tranh "Nụ cười của nàng Mona Lisa" trở thành tác phẩm tiêu biểu của Leonardo. Đây cũng là bức tranh chân dung nổi tiếng nhất thế giới.

TRỜI ƠI,
BỨC HỌA
NÀY...

HÀ HÀ...
HÃY CHO TA
LỜI GÓP Ý
CHÂN THÀNH
NHẤT, ĐỪNG
KHÁCH SẢO!





Ý KIẾN
CỦA EM
À?

EM KHÔNG THỂ
MÔ TẢ BẰNG LỜI.



BỨC TRANH
NÀY... ĐÚNG
HƠN LÀ NỤ
CƯỜI NÀY...



BỨC TRANH "NỤ CƯỜI
CỦA NÀNG MONA LISA"
SẼ MÃI ĐƯỢC LƯU GIỮ
TRONG TRÍ NHỚ CỦA
EM, KHÔNG BAO GIỜ
PHAI MỜ.

LIỆU EM CÓ VẼ ĐƯỢC
MỘT TÁC PHẨM ĐI VÀO
LÒNG NGƯỜI NHƯ THỂ
NÀY KHÔNG?

Không lâu sau đó, các bức họa của Raphael được giáo hoàng Julius II và Leo X khen ngợi. Ông được mời tới La Mã để vẽ bích họa cho tòa thánh Vatican.





Bức họa "Madonna
xứ Meadow" (hay "Đức
trinh nữ trên bãi cỏ") được
Raphael vẽ vào năm 1506.

Michelangelo, người tôi Florence trước Raphael một năm, đã được giáo hoàng mời vẽ cho trần nhà nguyện Sistine, Vatican.



MÌNH LÀ
MỘT NHÀ
ĐIỀU KHẮC.

THÊ MÀ
LẠI PHẢI
VẼ VỚI.



TAY,
CỔ VÀ VAI
ĐỀU MỎI
RÃ RỐI.

ĐÁNG GHÉT!
NHIỆM VỤ
NÀY QUÁ
GIAN KHỐ!



OÁI!
THẤY ƠI,
XIN THẤY
DỪNG NÓNG
NẤY, DỪNG
QUẢNG ĐỔ
BỮA BÀ!

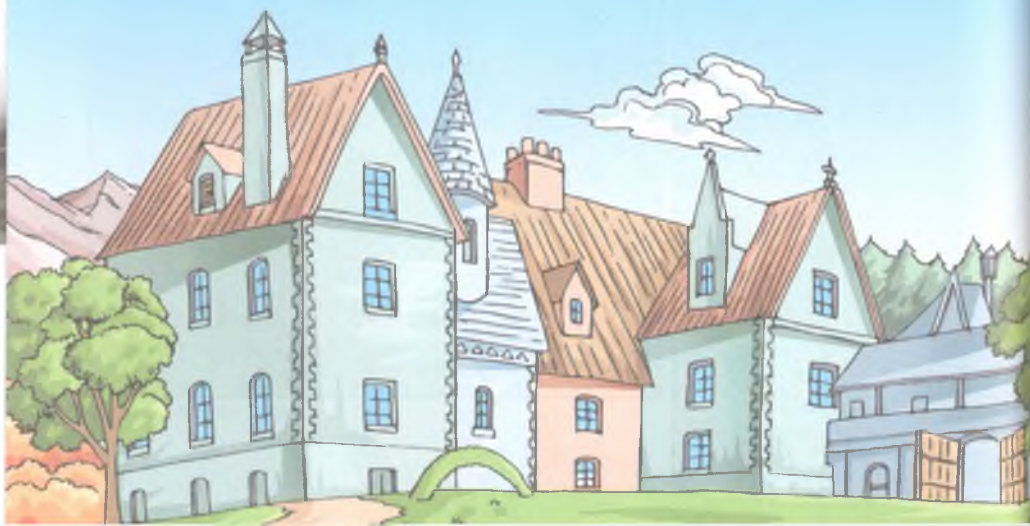




Bức tranh trần trắng lệ này dài 40,5 m và rộng 13,2 m.

Sau bốn năm rưỡi gian khổ, cuối cùng Michelangelo cũng hoàn thành bức tranh trần "Genesis" ("Sáng thế"). Về sau, bức tranh vẽ trên trần nhà này đã trở thành một tác phẩm kinh điển, một đỉnh cao của nghệ thuật, giúp tên tuổi Michelangelo nổi tiếng khắp nơi. Do làm việc quá vất vả và bị thúc ép liên tục nên khi hoàn thành tác phẩm, Michelangelo đã hỏng cả hai mắt.

Làn sóng văn hóa Phục Hưng với trung tâm
là nước Ý đã lan rộng ra cả châu Âu...





TÔI KHÓ THỞ QUÁ,
MỞ CỬA SỔ CHO
THOÁNG ĐƯỢC
KHÔNG?

Trong một căn phòng nhỏ ở trang viên Crooks
tại thành phố Amboise, nước Pháp, Leonardo
bệnh nặng, không thể nhấc mình lên nổi.



THỜI
GIAN
TRÔI
NHANH
QUÁ...

NHỚ LẠI
QUẢNG ĐỜI ĐÃ
QUA, TA ĐÃ LÀM
ĐƯỢC RẤT NHIỀU
VIỆC, NHƯNG CÒN
RẤT NHIỀU VIỆC
KHÁC CHƯA
KỊP LÀM.

TÀ THẤY
THỜI GIAN
NHƯ CẢNH
CHIM BAY
NGANG
TRỜI...

Ngày 2 tháng 5 năm 1519, con người cần mẫn
đại diện cho nền văn hóa Phục Hưng, Leonardo da
Vinci đã từ giã cõi đời.

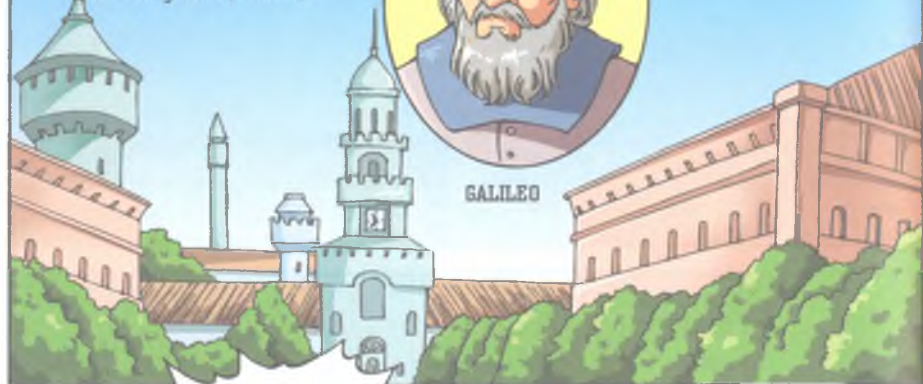


Nhờ những tài năng như Leonardo,
Michelangelo, Raphael mà nghệ thuật
Phục Hưng phát triển đến đỉnh cao rực rỡ.



Galileo và những tiến bộ khoa học

Văn hóa thời kì Phục Hưng không chỉ sản sinh ra những tác phẩm nghệ thuật kiệt xuất mà còn là thời kì của những tiến bộ khoa học.



Giữa thế kỉ
thứ 16

SAO LẠI CÓ
NHỮNG LỜI LỀ
BÁNG BỐ THỂ
NÀY? DẤM TUYÊN
BỐ TRÁI ĐẤT
XOAY QUANH
MẶT TRỜI Ứ?



TÁC GIẢ
CỦA BỘ
SÁCH NÀY LÀ
COPERNICUS
- MỘT LINH
MỤC BA LAN.





"THUYẾT ĐỊA TÂM"

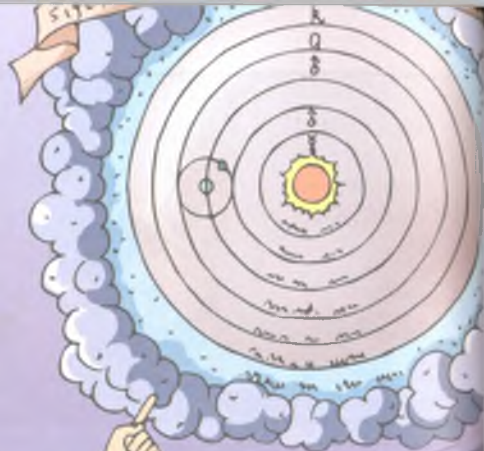
"Thuyết địa tâm" là học thuyết thiên văn do nhà thiên văn học người Hy Lạp Ptolemy đề ra vào thế kỉ thứ 2. Ông chủ trương Mặt Trời và các hành tinh đều chuyển động theo đường hoàng đạo và lấy Trái Đất làm trung tâm.

"Thuyết địa tâm" của Ptolemy kế thừa quan điểm của người Á Rập. Học thuyết này lan truyền khắp châu Âu vào thế kỉ thứ 12, được chép lại trong Kinh Thánh vào thế kỉ thứ 13 và được giáo hoàng La Mã thừa nhận.

- ◀ Vũ trụ mà Ptolemy hình dung có trung tâm là Trái Đất, các đường tròn xung quanh là quỹ đạo của Mặt Trời và các hành tinh.

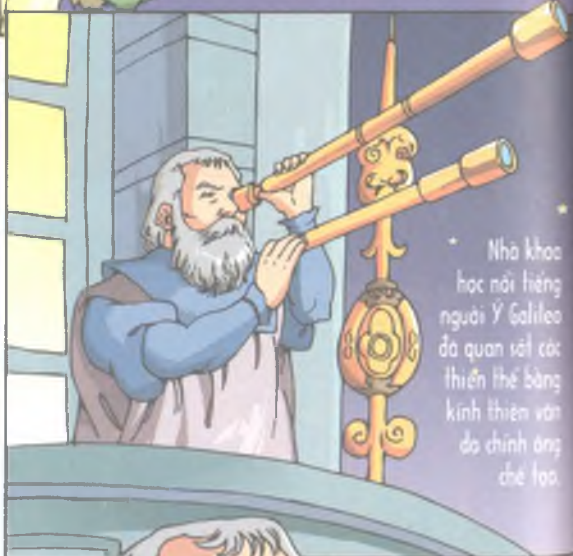


"Thuyết địa tâm" không chỉ được giáo hội thừa nhận mà còn trở thành học thuyết chủ đạo của ngành thiên văn thời bấy giờ. "Thuyết nhật tâm" của Copernicus lại đưa ra quan điểm trái ngược với "Thuyết địa tâm".



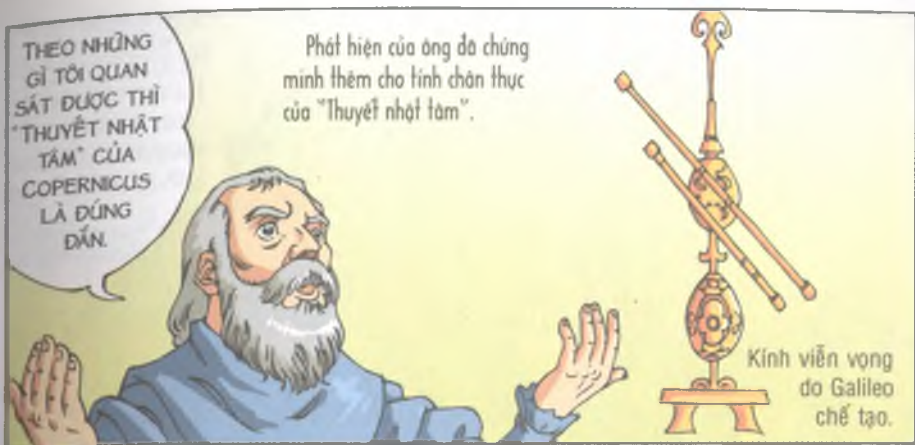
Theo Copernicus, Mặt Trời là trung tâm của vũ trụ, các hành tinh khác - trong đó có Trái Đất - quay quanh Mặt Trời.

• Đầu thế kỉ thứ 17



* Nhà khoa học nổi tiếng người Ý Galileo đã quan sát các thiên thể bằng kính thiên văn do chính ông chế tạo.





GALILEO GALILEI

Ông là một nhà vật lý và thiên văn học người Ý, sinh năm 1564, mất năm 1642. Ông ủng hộ "Thuyết nhật tâm" và đóng góp rất nhiều thành tựu cho nền vật lý và thiên văn, ví dụ như phát hiện ra Mặt Trăng có núi, có không khí hay vật thể dù nặng hay nhẹ đều rơi xuống đất với tốc độ gần như nhau.



Chân dung Galileo



Vài năm sau, Galileo bị đưa tới trước một giáo hoàng...

"THUYẾT NHẬT TÂM" LÀ HỌC THUYẾT MA QUỶ, TRÁI VỚI KINH THÁNH. ĐÓ LÀ MỘT SAI LẦM.

NHÂN DANH TÒA ÁN DỊ GIÁO LA MÃ, TA LỆNH CHO NGƯỜI BỎ NGAY TƯ TƯỞNG TÀ MA ĐÓ ĐI!



CẤM MIỆNG!
KINH THÁNH
LÀ CHÂN LÝ!

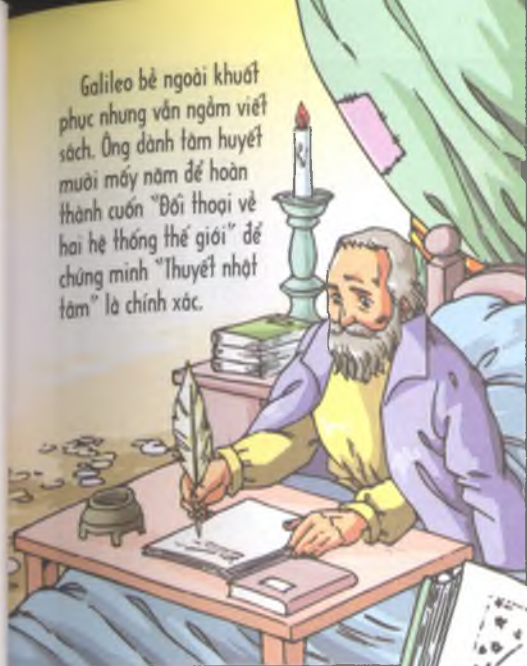
NẾU DẪM CHÔNG LẠI CHÚA, NGƯỜI SẼ BỊ BẮT BỎ TÙ.



Galileo bề ngoài khuất phục nhưng vẫn ngầm viết sách. Ông dành tám huyết mười mấy năm để hoàn thành cuốn "Đối thoại về hai hệ thống thế giới" để chứng minh "Thuyết nhật tâm" là chính xác.

Cuốn sách ra đời khiến tất cả bạn bè tin vào "Thuyết nhật tâm" lo lắng thay cho ông.

GALILEO TO GAN LỚN MẬT THẬT! GIÁO HỘI LA MÃ SẼ KHÔNG BỎ QUA CHO ÔNG ÂY ĐÂU.



KHÔNG THỂ THA THỨ ĐƯỢC! GALILEO LẠI CÓ NHỮNG LỜI LÊ PHẢN CHỐI.

KHÔNG THỂ BỎ QUA CHO KẺ DÁM LÀM Ồ NHỤC KINH THÁNH.

PHẢI XỬ TỘI THẬT NẶNG!



Năm 1633,
giáo hội La Mã
tiến hành ba
phiên xét xử
Galileo.





Vào thời kì Phục Hưng, mặc dù Copernicus, Galileo và Kepler có những phát hiện mới mẻ trong lĩnh vực thiên văn nhưng do thế lực của giáo hội quá lớn nên chân lí đã không được thừa nhận.



KEPLER

Ông là một nhà thiên văn học người Đức, sinh năm 1571, mất năm 1630. Sau nhiều năm quan sát, nghiên cứu, ông đã phát hiện ra quy luật vận động của các hành tinh, ông đã cho ra đời các tác phẩm có giá trị như "Bí ẩn vũ trụ" và "Thiên văn học mới".





Sau khi Galileo qua đời, rất nhiều nhà khoa học đã lần lượt chứng minh học thuyết của Galileo là đúng đắn. Chính họ đã thúc đẩy sự phát triển của nền khoa học cận đại.

Một trong những đại diện tiêu biểu chính là Isaac Newton. Ông đã mở ra một trang sử mới và đặt nền móng vững chắc, tiến bộ cho nền khoa học cận đại.



ISAAC NEWTON



NEWTON (1643 – 1727)

Newton sinh ra đúng lúc cuộc vận động Thanh giáo bùng phát ở nước Anh. Ông đã tiếp bước Copernicus và Galileo cống hiến cho ngành vật lý, và thiên văn học, với rất nhiều nghiên cứu trên nhiều lĩnh vực gồm quang học, lực học... Những phát hiện và phát minh của ông bao gồm:

Phát minh ra kính viễn vọng phản xạ

Quan trắc vòng Newton (Thấu kính và hiệu ứng quang học)

Lý thuyết hạt ánh sáng

Phát minh ra cách tính vi phân

Phát biểu định luật vạn vật hấp dẫn

Phát hiện ra ảnh hưởng của lực vạn vật hấp dẫn đối với quy luật vận động của các hành tinh.



Văn hóa Phục Hưng

Văn hóa Phục Hưng là phong trào văn hóa tư tưởng của giai cấp tư sản mới nổi được hình thành tại Ý vào giai đoạn từ năm 1350 đến 1550. Giai đoạn này xuất hiện rất nhiều nhân tài. Những sáng tạo và tư tưởng của họ tỏa sáng rực rỡ trên bầu trời châu Âu suốt một thời kì dài. Vô số kiệt tác văn học nghệ thuật thời kì này được lưu truyền tới tận ngày nay. Tư tưởng của họ chính là kết tinh trí tuệ mới mẻ của nhân loại.

Những nhân vật kiệt xuất này là nhà văn, nhà thơ, nhà khoa học, nghệ nhân. Trong tâm tưởng của họ, thời hoàng kim của lịch sử châu Âu chính là giai đoạn Hy Lạp và La Mã cổ đại. Trải qua đêm trường trung cổ, những thành tựu của thời hoàng kim ấy bị bó hẹp và thui chột. Các nhân tài thời Phục Hưng đã đẩy lên phong trào học hỏi tinh thần và nội hàm văn hóa cổ đại, dần hình thành phong cách đặc sắc phù hợp

với lí tưởng nhân văn, tạo dựng một thời kì sáng tạo vĩ đại trong lịch văn hóa thế giới.

Sau thời kì Phục Hưng, thái độ sống của dân thường đã có nhiều chuyển biến đáng kể. Họ bắt đầu yêu cầu nâng cao đời sống vật chất, chú trọng phát huy trí tuệ, tài năng và khả năng sáng tạo, thể hiện tinh thần lạc quan, tích cực và phấn đấu tiến về phía trước.

Chính sự giải thoát về tinh thần đã giúp góc nhìn và tư duy của con người cởi mở và lí trí hơn. Bởi thế, văn hóa Phục Hưng đã kết hợp cùng sự mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản và cách mạng công nghiệp sau này để trở thành phong trào tiên phong trong công cuộc thay đổi thế giới thời hiện đại.

**TỪ ĐIỂN BẠCH KHOA
LỊCH SỬ BỐ TỬ**

Bốn giai đoạn của văn hóa Phục Hưng

Theo trình tự thời gian và giai đoạn phát triển, văn hóa Phục Hưng được chia làm bốn giai đoạn lớn:

Đầu thế kỉ thứ 14 là giai đoạn khởi đầu của văn hóa Phục Hưng, trào lưu tư tưởng xã hội mới thoát khỏi sự bảo thủ do những bó buộc đè nén của thần quyền, bắt đầu ca ngợi vẻ đẹp của tự nhiên và của chính con người. Những nhân vật đại diện cho thời kì này là "Văn đàn tam kiệt", gồm: Dante Alighieri, Francesco Petrarca, Giovanni Boccaccio, ngoài ra còn có "Cha đẻ của ngành hội họa châu Âu" – họa sĩ Giotto di Bondone. Họ đều là người Florence. Tác phẩm "Thần khúc" của Dante đã mở màn cho thời đại văn hóa Phục Hưng ở Ý.

Từ cuối thế kỉ thứ 14 đến nửa đầu thế kỉ thứ 15 là giai đoạn sớm của văn hóa Phục Hưng, lúc này chủ nghĩa nhân văn và văn học nghệ thuật có bước phát triển sâu hơn, đặt nền móng cho thời kì đỉnh cao của nền văn hóa Phục Hưng. Giai đoạn này cũng xuất hiện rất nhiều họa sĩ,

nhà điêu khắc, kiến trúc sư kiệt xuất mà đại diện là họa sĩ Tommaso di Giovanni.

Cuối thế kỉ thứ 15 đến nửa đầu thế kỉ thứ 16 là thời kì đỉnh cao của văn hóa Phục Hưng với những tên tuổi lớn như "Tam kiệt văn hóa hậu Phục Hưng": Leonardo da Vinci, Raphael, Michelangelo. Những sáng tác của họ đạt đến đỉnh cao nghệ thuật chưa từng có, khiến cả thế giới phải ngưỡng vọng.

Từ cuối thế kỉ 16 đến nửa đầu thế kỉ 17 là thời kì cuối của văn hóa Phục Hưng với những anh tài xuất sắc, mà nổi tiếng nhất là nhà tư tưởng, nhà khoa học Giordano Bruno.



Chủ nghĩa nhân văn trong văn hóa Phục Hưng

Tư tưởng xã hội chủ đạo của thời kì Phục Hưng là chủ nghĩa nhân văn. Đây là khái niệm có nguồn gốc từ tiếng La Tinh và có một cách dịch khác là “chủ nghĩa nhân đạo”. Nó bắt nguồn từ tư tưởng của nhà nhân văn người Ý Francesco Petrarca: “Con người là gốc của vạn vật”.

Quan điểm thần học của giáo hội trung cổ cho rằng: Đấng bề trên là tối thượng, Thượng đế nắm quyền làm chủ vạn vật, con người là tôi đòi, là con chiến có tội và thấp kém, chỉ có thể phục tùng ý chỉ và sự sắp đặt của Thượng đế. Thế giới quan của chủ nghĩa nhân văn gần như đối lập hoàn toàn với thần học. Chủ nghĩa này nhấn mạnh khái niệm “con người là trung tâm”, coi trọng giá trị của con người, đề cao cá tính và quyền lợi của con người, chủ trương tự do tinh thần, đề cao sự tôn quý và nhân phẩm của con người, ca ngợi giá trị con người. Không chỉ thế, chủ nghĩa nhân văn còn chủ trương hướng lạc, phản đối chủ nghĩa khổ hạnh. Họ cho rằng sống khổ hạnh, đoạn tuyệt với các thú vui là đi ngược với nhân tính, bởi bản tính của con người

là theo đuổi, mưu cầu hạnh phúc và niềm vui chốn nhân gian.

Chủ nghĩa nhân văn còn đề cao khoa học và vật chất, phản đối chủ nghĩa huyền bí và chính sách mê muội ngu dân. Ngoài ra, chủ nghĩa nhân văn còn phản đối tình trạng cát cứ, ủng hộ chế độ tập quyền trung ương, chống giặc ngoại xâm, chủ trương độc lập dân tộc... Luồng sinh khí của chủ nghĩa nhân văn đã mang lại sức sống và máu huyết tươi mới cho xã hội, xứng đáng là một phong trào giải phóng tư tưởng vĩ đại trong lịch sử châu Âu.

Tư tưởng của chủ nghĩa nhân văn không chỉ được đẩy lên đỉnh cao mới trên các lĩnh vực chính trị xã hội, kinh tế, văn hóa, khoa học kĩ thuật mà còn tạo nên những con người kiệt xuất như Leonardo da Vinci, Raphael, Petrarca... Các tác phẩm của họ luôn lấp lánh ánh sáng của tư tưởng nhân văn. Các tác phẩm ấy không chỉ tạo bước đột phá trong phong cách nghệ thuật truyền thống mà còn tiếp thêm sức sống và tư tưởng sáng tạo, mở đường cho sự phát triển của nghệ thuật sau này.

Gia tộc Medici

Sự phát triển mạnh mẽ của văn hóa Phục Hưng không chỉ dựa trên tài hoa của các nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ, mà còn cần đến công lao to lớn của các tập đoàn tài chính và các gia tộc lớn – những người hết lòng ủng hộ nghệ thuật.

Gia tộc Medici rất nổi tiếng tại Florence, nước Ý. Tổ tiên gia tộc này vốn là nông dân giàu lên nhờ kinh doanh, dần trở thành quý tộc, tích cực tham gia vào quá trình vận hành bộ máy chính quyền Florence. Năm 1378, gia tộc này trở thành chủ tịch ủy ban chính quyền thành phố Florence. Sau đó, chính quyền dần bị lật đổ, họ bị đuổi khỏi Florence. Nhưng gia tộc vẫn chưa bị mai một mà vẫn kiếm được những khoản lợi nhuận khổng lồ nhờ kinh doanh tài chính ngân hàng. Họ trở thành gia tộc giàu có nhất Florence, hưng thịnh trở lại, con trai cả của

họ thậm chí còn thay mặt ngân hàng Medici tiếp quản tài chính của giáo hoàng. Sau đó, gia tộc Medici dựa vào tiềm lực kinh tế hùng hậu để trở thành “vua không ngai” của Florence.

Năm 1569, gia tộc này lập ra công quốc Tuscany, chính thức thống trị Florence cho tới tận năm 1737.

Gia tộc Medici thường xuyên ủng hộ tài chính cho các nhân vật trong giới văn nghệ như Michelangelo. Có thể nói, việc Florence trở thành trung tâm của văn hóa Phục Hưng không thể thiếu công sức của gia tộc Medici.



Dante Alighieri

Dante (1265 – 1321) là người đi đầu trong văn hóa Phục Hưng của Ý, cũng chính là nhà văn vĩ đại trong thời kì châu Âu chuyển mình từ thời kì trung cổ sang chủ nghĩa tư bản. “Thần khúc” của ông là một trong những tác phẩm quan trọng nhất của lịch sử văn học thế giới.

Dante ra đời tại thành phố Florence, thuộc nhỏ sống thiếu thốn khó khăn nhưng cần cù hiếu học, có tư tưởng sâu sắc và tinh tế. Văn chương của ông có tính dẫn đường chỉ lối trong các lĩnh vực văn hóa và như trận mưa tưới, gội rửa thần học trung cổ.

Năm 1302 Dante bị nhà cầm quyền cách chức và bắt nộp một khoản tiền lớn vì tội danh “làm ô uế” và “chống đối” giáo hoàng, nhưng ông quyết không nhận tội và cuối cùng bị xử lưu đày. Trong 20 năm bị lưu đày, ông đã đi khắp nơi, tiếp xúc với nhiều tầng lớp trong xã hội và thấu hiểu cuộc sống của người dân. Ông đã viết nên tác phẩm triết học thần học nổi tiếng “Bữa tiệc”, tác phẩm về ngôn ngữ học và luật thơ mang tên “Tục ngữ luận” và tác phẩm chính trị học “Đế chế luận”.

Cha đẻ của chủ nghĩa nhân văn – Petrarca

Francesco Petrarca (1304 – 1374) sinh ra trong gia đình danh gia vọng tộc của Florence. Bố ông là một luật sư. Từ nhỏ ông đã theo bố phiêu dạt tới Pháp, sau đó cũng học luật. Sau khi bố mất, ông bắt đầu chuyên tâm sáng tác văn học, ông đi khắp châu Âu, từng làm thầy tu, có cơ hội giao du với hoàng gia và giáo hội, trở thành nhà thơ nổi tiếng có học thức uyên bác.

Petrarca tinh thông các tác phẩm văn học kinh điển, ông là người đầu tiên nghiên cứu văn hóa cổ theo quan điểm nhân văn, và gọi nền trí thức cổ điển là văn học nhân văn nên còn được mệnh danh là “Cha đẻ của chủ nghĩa nhân văn”. Ông sáng tác rất nhiều bài thơ và tản văn bằng tiếng La Tinh, ca ngợi trí tuệ và tình yêu của nhân loại, thách thức chủ nghĩa thần quyền và chủ nghĩa khổ hạnh.

“Thần khúc” của Dante

Tác phẩm xuất sắc nhất của Dante là “Thần khúc”. Đây là một đại diện tiêu biểu cho nền văn hóa Phục Hưng của Ý.

“Thần khúc” gồm hơn 100 bài thơ thể 14 câu, mượn lời thơ để kể câu chuyện nhà thơ cổ La Mã Virgil được người yêu của ông là Beata Beatrix dẫn đi khắp địa ngục, lò ngục và thiên đàng. Nhà thơ đã dùng biện pháp ẩn dụ để miêu tả hiện thực xã hội, đồng thời phản ánh cách nhìn của ông về nhân thế, khiến cho người nghe hiểu được rằng, muốn tới thiên đàng lí tưởng cần trải qua rèn luyện khổ cực.

“Thần khúc” vừa tuyên truyền những quan niệm tôn giáo thời trung cổ như linh hồn bất diệt, báo ứng, thiên đàng, địa ngục... nhưng cũng thể hiện tinh thần của chủ nghĩa nhân văn như trọng dân khinh quân, tình yêu là trên hết. Đây thực sự là một kiệt tác có đóng góp to lớn cho nền văn học Ý.

Tác phẩm thơ của Petrarca

Petrarca cho rằng, con người cao quý không phải do xuất thân mà là do hành vi, trong đó có tác phẩm thơ nổi tiếng là thiên sử thi “Châu Phi” thuật lại sự tích anh hùng của thống soái La Mã cổ, ca ngợi sự vĩ đại của La Mã và thể hiện tinh thần yêu nước. Tuy tác phẩm này vẫn còn dang dở nhưng nó vẫn mang đến cho Petrarca danh hiệu “Nhà thơ của vòng nguyệt quế”. Tác phẩm “Ca tập” của ông viết theo thể tự tình 14 dòng bằng tiếng Ý với đề tài chủ yếu là tình yêu, ca ngợi tình yêu và khát vọng tình yêu. “Ca tập” thể hiện chủ nghĩa nhân văn coi tình yêu là trên hết, đồng thời cũng mở ra một hướng thơ mới: thơ tự tình châu Âu.



Giovanni Boccaccio và “Mười ngày”

Giovanni Boccaccio (1313 - 1375) là một nhà văn, nhà thơ xuất sắc thời kì Phục Hưng, cũng là một người theo chủ nghĩa nhân văn với tác phẩm đại diện “Mười ngày”.

“Mười ngày”- với tên gọi khác là “Nhân khúc” - được xem là tác phẩm song sinh với “Thần khúc” của Dante. Tác phẩm bắt nguồn từ một trận ôn dịch xảy ra ở Florence nước Ý. Dịch bệnh đã khiến một Florence tươi đẹp phồn hoa biến thành nấm mồ tập thể, xác chết đầy đường. Tác giả đã lấy bối cảnh này để viết nên tiểu thuyết “Mười ngày” nổi tiếng bậc nhất nước Ý thời bấy giờ. Khi bệnh dịch đang hoành hành ở Florence, bảy cô gái trẻ xinh đẹp và ba anh chàng điển trai, có quan hệ hoặc là người yêu, hoặc là người thân với nhau gặp nhau ở nhà thờ và hẹn cùng rời khỏi Florence tới căn biệt thự xinh xắn nằm ở ngoại ô để tránh dịch. Mười người trẻ tuổi cùng quy ước mỗi người mỗi ngày phải kể một câu chuyện cảm động, và trong 10

ngày ấy họ đã kể tất cả 100 câu chuyện.

Tác phẩm không chỉ miêu tả và ca ngợi cuộc sống tươi đẹp, tự do và tình yêu, mà còn vạch ra những thói xấu xa của giáo hội cũng như bộ mặt đạo đức giả của các giáo sĩ và nữ tu sĩ. Giovanni Boccaccio đã bị giáo hội đang nắm quyền hành thời ấy bức hại, tác phẩm này của ông cũng bị tiêu hủy.



Nhà điêu khắc Donatello

Donatello sinh vào khoảng năm 1386 ở Florence, là nhà điêu khắc nổi tiếng thời Phục Hưng. Ông đã từng tham gia khắc cánh cửa đồng ở nhà rửa tội từ khi còn rất trẻ, sau đó, ông tới La Mã quan sát và học hỏi các tác phẩm điêu khắc cổ điển. Ông sở hữu nghệ thuật tả thực cao siêu và là người đầu tiên áp dụng nghệ thuật vẽ phối cảnh, luật xa gần vào điêu khắc phù điêu.

Các tác phẩm của ông có tỉ lệ hài hòa, tư thế sống động, khí phách hỗn hậu, tầm bao trùm rộng lớn với những cốt lồi đậm đà. Những tác phẩm này là bước đột phá của nghệ thuật điêu khắc đương thời. Trong đó, tác phẩm tiêu biểu là bức tượng đồng “David” và tượng “Gattamelata”. Bức tượng “Gattamelata” cao 4 m, với hình tiết chắc chắn, cả người và ngựa đều tinh tế, chính xác, hài hòa, là một trong những tác phẩm quý giá nhất của thể loại này từ cổ chí kim.

Andrea del Verrocchio

Andrea del Verrocchio (1435 – 1488) là họa sĩ, nhà điêu khắc người Ý, sinh ra ở Florence. Ban đầu ông làm nghề kim hoàn, sau đó gia nhập giới nghệ thuật. Xưởng vẽ và điêu khắc của ông thuộc hàng thượng hạng, đào tạo ra hàng loạt nhân vật tiếng tăm và tài năng kiệt xuất, trong đó có Leonardo da Vinci. Tác phẩm của Verrocchio chủ yếu là điêu khắc trên chất liệu đồng với cá tính nổi trội, tự nhiên, nhuần nhuyễn, phản ánh phong cách nghệ thuật mới cuối thế kỉ thứ 15, tiêu biểu là nhóm tượng “Chúa Jesus và thánh Thomas”.

Các tác phẩm hội họa của ông không nhiều, nổi tiếng nhất là bức “Chúa Jesus rửa tội” vẽ cùng với Leonardo da Vinci.



Giotto di Bondone

Giotto di Bondone (1267 – 1337) là nhà điêu khắc và kiến trúc kiệt xuất thời kì Phục Hưng, đồng thời là người đặt nền móng cho hội họa hiện thực cận đại, được tôn vinh là “cha đẻ của hội họa Ý”.

Giotto sinh ra tại một ngôi làng gần Florence, bố ông là một nông dân cùng khổ. Hồi nhỏ Giotto chăn cừu, tính cách hoạt bát, thông minh, rất yêu hội họa, thường vừa chăn cừu vừa dùng cành cây hay viên đá vẽ trên mặt đất. Sau đó, do một cơ hội tình cờ mà ông được vào xưởng vẽ học việc. Nhờ khả năng trời phú, ông tiến bộ rất nhanh, sáng tạo ra rất nhiều tác phẩm mang hơi thở cuộc sống. Tác phẩm của ông vượt qua những hạn chế của những trước tác tôn giáo thiếu sức sống thời trung cổ.

Năm 1334, Giotto thiết kế lầu chuông và điêu khắc một phần phù điêu của nhà thờ Florence. Ông được chính quyền nước cộng hòa Florence phong tặng danh hiệu “Bậc thầy nghệ thuật”.

Các tác phẩm của Giotto được bảo tồn nguyên vẹn nhất cho đến ngày nay là nhóm bích họa liên hoàn trong nhà thờ Arena Chape ở thành phố Padova. Ông đã vẽ 38 bức bích họa liên hoàn trên ba mặt tường bên trái, bên phải và ở giữa. Trong đó, bức vẽ sự tích cuộc đời Đức mẹ và Chúa Jesus được sáng tác vào năm 1305 đến 1306 được coi là cột mốc quan trọng của nghệ thuật Ý thế kỉ thứ 14, cũng là tinh hoa nghệ thuật của Giotto.

Ông là người đi đầu kết hợp tư tưởng của chủ nghĩa nhân văn với chủ nghĩa tả thực trong sáng tác, đặt nền móng cho nền hội họa hiện đại. Phong cách hội họa của ông ảnh hưởng đến nước Ý suốt gần một thế kỉ.

Giovanni

Tommaso di Giovanni (1401-1428) cũng là một danh họa Ý thời kì Phục Hưng, chịu nhiều ảnh hưởng của Giotto. Ông đã đưa tư tưởng của chủ nghĩa nhân văn vào các tác phẩm nghệ thuật của mình.

Tuy nhà nghèo nhưng từ bé Giovanni đã đam mê hội họa và gia nhập vào hội họa sĩ khi mới 21 tuổi. Các tác phẩm đầu tay của ông chú trọng tả thực, những nhân vật trong tranh mang hơi hướng điêu khắc. Tác phẩm tiêu biểu “Đức mẹ cùng con và các giáo đồ” của ông được người đời sau phát hiện năm 1961. Ngoài ra ông còn vẽ bích họa tại nhiều nhà thờ ở Florence như “Tam vị nhất thể”, “Nộp cống nạp”...

Năm 1428, Giovanni rời Florence tới Roma, sau đó không lâu có tin ông đã qua đời, một họa sĩ tài năng với tiền đồ rộng mở ra đi khi tuổi đời còn rất trẻ (mới 27 tuổi) khiến bao người xót xa.

Bức tranh “Bữa tối cuối cùng”

“Bữa tối cuối cùng” là tác phẩm kinh điển mà Leonardo da Vinci sáng tác trong thời kì đỉnh cao phong độ. Tác phẩm miêu tả cảnh bữa tối từ biệt của Chúa Jesus và các tông đồ, là bức tranh tường ướt trong phòng ăn của tu viện Santa Maria delle Grazie ở Milan. Bức tranh có cấu tứ tinh tế, bố cục độc đáo, kết hợp với các kiến trúc khác trong phòng ăn khiến người xem có cảm giác được nhìn thấy cảnh tượng đó ngay trước mắt.

Trong cách sắp xếp các nhân vật, Leonardo da Vinci bố trí Chúa Jesus ở trung tâm bức tranh, còn các tông đồ với thái độ và cử chỉ khác nhau (sợ hãi, phẫn nộ, nghi ngờ, hoang mang...) trước tin Jesus sắp bị bắt. Cách khắc họa của Leonardo khiến các nhân vật cực kì sinh động và nổi bật được chủ đề bức tranh. Có thể nói đây là một trong những kiệt tác hoàn mĩ nhất thế giới.



Bộ lặn của Leonardo da Vinci

Ngoài tài năng thiên phú về hội họa, Leonardo da Vinci còn nổi danh với tư cách là một nhà khoa học - một danh hiệu dường như không hề dính líu tới nghệ thuật. Bên cạnh những tác phẩm nghệ thuật xuất sắc, Leonardo có rất nhiều phát minh khoa học.

Lúc đó, các ngành khoa học tự nhiên đạt được những tiến bộ vượt bậc, con người bắt đầu nghĩ tới việc lặn xuống dưới nước sâu, Leonardo da Vinci cũng tham gia thiết kế thiết bị lặn dưới nước. Ông đã sáng tạo ra bộ đồ lặn bằng da thuộc, ống thở bằng ống sậy, thậm chí cả túi đựng nước tiểu cho người lặn, điều đó chứng tỏ ông là người hết sức chu đáo. Ngoài ra ông còn khuyến khích các thợ lặn mang theo một con dao sắc nhọn để dùng khi cần kíp, nhất là khi gặp phải những thứ quái lạ chân tay mình.

Ngày nay, người ta đã chế tạo những bộ đồ lặn tiện lợi dựa trên ý tưởng này của ông.

"Tàu lượn cánh chim" của Leonardo da Vinci

Leonardo da Vinci có ý tưởng đưa con người bay lượn tự do trên bầu trời, vì thế, ông đã thiết kế ra tàu lượn.

Leonardo da Vinci đã thiết kế tàu lượn từ cuối thế kỉ thứ 15 nhưng bản phác thảo bị thất lạc. Mãi tới năm 1966, người ta mới tìm thấy nó trong một viện bảo tàng ở Madrid. Ông thiết kế khung giá đỡ để căng vải bướm với hai dây tời kéo điều khiển hướng tàu lượn và cả giỏ để chở người.

Thiết kế sáng tạo này còn có ghế ngồi và các vật dụng khác dành cho người lái, nhưng chưa có mũ bảo hiểm.

Khẩu pháo ba nòng của Leonardo da Vinci

Leonardo da Vinci căm thù chiến tranh, nhưng vì vấn đề chính trị, ông buộc phải thiết kế đại bác.

Đại bác lúc đó đa phần dùng để công thành nên rất nặng và rất tốn thời gian lắp ráp, do đó không được dùng rộng rãi, Leonardo da Vinci đã khắc phục được những nhược điểm này.

Đại bác của Leonardo da Vinci là đại bác ba nòng, hỏa lực mạnh, trọng lượng nhỏ, thời gian bắn ngắn, rất bền, dễ tháo lắp, được coi là đại bác hạng nhẹ. Để nâng cao độ chính xác, ông đã thêm vào đó thiết bị ngắm, điều chỉnh độ cao của nòng pháo, biến nó thành vũ khí đặc dụng trên chiến trường.

Thành phố lý tưởng

Từ năm 1484 đến năm 1486, dịch bệnh bùng phát ở thành phố Milan miền Bắc nước Ý. Đau buồn trước thảm cảnh này, Leonardo da Vinci đã thiết kế một thành phố lý tưởng với bài trí hợp lý, an toàn, thoải mái và phồn vinh. Leonardo da Vinci còn tiến hành khảo sát nhiều thành phố khác, nghiên cứu sâu về các vấn đề cần đổi mới khi khôi phục kiến trúc thành phố. Ông có nhiều kiến giải mà cho tới ngày nay người ta vẫn có thể học hỏi, bao gồm việc nên xây thành phố lý tưởng gần sông bởi nước sông có thể giúp giải quyết rất nhiều vấn đề.

Không chỉ thế, với niềm ngưỡng vọng kiến trúc cổ điển, ông đã lấy nhà thờ làm trung tâm thành phố, bố cục kiến trúc thành phố được xây theo vành đai bán nguyệt mở rộng ra ngoài, các nhà nguyện và cột trụ xen kẽ, đối xứng nhau. Độ rộng của đường phố rất cân xứng với độ cao của các cung điện. Những cung điện có sảnh lớn là nơi ở cho giới quý tộc, những con đường thấp được dùng cho việc buôn bán và giao thông vận tải.



Xe tự động

Ai trong chúng ta cũng biết xe ô tô khởi động và vận hành được là nhờ động cơ, nhưng Leonardo da Vinci đã thiết kế ra chiếc xe kéo gỗ tự vận hành đầu tiên nhờ vào hệ thống truyền động là **xo**.

Từ năm 1905, trong số các nhà nghiên cứu về Leonardo da Vinci, có người đã chú ý tới mối liên hệ giữa thiết kế của ông và chiếc xe hơi hiện đại. Nhưng phải đến gần đây các nhà khoa học mới giải mã được thiết kế của ông. Năm 2004, các nhà khoa học của viện bảo tàng ở Florence đã chế tạo ra chiếc xe gỗ tự động từ bản thiết kế của ông và phát hiện ra rằng ô tô hoàn toàn có thể vận hành theo ý tưởng và thiết kế này. Thật là thần kì phải không các bạn?

Leonardo da Vinci viết chữ ngược

Leonardo da Vinci có những thói quen kì quặc mà người ta khó mà lí giải nổi, ví dụ như khi viết chữ, thông thường mọi người viết từ trái qua phải còn ông viết từ phải qua trái. Bởi vậy, có thể nói rằng ông viết ngược.

Ông là người thuận tay trái nên việc viết ngược không hề khó đối với ông. Có người suy đoán rằng Leonardo da Vinci viết như vậy để khỏi đầy mực ra tay, cũng có người cho rằng thời Phục Hưng có rất nhiều kẻ sao chép và nhái chữ nên ông cố ý viết ngược để giữ bí mật những ý tưởng của mình, không để cho người khác biết.

Cách viết bí mật của ông khiến người khác khó mà đọc được, thậm chí phải nhìn vào gương mới đoán ra được nội dung. Thêm vào đó, ông còn cố ý viết sai hoặc viết theo trình tự mà người khác không sao tư duy được. May thay, khi viết thư cho người khác, ông vẫn dùng cách viết thông thường. Rất có thể ông là một kì tài có khả năng viết bằng cả hai tay và cả hai hướng.

Bức họa “Nụ cười của nàng Mona Lisa”

Bức tranh “Nụ cười của nàng Mona Lisa” là bức họa chân dung đạt tới đỉnh cao nghệ thuật của Leonardo da Vinci. Theo một nhà văn cùng thời ghi chép lại thì Mona Lisa là vợ của một nhà buôn da ở Florence. Khi Leonardo da Vinci vẽ bức họa, nàng mới 24 tuổi và vừa mới mất đi đứa con gái thương yêu nên đang trong tâm trạng vô cùng đau đớn. Để cho nàng nở nụ cười, họa sĩ đã cất công nghĩ ra nhiều cách như: mời nhạc sư tấu nhạc, hát, kể chuyện cười nhằm tạo không khí vui vẻ. Nhưng cũng có người hoài nghi về lai lịch của Mona Lisa, những luồng ý kiến này đã phủ lên bức tranh một lớp màn thần bí.

Tên bức tranh, nụ cười của nàng lúc ẩn lúc hiện. Nơi giao mảy của nàng có cảm giác như lộ vẻ vui tươi, cử chỉ nhẹ nhàng, nụ cười bình lặng thể hiện vẻ đẹp e ấp, khép nép của người phụ nữ thời cổ. Leonardo da Vinci đã dùng cách xử

lí đặc biệt khi vẽ phần mặt của nàng, đặc biệt là phần miệng và đôi mắt, cho nên ở các góc độ khác nhau có thể thấy nụ cười có nét khác nhau, vẻ sâu xa ấy đã khiến rất nhiều người đã gọi đây là “nụ cười bí ẩn”. “Nụ cười của nàng Mona Lisa” được rất nhiều người nghiên cứu. Các chuyên gia ở các lĩnh vực khác nhau thu được những kết quả khác nhau từ việc phân tích nụ cười thâm trầm ấy.



Văn hóa Phục Hưng ở Pháp

Khoảng cuối thế kỉ 15, nước Pháp hình thành quốc gia quân chủ tập quyền trung ương. Do giới quý tộc và vương thất nước Pháp có thế lực lớn, tầng lớp tư sản mới nổi lại phải dựa vào nhà nước mới tồn tại được, bởi vậy, giai cấp tư sản này bị vương quyền kiểm soát.

Phong trào văn hóa Phục Hưng của Ý được truyền bá sớm nhất vào Đức, Pháp, nhưng trung tâm văn hóa Phục Hưng ở Pháp chỉ hạn chế trong cung đình vương thất và một bộ phận quý tộc. Ngay từ khi mới được thành lập, quốc gia dân tộc thống nhất Pháp đã có ý thức dân tộc sâu sắc, vì thế mà trào lưu văn hóa Phục Hưng ở Pháp cũng phản ánh rất rõ ý thức này.

Đại diện cho nền Văn hóa Phục Hưng Pháp là François Rabelais. Tiểu thuyết "Truyện người khổng lồ Gargantua và

Pantagruel" mang đậm màu sắc chính trị với lời văn châm biếm của ông được đánh giá rất cao.



Văn hóa Phục Hưng ở Đức

Không lâu sau sự phát triển mạnh mẽ của phong trào văn hóa Phục Hưng Ý, vào cuối thế kỉ 15 đầu thế kỉ 16, rất nhiều nước Tây Âu lần lượt đón nhận làn gió mới này, thổi bùng lên phong trào Phục Hưng trong nước.

Văn hóa Phục Hưng xuất hiện ở Đức vào thập niên 60, 70 cuối thế kỉ 15, và lên đến cao trào vào nửa đầu thế kỉ 16. Giai đoạn đầu của thời kì Phục Hưng ở Đức, nước này chủ yếu phát triển lĩnh vực kiến trúc, điêu khắc, còn hội họa chỉ chiếm vị trí thứ yếu. Sang đến giai đoạn giữa, hội họa Đức mới phát triển vượt bậc so với kiến trúc. Vào thời điểm đó, kiến trúc Đức chủ yếu vẫn là kiến trúc Gothic, hội họa vẫn theo hướng truyền thống với thủ pháp bố cục màu vàng và trang trí trên mặt phẳng. Thế nhưng, cũng chính "nhờ" những hạn chế này mà đương thời, nghệ thuật trang trí tranh sau bàn thờ (một loại tranh tôn giáo) cực kì phát triển. Theo trào lưu của văn hóa Phục Hưng, tranh tế bái được thêm thắt các chi tiết của cuộc sống thực và cảnh vật

tự nhiên, cấu trúc của tranh và các tác phẩm điêu khắc có thêm tính không gian và lập thể.

Đặc điểm chủ yếu của phong trào văn hóa Phục Hưng ở Đức là nhạy cảm với vấn đề tôn giáo, đạo đức và triết học, nổi tiếng nhất vẫn là bản dịch, nghiên cứu và chú giải các tác phẩm như "Kinh Thánh", "Thầy tu"... Các tác phẩm phản ánh mạnh mẽ sự chia cắt của nước Đức, yêu cầu thống nhất nước Đức và giải thoát khỏi tư ách áp bức của giáo hội La Mã. Các tác phẩm nghệ thuật phản ánh mâu thuẫn xã hội và tầng lớp nhân dân cùng khổ ra đời ngày càng nhiều. Nền văn nghệ Đức thời kì Phục Hưng phát triển không cân bằng, miền Nam chịu ảnh hưởng nhiều của Ý, phát triển sớm và có nhiều thành tựu hơn, còn phía Tây do chịu sự ngăn cản của giáo hội Công giáo nên chậm phát triển và trì trệ.

Những đại diện của nền văn hóa Phục Hưng ở Đức là Desiderius Erasmus Roterodamus (vốn người Hà Lan), Johannes Reuchlin.



Văn hóa Phục Hưng ở Tây Ban Nha

Giáo hội Công giáo Tây Ban Nha có quyền lực rộng lớn nên khi phong trào Phục Hưng của Ý bước vào thời cực thịnh thì Tây Ban Nha mới đang đón sức thống nhất quốc gia. Bởi vậy, phong trào văn hóa Phục Hưng ở Tây Ban Nha mãi tới thế kỉ thứ 16 mới chậm chạp manh nha.

Văn học tôn giáo và văn học kì sĩ thời trung cổ ảnh hưởng rất lớn tới văn hóa Phục Hưng ở Tây Ban Nha, nó không chỉ bao gồm nội hàm văn hóa cổ Hy Lạp, La Mã và phong trào Phục Hưng ở Ý mà còn chứa nội dung văn hóa tôn giáo.

Hai đại diện nổi tiếng cho văn hóa Phục Hưng Tây Ban Nha là Miguel de Cervantes Saavedra và Garcilaso de la Vega. Tác phẩm tiêu biểu là "Don Quixote" của Miguel de Cervantes Saavedra.

Văn hóa Phục Hưng ở Anh

Thời kì văn hóa Phục Hưng ở Anh (khoảng cuối thế kỉ 16, đầu thế kỉ thứ 17) hơi muộn hơn so với các nước Tây Âu khác. Trào lưu chủ nghĩa nhân văn được đẩy lên từ trung tâm là Đại học Oxford. Nơi đây từng có một nhóm người theo chủ nghĩa nhân văn nổi tiếng. Thời kì đầu họ đọc và nghiên cứu các tác phẩm của "Văn đàn tam kiệt" (Dante Alighieri, Francesco Petrarca, Giovanni Boccaccio).

Nhân vật kiệt xuất nhất của văn hóa Phục Hưng nước Anh là Shakespeare. Tác phẩm văn học của Shakespeare có đề tài trải từ cổ chí kim, nội dung sống động, ngôn ngữ phong phú, đến nay vẫn được coi là bảo vật của nền văn học và kịch nghệ.

Machiavelli và "Quản vương"

Niccolò di Bernardo dei Machiavelli (1469 – 1527) là người Florence nước Ý. Ông là nhà thơ, nhà lịch sử và nhà chính trị nổi tiếng thời Phục Hưng. Ông cũng là tác giả của lí luận quân sự cận đại với nhiều thành tựu nổi bật. Tác phẩm để đời của ông là cuốn "Quản vương".

Tư tưởng trong cuốn "Quản vương" là những điều tâm đắc được ông tổng kết lại từ thực tiễn chính trị, ngoại giao và quân sự ở Florence, cũng là những lí luận chính trị được tích lũy trong thời gian dài. Toàn bộ cuốn sách dài 26 chương, chủ yếu gồm định nghĩa về quân chủ, phân loại, nguồn gốc, nhân tố duy trì và nguyên nhân diệt vong...

Nhờ tác phẩm này, Machiavelli được gia tộc cầm quyền Medici đánh giá cao, từ đó giành được chức vụ và địa vị. Tuy động cơ sáng tác không mấy cao cả nhưng không thể phủ nhận giá trị của cuốn sách. Nó đã tổng kết lịch sử chính trị hơn mấy trăm năm của nước Ý qua con mắt của Machiavelli, đồng thời khái quát lí luận

về kinh nghiệm cầm quyền, phản ánh nguyện vọng tha thiết của giai cấp tư sản Ý về xây dựng một quốc gia thống nhất dân tộc, trung ương tập quyền.

Năm 1532, 5 năm sau ngày Machiavelli mất, "Quản vương" được đem ra xuất bản, và tới nay, sau gần 500 năm, nó vẫn tạo ra những hiệu ứng với cả xã hội phương Đông lẫn phương Tây trong tất cả các lĩnh vực như tôn giáo, chính trị, học thuật... Vào thập niên 80 của thế kỉ 20, cuốn sách được xếp vào danh sách 1 trong 10 tác phẩm có tầm ảnh hưởng lớn nhất thế giới do giới độc giả phương Tây bình chọn và được "Thời báo New York" bình chọn là một trong 20 cuốn sách có ảnh hưởng tới lịch sử loài người, sánh cùng các tác phẩm khác như "Nguồn gốc các loài", "Tư bản luận"...



Michelangelo

Michelangelo là nhà điêu khắc, họa sĩ, kiến trúc và nhà thơ nổi tiếng thời kì Phục Hưng. Ông ra đời năm 1475, vào xưởng vẽ của Florence học việc từ khi còn rất trẻ, sau đó do mê điêu khắc nên được chuyển tới tư dinh của gia tộc Medici để bảo tồn những di vật điêu khắc cổ.

Khi mới 17 tuổi, ông đã khắc bức phù điêu "Đức mẹ bên thềm" và "Cuộc chiến Centaurs". Năm 23 tuổi, ông được Hồng y giáo chủ Pháp đặt làm bức tượng "Đức mẹ sầu bi" cho nhà thờ San Pietro và nổi danh từ đó. Năm 26 tuổi, ông về Florence, tạc tượng David (còn gọi là "Đức vua Do Thái"). Sau đó ông lại sáng tác bức bích họa lớn nhất trên thế giới "Sáng thế",

khiến ai nấy đều ngưỡng mộ ngợi khen. Năm 41 tuổi, ông buộc phải sáng tác các tượng nổi tiếng "Ngày", "Đêm", "Sáng", "Tối" dưới sự bức ép của giáo hoàng. Năm 61 tuổi, thiên tài nghệ thuật này bị giáo hoàng triệu tới La Mã để sáng tác "Sự phán xét cuối cùng". Sáng tác này thể hiện được tài năng thiên bẩm và sự nhạy cảm nghệ thuật vô tận của Michelangelo.

Tác phẩm của Michelangelo tĩnh lặng, chân thực, giản dị và hồn hậu, phong cách cổ điển nổi trội nhưng mang nhiều tính kịch và khí thế ngút trời, đậm tính thần thức tỉnh con người của chủ nghĩa nhân văn.

Tượng David của Michelangelo

Theo ghi chép trong toàn văn Kinh Cựu Ước của Thánh Kinh, David (còn gọi là vua Do Thái) là một mục đồng trẻ tuổi người Israel. Nhờ gan dạ giết giặc và lập được chiến công hiển hách cho đất nước nên cậu trở thành thủ lĩnh xứ Israel. Vì thế, trong giáo lí Cơ Đốc, David là hình tượng anh hùng, đại diện cho tinh thần yêu nước, Michelangelo đã đưa hình tượng một thiếu niên tráng kiện – một biểu tượng anh hùng – vào nghệ thuật điêu khắc.

Các tác phẩm khắc họa David trước đây đa phần là những cảnh tượng chiến thắng lẫy lừng như David cắt đầu kẻ thù, David giương cung, đập kẻ thù xuống dưới chân... Còn bức tượng đá của Michelangelo lại khắc họa David khỏa thân, đầu hơi nghiêng sang trái, tay trái đỡ lấy chiếc nỏ bắn đá trên vai, chuẩn bị bước vào trận chiến với thần thái kiên định, giàu chính nghĩa. Bức tượng đã tái hiện hình tượng vị vua David xứ Israel trong "Kinh Thánh" một cách đầy nghệ thuật.

Bức tượng cao khoảng 2,5 m, được người đời sau tôn vinh là biểu tượng của ý chí bảo vệ tổ quốc và tinh thần đề cao cảnh giác. Nó cũng tượng trưng cho hình ảnh của người bảo vệ thành phố, cổ vũ và khích lệ các thế hệ sau – những người đến đây thăm viếng và ngưỡng vọng.

Thiết kế kiến trúc của Michelangelo

Là một kiến trúc sư kiệt xuất, Michelangelo có những thiết kế kiến trúc táo bạo và sáng tạo. Ông tạo tính lập thể cho công trình bằng kết cấu trụ cổ điển và các trụ nhỏ ra. Phong cách này ảnh hưởng rất lớn tới kiến trúc Baroque sau này.

Tác phẩm tiêu biểu vào những năm cuối đời của Michelangelo là mái vòm nhà thờ St. Pietro ở Vincoli. Phần đáy mái vòm được trang trí theo lối cổ điển, phần đỉnh và thân vòm có những vành hoa, mang lại cảm giác trắng lẹ, rắn chắc, bên ngoài mái vòm là những đường nét sống động. Nhà thờ này là tác phẩm kinh điển cho phong cách hùng vĩ, là hình mẫu về kiến trúc đỉnh vòm cho các nhà thờ cũng như các tòa nhà mang tính chính trị.



"Sáng thế" của Michelangelo

Bức bích họa nổi tiếng nhất của Michelangelo - "Sáng thế" - được vẽ trên trần Nhà nguyện Sistine. Bức bích họa lấy kết cấu trần nhà nguyện làm viên - với trung tâm là đỉnh trần - để vẽ câu chuyện tôn giáo và các nhân vật trong Kinh Thánh với chủ đề từ "Khai thiên lập địa" tới "Thuyền Noah", tất cả gồm 9 bức, có diện tích hơn 50 m², khắc họa hơn 343 nhân vật với kích thước đa phần lớn hơn người thật.

Bức bích họa lấy đề tài từ tôn giáo, nhưng tác phẩm không chỉ là giáo lý mà còn mang sức sống tươi trẻ và trí tuệ mẫn tiệp của một người từng trải, thể hiện được quyền uy của đức sáng thế cũng như niềm tin và lòng gan dạ của kẻ được sáng thế.

Do bị hạn chế bởi những xà cột trong kiến trúc mà bức "Sáng thế" của Michelangelo bị chia ra nhiều phần tranh lớn nhỏ khác nhau. Các bức tranh này vừa rất cân xứng, độc lập lại vừa thống nhất và hoàn chỉnh. Đó chính là lí do bức bích họa được người đời ca tụng.

Trong tranh, cảnh Chúa tạo ra Adam là đáng chú ý nhất: Góc trên bên phải của bức tranh là một bậc bề trên đang được các thiên thần nâng đỡ. Ngài bay tới chỗ Adam; góc dưới bên trái bức tranh là Adam đang nằm trên một ngọn đồi xanh lờ, dường như vừa mới tỉnh dậy khỏi giấc mơ, ngẩng đầu nhìn Chúa. Ở đây, họa sĩ đã chỉnh sửa đôi chút tình tiết của câu chuyện. Chúa không thổi "sự sống" về phía Adam mà vươn tay về phía chàng, Adam cũng đưa tay về phía Chúa. Dường như những đóa hoa lửa của sự sống từ ngón tay của Chúa đang bay về ngón tay Adam. Ánh mắt Adam lộ ra khao khát đạt được trí tuệ và sức mạnh...

Michelangelo từ chối mọi trợ thủ, một mình vẽ bức họa này trong 4 năm dài đằng đẵng. Chính tinh thần sáng tạo không sợ gian khổ đó đã được đánh giá cao. "Sáng thế" trở thành tuyệt tác chưa từng có và là bức tranh hoàn hảo nhất của mỹ thuật thời kì Phục Hưng.

"Sự phán xét cuối cùng"

"Sự phán xét cuối cùng" là đề tài truyền thống trong Kinh Thánh, vẽ lại cảnh Chúa Jesus phán xét những người đã chết. Căn cứ vào hành vi và phẩm hạnh của những người này khi còn sống, Chúa sẽ đưa ra phán quyết rằng họ sẽ đạt được gì sau khi qua đời. Bức tranh thể hiện tư tưởng nhân quả báo ứng của Thiên Chúa giáo. Trong tranh, trước Chúa, trời và đất chia lìa, tất cả những người đã chết có tên trong sổ sinh mệnh đều đứng trước mặt Chúa, chờ đợi phán xét cuối cùng cho linh hồn của chính mình. Kẻ có tội sẽ phải chịu hình phạt dưới địa ngục còn người lương thiện sẽ được Chúa Jesus ban cho nước sinh mệnh, linh hồn họ sẽ được trường tồn.

Trong bức tranh quy mô hoành tráng này, Michelangelo tạo ra hơn 200 nhân vật có kích thước giống người thật, ở trần, thể hình cường tráng. Bức tranh lấy Chúa Jesus làm trung tâm, hình thành kết cấu đối xứng trái phải hài hòa, cân đối về mặt thị giác. Chúa Jesus đứng trên mây, giơ cao tay ra ý phán xét. Sự trang nghiêm, kiên định và công tâm vô tư của Chúa khiến người ta phải nể sợ, về nhân từ đầy thương cảm trước đây không còn nữa. Những người đứng xung quanh Jesus có cả anh hùng và những kẻ gian xảo, họ không thể giấu giếm che giấu mà phải chịu sự phán xét thẳng thừng của Jesus.

Bức tranh thể hiện một cách hết sức sinh động thái độ tố cáo và bất bình của họa sĩ với những tội lỗi có thực trên đời, ông mong được lên án và xử phạt xã hội đen tối cũng như nền thống trị thối nát, thối lệu khát vọng và sự đeo đuổi giá trị "chân, thiện, mĩ".

Michelangelo đã dùng cọ vẽ của mình để gạt rửa mọi tội lỗi vô lí bị chụp lên đầu các nhà thơ, nhà nghệ thuật mà ông sùng bái, ông đưa tất cả những kẻ thống trị, giáo hoàng và vua chúa thối nát xuống địa ngục để chúng giãy giụa, khóc lóc, kinh sợ... Nghe nói quan tư tế của giáo hoàng khi cùng giáo hoàng tới thị sát tiến độ, thấy người trong tranh đều lỏa thể đã mỉa mai Michelangelo rằng: "Thưa giáo hoàng, Michelangelo vẽ người lỏa thể ở nơi thánh như thế này, là xúc phạm tới thần linh, bức tranh này nên treo ở nhà tắm thì hơn." Và thế là giáo hoàng đưa ra yêu cầu hoang đường với Michelangelo, buộc ông phải sửa lại tranh cho tất cả mặc quần cộc. Michelangelo thẳng thừng từ chối: "Đức cha, người hãy đi lo chuyện linh hồn của con người đi, còn xác thịt thì để cho thần." Sau đó ông vẽ tên quan tư tế nịnh nọt ấy vào trong tranh. Nghe nói kẻ bị răn độc cuốn vào người góc dưới phía trái tranh chính là họa hình của tên a dua xúc xiểm đó.



Raphael

Raphael (1483 – 1520) là họa sĩ thời Phục Hưng ở Ý, từ nhỏ đã theo học thầy dạy họa trong cung đình. Ông được trời phú cho tài năng nghệ thuật phi phàm. Ông đã kế thừa những đặc trưng nghệ thuật của các bậc thầy hội họa, nghiêm túc nghiên cứu mài dũa, đúc rút những tinh túy của những người đi trước, đặc biệt là cấu tứ của Leonardo da Vinci và cách thể hiện hình thể con người của Michelangelo, dần hình thành phong cách theo tinh thần cổ điển của riêng mình. Từ đó ông có chỗ đứng ngang tầm với Leonardo da Vinci và Michelangelo.

Năm 1509, ông nhận lời mời của giáo hoàng tới vẽ bích họa cho Tòa Thánh Vatican. Trong các tác phẩm được ông hoàn thiện, bức bích họa ở Phòng Kí Danh là xuất sắc nhất. Tranh rộng khắp bốn bức tường và trần nhà, lần lượt thể hiện bốn lĩnh vực đời sống tinh thần của con người: thần học, triết học, thi học và luật học. Tác phẩm không chỉ có phong cách hội họa mang dấu ấn riêng mà còn rất hài hòa với các đặc điểm kiến trúc vốn có. Bức tranh vừa trang trọng vừa phong phú đa dạng. Đồng thời, ở La Mã, Raphael còn sáng tác nhiều bức bích họa xuất sắc khác. Tác phẩm của ông được đánh giá là đỉnh cao của nghệ thuật.

Tượng Đức Mẹ của Raphael

Năm 1504, ông tới Florence và sáng tác hàng loạt tượng Đức Mẹ. Số lượng tượng này nhiều đến nỗi ngày nay người ta vẫn chưa tính được hết. Tượng Đức Mẹ vừa có sự dịu dàng của người mẹ, vẻ đẹp hình thể nữ tính thể hiện tu tưởng của chủ nghĩa nhân văn, vừa thể hiện sự vĩ đại và niềm hạnh phúc của tình mẹ. Những bức tượng Đức Mẹ đã mang lại danh tiếng cho Raphael. Nghe nói tượng Đức Mẹ của ông phảng phất nét đẹp của những người phụ nữ Ý, khiến người xem cảm nhận được sự ấm áp và nồng nàn của tình mẹ, đến nỗi ở nhiều nơi trên đất châu Âu, khi ngồi ca một người phụ nữ đẹp, người ta thường thốt lên: “Có vẻ đẹp như Đức Mẹ của Raphael.”

Savonarola

Girolamo Savonarola (1452—1498) là nhà cải cách tôn giáo Ý. Năm 1481 ông được mời tới tu viện San Marco ở Florence đảm nhiệm chức giám mục. Ông chủ trương xây dựng lại đạo đức xã hội, phản đối thói xa hoa, trụy lạc của lũ nhà giàu. Ông được người dân kính trọng và yêu mến.

Năm 1491, ông được thăng chức làm tu viện trưởng tu viện San Marco. Ba năm sau, vua nước Pháp Charles VIII xâm lược Ý, gia tộc Medici đầu hàng. Savonarola trở thành lãnh đạo tinh thần trong cuộc khởi nghĩa của dân chúng thành thị. Ông tuyên bố thời đại hoàng kim của Florence đã tới. Ông lãnh đạo dân chúng đánh đuổi gia tộc Medici, khôi phục chính thể cộng hòa Florence trước đây.

Năm 1497, Savonarola lãnh đạo cải cách tôn giáo, tiêu hủy châu báu, các đồ xa xỉ, quần áo hoa lệ và những cuốn sách bị coi là làm băng hoại thuần phong mỹ tục..., cấm âm nhạc đời thường mà chỉ tán đồng việc tấu hát thánh ca. Đồng thời ông cải cách quản lí hành chính và chế độ tô thuế, muốn tạo dựng một xã hội thần quyền thống trị, giản dị và sùng đạo.

Savonarola còn nghiêm khắc chỉ trích giáo hoàng, nên đến năm 1497 bị khai trừ ra khỏi giáo hội. Một năm sau, giáo hội liên kết với gia tộc Medici, lợi dụng cảnh đói khổ, kích động quần chúng tấn công vào tu viện San Marco, giắc mộng về nền cộng hòa của Savonarola tiêu tan, ông bị xử hỏa thiêu.



Rabelais và "Truyện người khổng lồ Gargantua và Pantagruel"

Rabelais là học giả nổi tiếng thời kì Phục Hưng. Ông sinh năm 1494 ở một thành phố miền trung nước Pháp, từng làm tu sĩ trong tu viện, chịu sự ràng buộc của giáo quy. Rồi ông bắt đầu học tiếng Hy Lạp với mong muốn hiểu văn hóa Hy Lạp và La Mã cổ đại. Sau đó, Rabelais theo Đại giáo chủ tới La Mã, thăm nơi phát tích văn hóa Phục Hưng ở Ý, thăm rất nhiều người nổi tiếng, các danh thắng cổ, học tập nhiều tri thức như tôn giáo, triết học, số học, âm vận, pháp luật, khảo cổ, thiên văn... và trở thành một người có kiến thức sâu rộng. Thiên tài này sau đó tới Paris để học y, không những lấy được học vị thạc sĩ và tiến sĩ mà còn đứng cầm giải phẫu tử thi của những phạm nhân bị giảo hình.

Tác phẩm nổi tiếng của ông là tiểu thuyết trường thiên "Truyện người khổng lồ Gargantua và Pantagruel". Bộ tiểu thuyết vạch trần bộ mặt đen tối và mục rỗng của giáo hội thời trung cổ, hướng tới chủ nghĩa nhân văn và sự giải phóng

con người. Nhưng cũng chính vì tư tưởng này mà tác phẩm gặp phải vô vàn khó khăn trắc trở trong quá trình xuất bản và lưu hành. 20 năm sau khi được hoàn thành, tác phẩm mới đến được với công chúng. Vài năm sau, cuối cùng cuốn tiểu thuyết này cũng giành được chiến thắng và thành công. Sau khi chính thức xuất bản, nó đã một thời làm mưa làm gió trên văn đàn. Mấy trăm năm qua, tiểu thuyết được xuất bản ra nhiều thứ tiếng với hơn 200 bản dịch, trở thành tác phẩm lưu truyền hậu thế.



Nicolaus Copernicus, nhà thiên văn học vĩ đại

Năm 1473, Nicolaus Copernicus sinh ra ở Ba Lan, mất năm 1543. Ông đã cống hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp nghiên cứu thiên văn. Với tài năng nổi bật và lòng dũng cảm phi thường ông đã tìm ra bí mật của vũ trụ, đặt nền móng cho thiên văn học cận đại. Ngoài ra, Nicolaus Copernicus còn viết tác phẩm "Bàn về sự chuyển động của thiên thể". Đây là "Tuyên ngôn độc lập" của khoa học tự nhiên. Nhờ thành tựu kiệt xuất này mà Copernicus trở thành một trong những nhà khoa học vĩ đại nhất trong lịch sử phát triển khoa học của nhân loại.



Giordano Bruno kế thừa học thuyết của Copernicus

Giordano Bruno (1548-1600) là nhà khoa học và nhà triết học người Ý, người phát biểu tác phẩm nổi tiếng "Bàn về vũ trụ vô hạn và đa thể giới", nối tiếp và phát triển thêm học thuyết của Copernicus. Ông cho rằng vũ trụ là vật chất, vô hạn và vĩnh hằng, không có trung tâm, trong vũ trụ có vô số các thiên thể tương tự như trong Thái Dương Hệ của chúng ta. Các thiên thể này vận hành theo quy luật của riêng mình. Trái Đất chỉ như một hạt cát giữa vũ trụ mênh mông. Trái Đất quay quanh Mặt Trời. Mặt Trời chỉ là trung tâm của Hệ Mặt Trời, chứ không phải là trung tâm của cả vũ trụ.

Những phát biểu của Bruno phủ nhận triệt để "Thuyết địa tâm", gây ra sự thù hận và trả thù điên cuồng của Tòa án Giáo lý La Mã. Năm 1592, ông bị bắt vào ngục vì tội chống lại Kinh Thánh. Dù chịu đựng sự giày vò nhưng ông vẫn kiên trì với chân lý, cuối cùng vào tháng 02 năm 1600, ông bị xử hỏa thiêu tại quảng trường Campo de' Fiori.

Văn hóa Phục Hưng thúc đẩy khoa học phát triển

Phong trào văn hóa Phục Hưng còn thúc đẩy nền khoa học tự nhiên thế kỉ 16 phát triển. Khoa học tự nhiên thời kì này dựa trên cơ sở quan sát và thực nghiệm, đạt được những "trái ngọt" trên tất cả các lĩnh vực, mở ra tấm gương chiếu rọi quy luật khách quan của thế giới, chống lại thần học và triết học kinh viện, thúc đẩy giải phóng tư tưởng con người, là căn cứ khoa học cho sự ra đời của chủ nghĩa duy vật mới.

Các nhà khoa học tự nhiên thời kì này ngoài Copernicus, Galileo còn có nhà thiên văn học, nhà toán học nổi tiếng người Đức Kepler. Ông đã phát triển quy luật vận động của các hành tinh trên học thuyết của Copernicus, được người đời sau đặt tên là "Ba định luật của Kepler". Bác sĩ Tây Ban Nha Miguel Servet phát hiện ra vòng tuần hoàn nhỏ của máu giữa tim và phổi, chính phát hiện này đã mở đường cho sự phát triển về lí luận vòng tuần hoàn của cơ thể. Sau này bác sĩ William Harvey tiếp tục nghiên cứu và sáng lập học thuyết vòng tuần hoàn của máu.

Kính viễn vọng của Galileo

Kính viễn vọng của Galileo là loại kính viễn vọng khúc xạ. Ông lấy một thấu kính lồi làm vật kính và một thấu kính lõm làm thị kính, ánh sáng phản xạ của đối tượng quan sát sẽ tới vật kính (một thấu kính bẻ cong thủy tinh), ánh sáng từ vật kính sẽ khúc xạ và tập trung lên tiêu điểm, hình thành hình ảnh của vật quan sát, ở đây thị kính sẽ phóng to và đưa vào mắt người.

Chi phí cho kính viễn vọng của Galileo rất ít, chỉ cần mua một thấu kính lồi có đường kính và tiêu cự to làm vật kính và một thấu kính lõm có đường kính và tiêu cự nhỏ làm thị kính, sau đó dùng keo và tạo rãnh để đặt hai thấu kính vào hai đầu của cuộn giấy bia cứng rồi làm một cái giá đỡ đơn giản, thế là đã làm xong một kính viễn vọng có thể thấy cả những dãy núi trên mặt trăng hay những vì sao trong dải ngân hà. Galileo đã dùng chiếc kính viễn vọng này để quan sát và khám phá ra những điều đáng kinh ngạc.

Cần phải lưu ý, dùng quan sát Mặt Trời bằng kính viễn vọng vì Mặt Trời nóng bỏng sẽ đốt cháy mắt bạn.

Trái táo và Newton

Ba tháng trước khi Newton ra đời, bố của ông mất. Sau mẹ tái giá, ông được bà ngoại nuôi dưỡng. Tốt nghiệp trường Cambridge, ông ở lại trường giảng dạy, sau đó vì bệnh dịch hạch bùng phát ở London nên tới nông trại của mẹ tránh tạm.

Có một lần ông bị thu hút bởi một hiện tượng mà ai nấy đều cho là bình thường: một trái táo chín rơi xuống đất, ông ngồi dưới gốc cây suy tư. Tại sao trái táo lại rơi xuống đất mà không bay lên trời? Chắc chắn là có một lực nào đó đã hút nó, liệu lực này có khả năng khống chế được Mặt Trăng không? Theo cách suy nghĩ này, ông đã phát hiện ra "Định luật vạn vật hấp dẫn", giải thích quy luật vận động của tất cả các thiên thể mà con người biết đến thời bấy giờ. Với lòng ham học hỏi và tìm tòi, Newton đã bước những bước dài trên con đường khoa học, và trở thành một nhà khoa học được thế giới công nhận. Nhưng ông rất khiêm tốn: "Tôi nhìn xa rộng không phải vì tôi cao lớn mà vì tôi đứng trên vai những người khổng lồ."

Ngày 20 tháng 3 năm 1727, Newton qua đời, hưởng thọ 84 tuổi.



Chương 2: *Cải cách tôn giáo*

Nội dung chính:

Từ Erasmus tới Luther

Thời Phục Hưng, Erasmus là một trong những người đầu tiên vạch trần bộ mặt đen tối và xấu xa của giáo hội.

Luận cương 95 điều của Luther

Martin Luther đã đẩy lên một phong trào cải cách tôn giáo rầm rộ.

Bão táp cải cách tôn giáo

Luận cương 95 điều của Luther đã thức tỉnh những giáo dân mê muội và khiến cho Tòa án Giáo lý La Mã vô cùng kinh hãi.

Cuộc tranh biện công khai tại Leipzig

Trong cuộc tranh biện công khai tại Leipzig, Martin Luther đã kiên trì bảo vệ chân lý, không hề lùi bước, nhưng liệu thắng lợi cuối cùng có thuộc về ông?



Từ Erasmus tới Luther

Chính vào lúc phong trào văn hóa Phục Hưng đang phát triển như vũ bão, nền văn học và nghệ thuật đã đạt đến những đỉnh cao của nhân loại thì nhà cầm quyền của các nước châu Âu lại phát động chiến tranh nhằm tranh giành quyền lực.



Ngay sau thất bại nặng nề trong cuộc chiến Trăm Năm với Pháp, nước Anh lại xảy ra nội chiến, lịch sử gọi đây là "Cuộc chiến Hoa hồng".



HÌ VỌNG CHUYỆN
NÀY SẼ KHIẾN
CỤC CHIẾN SỚM
KẾT THÚC.



CHÚNG TA
KHÔNG THỂ CÁN
THIỆP VÀO TRIỀU
CHÍNH CHỈ CÓ
THỂ CẦU CỨU
THƯỢNG
ĐẾ.



NHƯ VẬY LÀ, SAU KHI
ĐÁNH BẠI RICHARD II,
HENRY CỦA NHÀ
LANCASTER
SẼ KÊ TỤC
VƯƠNG VỊ Ứ?



CHÚC MỪNG
VUA HENRY VII,
HOÀNG ĐẾ ANH
VẠN TUÊ!



VÌ HẠNH PHÚC CỦA NHÂN DÂN, ĐỂ KHÔNG
CÒN CHIẾN TRANH NỮA, CẦN PHẢI HÒA GIẢI
MỖI MẪU THUẦN GIỮA NHÀ LANCASTER VÀ
NHÀ YORK. TA QUYẾT ĐỊNH LẤY ELIZABETH
CỦA GIA TỘC YORK LÀM VỢ.



THỀ THÌ HAY QUÁ! GIÁO HỘI
SẼ CHÚC PHÚC CHO NGÀI VÀ
NƯỚC ANH.



Năm 1485, "Cuộc chiến Hoa hồng"
kéo dài 30 năm cuối cùng đã kết thúc.
Vua Henry VII và Elizabeth của gia tộc
York đã kết nhân duyên, nước Anh
cuối cùng cũng thống nhất.





MỌI NGƯỜI MAU LẠI XEM
ĐI! ĐÂY CHÍNH LÀ CHÉN
THÁNH BẰNG VÀNG
RỒNG ĐƯỢC TRUYỀN
CHO GIÁO HỘI CHÚNG TA.

20 năm sau,
tại một giáo hội
nước Anh...



HA HA HA,
ĐỪNG VỘI,
THOMAS MOORE.
ĐỂ XEM MÀN
KỊCH NGU XUÂN
NÀY SẼ RA SAO.

LẠI DIỄN TRÒ CŨ
ĐỂ LỪA GẠT DÂN
CHÚNG. ĐI THÔI,
DESIDERIUS
ERASMUS!



NHỮNG NGƯỜI BỆNH
TẬT ỒM YẾU HÃY
SỜ VÀO CHIẾC
CHÉN THÁNH NÀY!

ĐỂ TÔI
TÔI BỊ MÙ
HAI MẮT!



HẢ?



Năm 1509, vua Henry VIII lên ngôi,
ông là người thích tiệc tùng, rất có hứng
thú với văn học nghệ thuật nhưng không
nhiệt tình sùng bái Công giáo.





TA NHÌN THẤY
RỒI! THẤY RÕ
MỌI VẬT RỒI!



THẤY CHƯA? ĐÂY
LÀ SỨC MẠNH CỦA
CHÉN THÁNH, SỨC
MẠNH CỦA
CHÚA
TRỜI.

CHỈ NHỮNG
NGƯỜI CÓ ĐỨC
TIN MỚI ĐƯỢC
GIẢI THOÁT.



ĐÚNG LÀ
KỈ TÍCH,
TA TIN VÀO
CHÚA.

OA! OA! OA!



DIỄN GIÓI LẮM!
ĐÂY LÀ TIỀN
CÔNG CỦA
NGƯỜI.

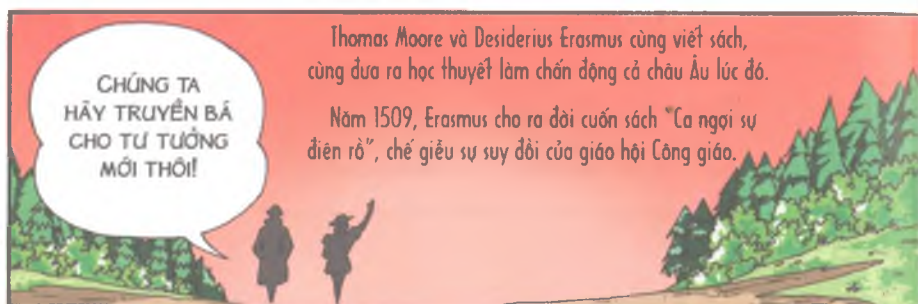
ĐỘI ON ĐỨC NGÀI,
LẦN SAU NẾU CÓ
CƠ HỘI, TIỂU NHÂN
VẪN MUỐN GÓP
SỨC MỌN CHO
ĐỨC NGÀI.



THẬT KHÔNG THỂ
TIN NỔI. THỜI BUỔI
VĂN HÓA PHÁT TRIỂN
MÀ VẪN TỒN TẠI NHỮNG
CHUYỆN NÀY.

Henry VIII lợi dụng làn sóng cải cách tôn giáo để thoát khỏi sự trói buộc của giáo hội Công giáo vốn không cho phép ông tái hôn để sinh con trai thừa kế vương vị. Ông còn đình hoãn tán nhiều tu viện thời bấy giờ.





Tại Đại học Wittenberg, nước Đức
(đế quốc La Mã Thần thánh)

GIÁO SƯ
LUTHER,
THẦY NGHĨ
GÌ VỀ CUỐN
SÁCH NÀY?

MỌI NGƯỜI
NÓI ĐẾN CUỐN
"CA NGỌI SỰ
DIỄN RÕ" Ứ?

CUỐN SÁCH
BỐC TRẦN
SỰ THAM
LAM CỦA
GIÁO HOÀNG
LA MÃ.

ĐÚNG THẬT! GIÁO HỘI
LA MÃ ĐÚNG LÀ HỦ BẠI
TỐI TẬN GỐC RỂ...

IN ẤN BẰNG ẨM BẢN KHẮC GỖ

Thời xưa, khi muốn xuất bản sách, người ta dùng bút viết từng chữ một. Về sau, cách in bằng ẨM BẢN KHẮC XUẤT hiện. Thời Tống ở Trung Quốc đã xuất hiện cách in sách bằng ẨM BẢN KHẮC GỖ, nhờ đó việc xuất bản trở nên thuận lợi hơn.

Khoảng năm 1445, Johannes Gutenberg người Đức đã phát minh ra máy in chữ. Ông dùng than chì làm con chữ in, ghép thành miếng rồi đem in với số lượng lớn. Nhờ phát minh này mà ngành in ấn phát triển vượt bậc. Sách in nhanh và nhiều hơn, thuận tiện cho người đọc hơn, giúp văn hóa châu Âu được truyền bá sâu rộng hơn.



▲ Con chữ khắc thời nhà Thanh.



KHÔNG THỂ ĐỂ
TIẾP TỤC NHƯ VẬY,
MÌNH CẦN GÓP
SỨC ĐỂ CAO GIÁO
LÍ THẬT SỰ CỦA
KINH THÁNH.

Martin Luther là nhân vật
trung tâm của cải cách tôn
giáo tại châu Âu.



Luận cương 95 điều của Luther

Năm 1483, Luther ra đời ở
thành phố mỏ Isley, nước Đức.



MARTIN,
CON PHẢI
NHỚ KÌ.

TRONG XÃ HỘI NGÀY NAY,
TIỀN BẠC MỚI LÀ QUAN
TRỌNG NHẤT, CHỈ CẦN CÓ
TIỀN THÌ NGAY CẢ NÔNG
DÂN NHƯ CHÚNG TA CŨNG
CÓ ĐỊA VỊ CAO QUÝ.



NHƯNG CON THÍCH HỌC
HƠN LÀ KIỂM TIỀN.

THẾ THÌ SAU NÀY CON HÃY
LÀM LUẬT SƯ NHÉ! VỪA KIỂM
ĐƯỢC TIỀN LẠI VỪA CÓ ĐỊA VỊ
XÃ HỘI, BỐ SẼ ĐƯỢC NỖ MÀY
NỞ MẶT.



Năm 5 tuổi, Luther đã bắt đầu đi học,
năm 18 tuổi ông vào Đại học Erfurt,
4 năm sau giành được học vị thạc sĩ.
Sau đó, ông tiếp tục học luật như niềm
mơ ước của bố, nhưng...

MÌNH LẠI THÍCH
CHUYÊN NGÀNH
THẦN HỌC, NHƯNG
BỐ KHÔNG CHO...



Mùa hè năm 1505, Luther
22 tuổi, một cơn mưa lớn đã
thay đổi lối sống.

ÁI TRỜI MƯA
TO QUÁ! SÁCH
CỦA MÌNH ƯỚT
NHEP RỒI

ỦY NH!







Thế là Luther trở thành một tu sĩ, ngày qua ngày rèn giũa với cuộc sống khắc khổ, chuyên tâm nghiên cứu cuốn Kinh Thánh bằng tiếng La Tinh.





Luther choáng váng khi thấy
cảnh tượng diễn ra trước mắt...





LUTHER, BÊN
GIÁO HỘI THỂ
NÀO? CẬU ĐÃ
THẤY THỂ NÀO
LÀ NIỀM TIN
THẦN THÁNH
CHƯA?

ỒI LÀM GÌ
CÓ NIỀM TIN
THẦN THÁNH
NÀO! ĐÚNG LÀ
MỰC RƯỢNG
THỐI NÁT TẬN
GỐC RỄ.



NGÀY NÀO
CŨNG TỔ CHỨC
TIỆC TÙNG, CHÈ
CHÉN, HÀNH LỄ
CHỈ QUÁ LOA VỖ
VĨNH CHO XONG.

NHỮNG GIÁO
SĨ Ở ĐÂY CHỈ
NGHĨ TỚI TIỀN
THÔI!



BIẾT LÀM SAO
ĐƯỢC! QUYỀN
LỰC CỦA GIÁO
HOÀNG CÒN
CAO HƠN
CÁ VUA.

GIÁO HỘI MUỐN
BÀNH TRƯỚNG NÊN
PHẢI GÂY CHIẾN, ĐỂ
TIẾN HÀNH CHIẾN
TRANH CẦN RẤT
NHIỀU TIỀN
BẠC.



CHẴNG LẼ
VƯƠNG CUNG
THÁNH ĐƯỜNG
SAN PIETRO CHỈ
ĐƯỢC ĐỪNG ĐỂ
KHOE KHOANG
QUYỀN UY
CỦA GIÁO
HOÀNG
HAY SAO?

TA KHÔNG
THỂ CHẤP
NHẬN NÓI
ĐIỀU
NÀY!



Không lâu sau, Luther trở về Đức, kiếm tìm một Công giáo thực sự trong tim mình. Ông dày công nghiên cứu thần học. Hai năm sau, ông nhận được học vị tiến sĩ thần học, và chính thức nhậm chức giáo sư đại học.



Đồng thời,
Luther vẫn tiếp
tục nghiên cứu
Kinh Thánh.

NHỮNG GIÁO LÍ CỦA
GIÁO HỘI NGÀY NAY
ĐÃ ĐI NGƯỢC LẠI
KINH THÁNH.

ĐIỀU QUAN TRỌNG LÀ
NIỀM TIN Ở CHÚA CHÚ
KHÔNG CẦN CẦU NỆ
NHỮNG NGHI THỨC
XA HOA, CẦU KÌ.

Giáo hoàng lúc
đó là Leo X, một
người xuất thân
từ gia tộc Medici.

CẦN BAO NHIÊU TIỀN
ĐỂ XÂY DỰNG VƯƠNG
CUNG THÁNH ĐƯỜNG
SAN PIETRO? CHÚNG
TA PHẢI NGHĨ CÁCH
KIẾM TIỀN!

BẢO ĐỨC TỔNG
GIÁO MỤC MAINZ
CỦA ĐẾ QUỐC LA
MÃ THẦN THÁNH
MAU BÁN THÊM
GIẤY CHUỘC
TỘI!

VẬNG, ĐẾ QUỐC
LA MÃ THẦN THÁNH
CÓ TIỀM LỰC NÊN
CHỈ TRONG KHOẢNG
THỜI GIAN NGẮN
ĐÃ KIẾM VỀ MỘT
KHỎAN KỀCH XÙ.

VƯƠNG CUNG THÁNH ĐƯỜNG SAN PIETRO

Trung tâm của giáo
hội La Mã, được xây
dựng trong vòng 200
năm kể từ năm 1506.
Cả Michelangelo và
Raphael đều từng đảm
trách giám sát công
trình này. Mái vòm
vương cung thánh đường
do chính Michelangelo
thiết kế.





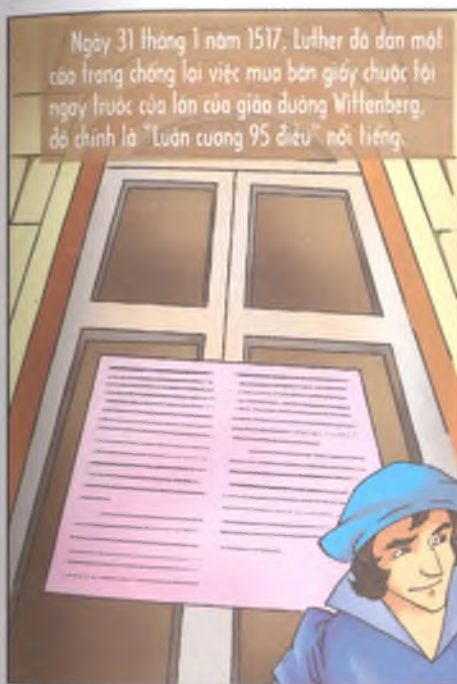
Bức tranh mua giấy chuộc tội.







MÌNH KHÔNG THỂ CHỊU
NỖI CẢNH NÀY NỮA.
PHẢI VẠCH RÕ ÂM MƯU
CỦA BỌN CHÚNG.



Ngày 31 tháng 1 năm 1517, Luther đã dán một
cáo trạng chống lại việc mua bán giấy chuộc tội
ngay trước cửa lớn của giáo đường Wittenberg,
đó chính là "Luận cương 95 điều" nổi tiếng.



TRƯỚC CỬA
DÁN GÌ VẬY?
LÀ BÀI VIẾT CỦA
GIÁO SƯ LUTHER!
ĐỂ MÌNH XEM
NÀO!

HÌ VỌNG
MỌI NGƯỜI SẼ
SUY XÉT KỸ LẠI
QUAN ĐIỂM VỀ
THẦN HỌC VÀ
TÌNH HÌNH HIỆN NAY
CỦA GIÁO HỘI.



CHÂN DUNG MARTIN LUTHER

Chính người có vẻ ngoài đơn hậu mộc mạc này
đã thay đổi cả lịch sử của giáo hội Công giáo.
Tên tuổi, dáng vẻ và bút tích của ông không chỉ
tỏa sáng như vì sao trên bầu trời trung cổ mà
còn mãi về sau.





“Luận cương 95 điều” của Luther được truyền bá khắp đế quốc La Mã Thần thánh. Chỉ một tháng sau, nó đã lan rộng khắp châu Âu.

Những quan điểm của Luther đã gây tiếng vang lớn và được người dân châu Âu hưởng ứng nhiệt thành. Châu Âu bước vào thời kì cải cách tôn giáo.

Bão táp cải cách tôn giáo

Sau khi Luther đưa ra chất vấn, giáo hoàng La Mã...

HỪ, VÀI CẬU
CHẤT VẤN CỦA HẮN
THÌ LÀM SAO LUNG
LAY NỔ ĐỊA VỊ
CỦA TA?

NHƯNG QUAN ĐIỂM
CỦA LUTHER ĐÃ ĐI
VÀO TỪNG NGÓC NGÁCH
CỦA CHÂU ÂU, ĐẾN
VỚI NHIỀU TÍN ĐỒ
CÔNG GIÁO.

NẾU CỨ TIẾP TỤC
THỂ NÀY, E RẰNG NGƯỜI
PHẢN ĐỐI GIÁO HỘI NGÀY
Càng Tăng, CHÚNG TA
PHẢI NGHĨ CÁCH
ĐÀN ÁP CHÚNG!

Tháng 9 năm 1518, Luther bị giáo hội triệu tập tới Augsburg để thẩm vấn.

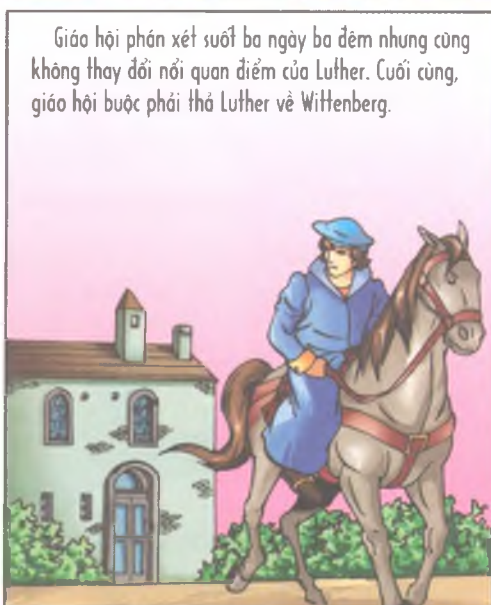


LIỆU GIÁO
SƯ LUTHER
CÓ BỊ XỬ TỬ
KHÔNG?

CÁI GÌ?

À?

THEO THÔNG LỆ,
NHỮNG KÉ DÁM CHỐNG
LẠI GIÁO HỘI LA MÃ ĐỀU
BỊ XỬ HÓA THIÊU.





Ngày 12 tháng 1 năm 1519, hoàng đế đế quốc La Mã Thần thánh Maximilian I qua đời, nước Đức rơi rên bởi việc thừa kế vương vị.



Tháng 6 cùng năm, sau khi việc lựa chọn hoàng đế để kết thúc, vua Carlos I, quốc vương Tây Ban Nha thuộc gia tộc Habsburg, kế thừa vương vị hoàng đế đế quốc La Mã Thần thánh, lịch sử gọi là Charles V.



CHARLES V

Charles V là cháu nội của hoàng đế trước, lên ngôi khi mới 19 tuổi.



Cuộc tranh biện công khai tại Leipzig

Sau khi tàn hoạn đế đảng cơ không lâu, Luther lại phải tới Leipzig tranh luận với giáo sư thần học John Ecker do giáo hoàng ủy thác.



Cuộc tranh biện công khai tại Leipzig diễn ra 18 ngày. Hai bên không ai nhường ai, phần đông dân chúng ủng hộ Luther.



Luther không ủng hộ việc dùng bạo lực giải quyết vấn đề. Ông tiếp tục viết rất nhiều sách, rồi nhờ vào kỹ thuật in ấn mới để ấn hành, truyền bá tư tưởng của mình, phản đối quyền lực của giáo hội.



Những tác phẩm
thấm đậm tư tưởng
của Luther...



đã được truyền bá ngày càng
sâu rộng...



gây ảnh hưởng khắp nơi.





Lúc này giáo hội
La Mã phải gánh
chịu áp lực rất lớn...



NHỮNG HỌC GIẢ
CHÚNG TÔI ĐÃ CÔ
HẾT SỨC RỒI...

NHỮNG NGƯỜI ỦNG HỘ
LUTHER ĐỒNG NHƯ
NĂM MỘC SAU MƯA,
CHÚNG TÔI CÙNG LỰC
BẮT TÔNG TÁM.



CÚ THỂ NÀY,
QUYỀN UY CỦA
GIÁO HOÀNG SẼ BỊ
THÁCH THỨC.



ĐƯỢC RỒI,
HÃY VIẾT
THƯ CHO
LUTHER!

LỆNH CHO HẮN
TRONG VÒNG 60 NGÀY
PHẢI THỪA NHẬN TỘI
CỦA MÌNH, NẾU KHÔNG
GIÁO HỘI SẼ RA LỆNH
TRỤC XUẤT.

HA HA HA,
LẦN NÀY TÊN
LUTHER SẼ SỢ
MẤT VÌA.



Đây là một bức tranh biếm họa thế kỉ 16.
Hình vẽ quỷ sa tăng đang truyền đạo qua
Luther. Bức tranh cố ý dọa嚇 Luther khiến
cho dân chúng không còn tin vào lời ông nói.



TRONG VÒNG 60
NGÀY, NẾU KHÔNG
THỪA NHẬN TỘI
LỖI SẼ BỊ TRỤC
XUẤT...

HA HA HA...
GIÁO HOÀNG CUỐI
CÙNG CÙNG TUNG
CHIỀU BÀI CUỐI
CÙNG.

CÁC VỊ, ĐÂY LÀ
LỆNH TRỤC XUẤT
CỦA GIÁO HOÀNG,
60 NGÀY ĐÃ QUA
ĐI, NHƯNG TÔI VẪN
KHÔNG TỚI LA MÃ.

Nhưng Luther
không cúi đầu...

BỜİ GIÁO HOÀNG ĐÃ
ĐI NGƯỢC LẠI KINH
THÁNH THỰC SỰ NÊN
ÔNG TA KHÔNG CỎ
TƯ CÁCH ĐẠI DIỆN
CHO CHÚA TRUNG
PHẬT TÔI.

HÔM NAY,
TÔI LẤY DANH
NGHĨA CHÚA, HỦY
LỆNH TRỤC XUẤT
NÀY TRƯỚC MẶT
MỌI NGƯỜI.

VẮNG!



Charles V của đế quốc La Mã Thần thánh được đại diện các vùng miền và giới quý tộc có tước vị đề cử kế ngôi. Hoàng đế cần tôn trọng ý kiến các đại cử tri nên dù có muốn xử tội Luther cũng phải e dè.

LỆNH
TRỰC XUẤT CỦA
GIÁO HOÀNG ĐÃ BỊ
THIỆU RỤI QUYỀN UY
CỦA GIÁO HOÀNG CŨNG
BỊ HÓA THIỂU
THEO.



TÊN LUTHER
NÀY ĐÚNG
LÀ KHIẾN
AI NẦY ĐỀU
ĐAU ĐẦU.

HOÀNG ĐẾ,
GIÁO HOÀNG
LA MÃ YÊU
CẦU CHÚNG TA
TRỰC XUẤT
HẮN.

PHẢI TÍNH SAO ĐÂY,
CŨNG CẦN TÔN TRỌNG
ĐẠI CỬ TRI CÁC NƠI,
PHẢI NGHE XEM HỌ
THỂ NÀO ĐÃ!



Ngày 17 tháng 4 năm 1521, Luther bị đưa tới cuộc nhóm họp của đế quốc tại Worms, để các đại cử tri xét hỏi.





Dầu tháng 5 năm đó,
Luther cuối cùng cũng bị
trục xuất ra khỏi đế quốc
La Mã Thần thánh, không
ai được giúp đỡ Luther.



GÌ CƠ? CHỈ
TRỤC XUẤT
THÌ QUÁ NHÉ!
PHẢI XỬ TỬ!

KHÔNG CÒN CÁCH
NÀO KHÁC, TRONG
ĐAM QUÝ TỘC CÓ
NHỮNG KẺ ỨNG
HỘ LUTHER, HẮN
KHÔNG BỊ CỤC
HÌNH ĐẦU.



ĐƯỢC, VẬY
THÌ CHÚNG TA
SẼ RA TAY!



Không lâu sau,
Luther dường như
bỏ hơi khỏi thế
giới...



NGHE NÓI
LUTHER BỊ MỘT KỊ
SĨ BỊT MẶT BẮT ĐI,
LIỆU CÓ ĐÚNG THỂ
KHÔNG?

Khắp nơi đều
xôn xao

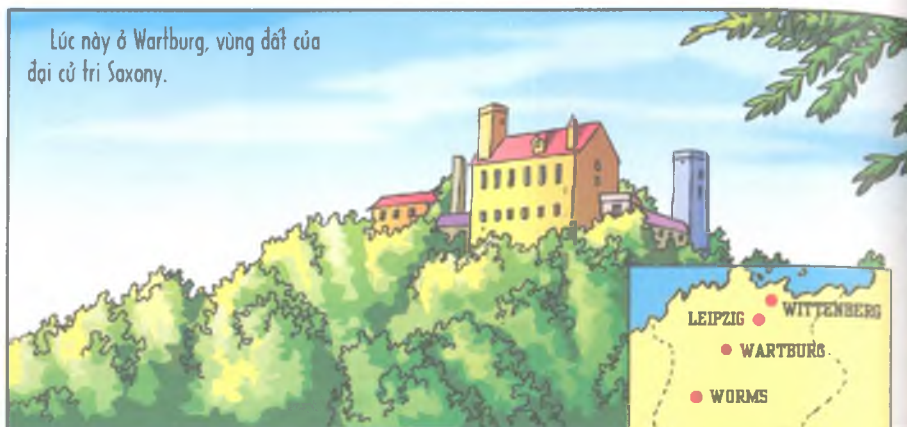


AI MÀ BIẾT ĐƯỢC?
CHẮC ÔNG ÂY BỊ
GIÁO HOÀNG
BẮT RỒI.

TÔI THÌ CHO LÀ
ÔNG ÂY GẶP PHẢI
BỌN CƯỚP.



Lúc này ở Wartburg, vùng đất của
đại cử tri Saxony.



GIÁO SƯ LUTHER, TÌNH HÌNH BÊN NGOÀI
CHƯA ỔN ĐỊNH, LỆNH TRỰC XUẤT CỦA
HOÀNG ĐẾ VẪN CÒN CÓ HIỆU LỰC,
NGÀI CỨ TẠM Ở LẠI ĐÂY!

CẢM ƠN
NGÀI!



Ồ, CẬU NÀY
PHẢI LÀ...

Không ngờ, đại cử tri Saxony lại ngầm
bảo vệ cho Luther. Và Luther đã lánh nạn
trong lâu đài Wartburg, chuyển tâm dịch
cuốn Tân Ước ra tiếng Đức.



Luther trốn trong lâu đài hơn 10 tháng, cố hết sức dịch cuốn Kinh Thánh ra tiếng Đức. Sau khi hoàn thành, ông cho in và phát hành khắp lãnh thổ đế quốc La Mã Thần thánh.

Bản dịch của Luther nhận được sự tán thưởng của đại đa số người dân Đức, trở thành tác phẩm kinh điển của nền ngôn ngữ học Đức, ảnh hưởng sâu sắc tới văn hóa Đức.

ỒI CÂU TỪ
NGHE MỚI
TƯƠI ĐẸP
LÀM SAO!

LUTHER
ĐÚNG LÀ
MỘT TÀI NĂNG
TRONG LĨNH
VỰC NGÔN
NGỮ.

Nhưng chính quan điểm của Luther đã đẩy lên cơn bão cải cách tôn giáo, vượt ra ngoài sự tưởng tượng của chính ông.

KHÔNG THỂ
CHỊU DỰNG SỰ
BỐC LỘT CỦA
GIÁO HỘI ĐƯỢC
NỮA!

XÔNG LÊN! GIẾT!



Khởi nghĩa của nông dân nổi lên và lan rộng, trở thành làn sóng chiến tranh khắp đất nước, sử sách gọi là "chiến tranh nông dân Đức".

Ban đầu Luther ủng hộ nông dân, nhưng sau khi chiến tranh lan rộng...



NHỮNG NGƯỜI
NÔNG DÂN BỔNG
TRỞ THÀNH NHỮNG
KẺ KHÁT MÁU.

XIN CÁC
LÃNH CHỨA HÃY
GĂNG LÊN, HÃY
TRẦN ÁP NHỮNG
CUỘC BẠO LOẠN,
NÔNG DÂN NHƯ
NHỮNG CON SÓI
BỊ MA QUỲ
NHẬP VÀO.



Nông dân
bắt đầu ra tay
với cả người
vô tội...





GIẾT HẾT
LỮ NÔNG DÂN
PHẢN LOẠN ĐI!

GIẾT!



ĐÁNG GHÉT!
LUTHER ĐÃ PHẢN
BỘI CHÚNG TA!



TRỜI ƠI, LẼ NÀO
CUỘC CHIẾN ĐẦM
MÁU NÀY LÀ
DO TA?

CHÚA ƠI,
XIN NGƯỜI
HÃY XÃ TỘI
CHO CON!



Không lâu sau đó,
cuộc khởi nghĩa nông
dân bị sức mạnh quân
sự hùng mạnh của các
lanh chúa trấn áp.

GIÁO SƯ LUTHER,
DỪNG CHỊU DỪNG
ĐAU ĐỐN MỘT MÌNH,
HÃY ĐỂ EM CHIA SẺ
CÙNG NGÀI!

Tháng 6 cùng năm, Luther lấy một
nữ tu sĩ tên là Katharina von Bora,
lúc đó Luther 42 tuổi.

KATHARINA,
CẢM ƠN EM!

TÀU BÊ HẠ, ĐỂ
QUỐC OTTOMAN
SẮP TẤN CÔNG
CHÚNG TA!

SAO? HẠ
LỆNH DỪNG
NỘI CHIẾN!

CHÚNG TA HÃY
HỢP SỨC VỚI CÁC
ĐẠI CỬ TRI ỦNG
HỘ LUTHER ĐỂ
CÙNG ĐỐI PHÓ
VỚI ĐẾ QUỐC
OTTOMAN!

Lúc đó, vua Pháp là Francis I đã bắt tay với đế quốc Ottoman đánh chiếm đế quốc La Mã Thần thánh, tấn công tới tận Vienna. Để đối phó với giặc ngoại xâm, Charles V buộc phải tạm thời thừa nhận những người theo phe Luther.



Nhưng ba năm sau, khi cục diện chiến tranh bất công thắng, Charles V lại ra sức chèn ép phe Luther, gây nên sự phản đối gay gắt. Sau này người ta gọi những người phản đối này là những tín đồ Tân giáo.



Chân dung nữ hoàng Elizabeth I.

CẢI CÁCH TÔN GIÁO Ở NƯỚC ANH

Thời kì này, nước Anh cũng dấy lên phong trào cải cách tôn giáo. Năm 1534, vua nước Anh Henry VIII đã nắm trong tay giáo hội Anh (trước kia vốn thuộc về giáo hội La Mã). Nhờ cải cách mà Anh giáo đã ra đời. Tuy nhiên, do trong giáo hội vẫn còn rất nhiều tín đồ Công giáo nên Anh giáo chưa thể thống lĩnh giáo hội cả nước. Sau này, nhờ vào sự giúp đỡ và ủng hộ của nữ hoàng Elizabeth I mà Anh giáo mới phát triển được như ngày nay.

Vài năm sau đó...



CUỘC ĐẤU TRANH
GIỮA CÔNG GIÁO
VÀ TÂN GIÁO NGÀY
Càng CAM GO.



HƯỚNG ĐI CỦA
PHONG TRào CẢI
CÁCH TÔN GIÁO ĐÃ
HOÀN TOÀN VƯỢT
KHỎI PHẠM VI KIỂM
SOÁT CỦA TA.

Ngày 18 tháng 2 năm
1546, Luther qua đời tại
quê hương Isley, hưởng thọ
63 tuổi.



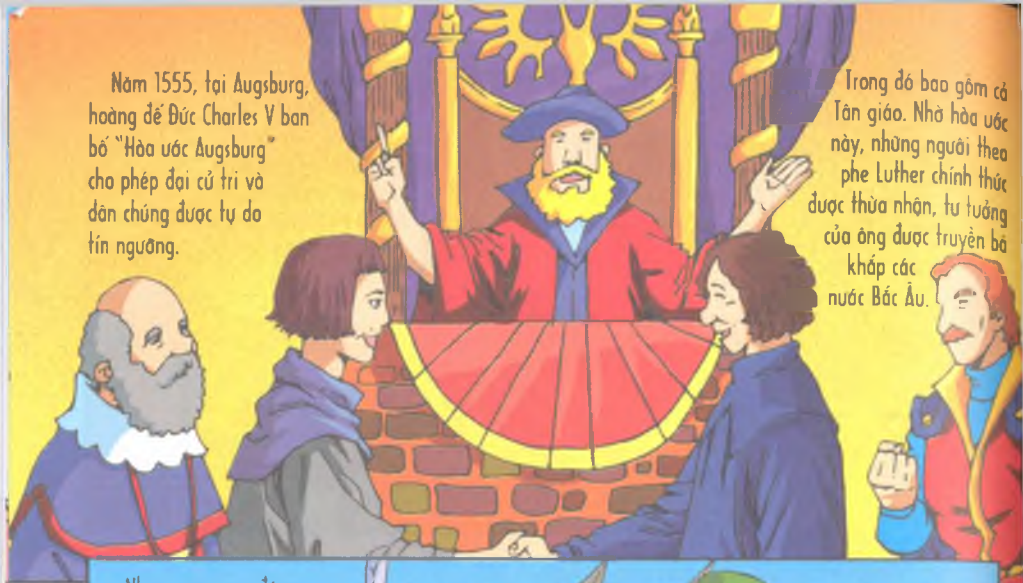
Chân dung giáo hoàng innocent X



Thời xưa, giáo hoàng được xem như thần thánh. Không ai được mạo phạm giáo hoàng. Bức tranh này được sáng tác năm 1650, khắc họa chân dung một giáo hoàng giả tạo và độc ác. Thế nhưng cũng như những bức tranh khác, nó chứa đựng bút pháp trầm mặc, nền nã, cao quý, thể hiện rõ địa vị tôn quý của giáo hoàng.

Năm 1555, tại Augsburg, hoàng đế Đức Charles V ban bố "Hòa ước Augsburg" cho phép đại cử tri và dân chúng được tự do tín ngưỡng.

Trong đó bao gồm cả Tân giáo. Nhờ hòa ước này, những người theo phe Luther chính thức được thừa nhận, tư tưởng của ông được truyền bá khắp các nước Bắc Âu.



Nhưng ngay sau đó, mâu thuẫn giữa tôn giáo mới và cũ bùng nổ, sử sách gọi đây là "Cuộc chiến 30 năm".



DÒNG TÊN

Được sự cho phép và phê chuẩn của Tòa thánh La Mã, Ignacio de Loyola người Tây Ban Nha đã tiến hành cải cách tôn giáo.

Sứ mệnh của Dòng Tên là dẫn dắt tín đồ tuân thủ theo đức tin Thiên chúa thực sự và phái rất nhiều giáo sĩ đi truyền bá đạo Thiên Chúa khắp nơi trên thế giới.

St. Francois Xavier của Dòng Tên đã từng tới các nước phương Đông như Trung Quốc, Ấn Độ để truyền giáo, nhờ thế, các tín đồ Thiên Chúa tại các nước phương Đông mới dần dần như ngày nay.



Cải cách tôn giáo

Khi nền văn hóa châu Âu dần phục hồi sức sống thì cũng là lúc rạn nứt xuất hiện. Vết rạn nứt lớn nhất nằm trong lĩnh vực tâm linh, cũng chính là đức tin của con người. Đầu thế kỉ thứ 16, giáo hội La Mã thối nát mục ruỗng, phơi bày bộ mặt xấu xa tột cùng. Một giáo sĩ người Đức tên là Martin Luther bất bình trước cảnh tượng đó nên đã khiêu chiến với giáo hội Công giáo La Mã nhằm cứu rỗi con người khỏi vòng tội lỗi. Lịch sử gọi đây là “Cuộc cải cách tôn giáo”.

Sự ra đời của Cải cách tôn giáo gắn liền với phong trào Phục Hưng. Các nhà văn, nhà thơ và các nghệ thuật gia của thời kì Phục Hưng đã dùng các hình thức khác nhau để khắc họa một cách sinh động bộ mặt xấu xa của giáo hội Công giáo thời ấy. Qua cách nghiên cứu Kinh Thánh bằng tiếng Hy Lạp, họ đã phát hiện ra rất nhiều điểm khác nhau giữa Kinh Thánh của đạo Cơ Đốc nguyên thủy và kinh Phúc Âm lửa gạc con người của giáo hội bấy giờ. Đây cũng chính là

những căn cứ vững chắc mà các nhà cải cách tôn giáo dùng để phản đối những hành động của giáo hội Công giáo lúc đó.

Nước Đức khi ấy không thống nhất mà bị chia cắt thành nhiều lãnh địa, nhiều bang có diện tích nhỏ. Nhiều quý tộc có tước vị của các bang quốc này ủng hộ Luther. Họ mong thoát khỏi sự thống trị của giáo hội Công giáo để nắm nhiều quyền lực chính trị hơn.

Dưới những áp lực khách quan và chủ quan như vậy, Toà án Giáo lí buộc phải nhượng bộ. Cuộc cải cách tôn giáo bùng nổ và nhanh chóng lan rộng khắp lục địa châu Âu.

**TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA
LỊCH SỬ BỐ TỬ**

Desiderius Erasmus

Erasmus (1466 – 1536) là một triết gia người Hà Lan, một trong những nhân vật đại diện cho phong trào nhân văn chủ nghĩa ở châu Âu đầu thế kỉ 16. Erasmus có tài năng thiên bẩm và học thức uyên bác, thông hiểu cổ văn và Kinh Thánh. Ông đưa ra những kiến giải độc đáo bằng ngòi bút sắc sảo đầy trí tuệ của mình và nhận được sự tán thưởng của cả giới văn nghệ lẫn tôn giáo.

Mùa hè năm 1504, Erasmus tình cờ đọc được những chú giải và bình luận về kinh Tân ước của Lorenzo Valla trong thư viện của một tu viện trên đất Bỉ. Ông cảm thấy vô cùng hứng thú nên đã thu thập và tìm đọc những phiên bản khác, tham khảo thêm tác phẩm của những người đi trước để biên soạn cuốn “Tân Ước” bằng tiếng Hy Lạp. Cuốn sách chủ yếu viết bằng tiếng Hy Lạp, có đối chiếu với tiếng Do Thái cổ kèm theo phần dịch và giải thích bằng tiếng La Tinh của riêng ông.

“Địa đàng trần gian” (Utopia) của Thomas Moore

Thomas Moore đã miêu tả địa đàng trần gian là một xã hội của đạo đức cao quý, chân thực và hiền lương. Đó là xã hội theo chế độ công hữu, ở đó toàn bộ của cải tài sản đều thuộc sở hữu toàn dân, người người bình đẳng. Đồng thời nơi ấy có nguồn vật chất phong phú đầy đủ, ai cũng có thể lấy dùng khi có nhu cầu nên chẳng cần phải rập tâm âm mưu chiếm hữu tài sản làm của riêng. Bởi thế, địa đàng trần gian không còn tham lam, đần độn, bạo tàn hay bất bình đẳng.

Ngoài ra, trong xã hội lí tưởng đó của Thomas Moore, quan chức do dân bầu ra, vì vậy họ phải tự nghiêm khắc chấp hành pháp luật, chí công vô tư, chịu sự ràng buộc và đốc thúc có hiệu quả của một chế độ hoàn thiện và cần mẫn. Quan chức không được phép lợi dụng chức quyền để mưu lợi cá nhân.

Xã hội lí tưởng này không thể thành hiện thực vào thời điểm đó nên bị coi là “Chủ nghĩa xã hội không tưởng”. Những tư tưởng về chế độ công hữu đã có ảnh hưởng sâu sắc tới những thế hệ sau.



Địa đàng trần gian là không tưởng

Etienne Cabet - người theo chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp vào thế kỉ thứ 19 - đã đánh giá tác phẩm "Địa đàng trần gian" một cách tỉ mỉ và sâu sắc.

Ông khẳng định cuốn sách chứa đựng trí tuệ sâu sắc giúp thức tỉnh con người, đặc biệt tấn thành chủ trương về chế độ công hữu. Tuy nhiên, "Địa đàng trần gian" vẫn còn những hạn chế về mặt tư tưởng, ví dụ Moore ngợi ca chủ nghĩa khổ hạnh của tôn giáo (có lẽ do ông là một tín đồ sùng đạo Cơ Đốc). Nhưng điều này mâu thuẫn với lí thuyết của chủ nghĩa khai lạc mà Moore đề xướng trong tác phẩm của mình. Hơn nữa, Moore đã lấy khai lạc làm khái niệm đạo đức hạt nhân, khiến cho giá thiết của ông càng thêm lung lay.

Ngoài ra, học thuyết này còn có một vài điểm phiến diện khi miêu tả về chế độ công hữu, chủ nghĩa quân bình được xây dựng trên sức sản xuất lao động thấp, lao động thủ công nghiệp nên không thể tồn tại trên thực tế. Moore cũng chưa chỉ ra được phương thức thực hiện đạo đức lí tưởng, điều này có liên quan tới những hạn chế của thời đại ông sống, cho nên xã hội lí tưởng mà ông miêu tả chỉ là một giấc mơ ngọt ngào.

Cơ hội của Martin Luther

Sau khi tốt nghiệp đại học, Martin Luther định theo lời bố học luật nhưng nhiều sự việc liên tiếp nhau khiến ông thay đổi vận mệnh của mình. Năm 1505, trong lúc cấp bách, ông đã thề với Chúa rằng chỉ cần bình an vô sự sẽ trở thành tu sĩ. Vì thế, bất chấp sự phản đối của cha, Martin vẫn lựa chọn làm tu sĩ trong tu viện.

Nhưng cuộc sống của tu sĩ không thuận khiết như ông nghĩ, ông thấy thất vọng vì sự chảy máu, hủ bại của giới tăng lữ. Trong quá trình khổ hạnh tu hành và dần vật chuộc lỗi, Martin Luther đã ngộ ra những chân lí mới. Ông kể, khi ông đang thành kính quỳ mọp lễ lết theo những bậc thang mà Chúa Jesus đã từng qua ở La Mã, mong mỏi sẽ thoát được khổ hình nơi địa ngục thì một câu trong Kinh Thánh đã mang đến cho ông ánh sáng: "Người tốt được sinh ra bởi đức tin". Thế là ông đã ngộ ra đức tin thành kính mới, ông viết: "Từ đó tôi thấy mình như được sống lại... Cuốn Kinh Thánh như hiện ra trước mắt tôi, tôi lướt đọc thì thấy đầu đầu cũng có những câu tương tự". Câu nói "người tốt được sinh ra bởi đức tin" đã trở thành hạt nhân tư tưởng của Martin Luther.

Tư tưởng thần học của Martin Luther

Luther không chỉ là nhà lãnh đạo của sự nghiệp cải cách tôn giáo, mà còn là nhà thần học vĩ đại, những nhận thức và đánh giá của ông về thần học có ảnh hưởng to lớn tới người đời sau.

Ông chia thần học ra làm hai loại, một là thần học Vinh quang và hai là Thần học Thánh giá, ông phê phán loại trước và khẳng định loại sau.

Thần học Vinh quang xuất phát từ sự sáng tạo của các thần, nó dựa vào quan niệm "thần thánh tạo ra vũ trụ" để chứng minh một cách lí tính sự tồn tại của thần thánh, từ đó nắm giữ những "đặc tính của thần". Các nhà thần học thời Trung Cổ tôn thờ học thuyết này. Luther phê phán thần học Vinh quang. Ông cho rằng nó vô lí, mâu thuẫn, bởi quan điểm này không những đánh giá quá cao lí trí mà còn nâng những vật "được tạo ra" lên ngang tầm thần thánh, dường như con người có thể thấy được bản chất của đấng tối thượng thông qua đặc điểm của những vật "được tạo ra" ấy. Bởi vậy, trên thực tế, thần học Vinh quang đề cao lí tính của con người, thần thánh hóa sự kì diệu của vũ trụ, mang thần tính sâu xa không thể đo lường nổi. Thần tính là thứ mà lí tính con

người không thể với tới được, nhận thức của con người phải thông qua sự gợi mở, giác ngộ của đấng linh thiêng, nếu không, con người không thể biết được ý chỉ của thần thánh.

Luther cho rằng, con người nên nhìn Chúa qua cây thập tự: Chúa Jesus bị đóng đinh trên cây thập tự là một đấng cứu rỗi cho đám đông tội lỗi. Jesus không chỉ là một đức Chúa cao xa với với trí tuệ hơn người mà còn có quyền năng tuyệt đối. Như vậy con người mới nhận ra rằng, phải chịu đựng đau khổ mới mong được giải thoát, khổ hạnh có ý nghĩa và giá trị vô cùng sâu xa. Vì thế phải chịu khổ nạn như Chúa Jesus thì mới hiểu được tình yêu thương sâu sắc của đấng linh thiêng dành cho con người, mới thông tỏ niềm vinh quang của Chúa, mới lĩnh hội được ân điển mà Chúa ban tặng. Từ đó mới chân thành tin tưởng dựa vào nơi Chúa. Đức tin trung thành này liên quan đến "nhân nghĩa" của Thượng đế, từ đây, chúng ta có thể thoát khỏi tội lỗi của bản thân. Đó chính là tư tưởng trung tâm của Thần học Thánh giá mà Luther đeo đuổi. Đây cũng chính là khái niệm "nhân nghĩa bởi đức tin".



Martin Luther phát động cải cách tôn giáo

Martin Luther (1483 – 1546) là người phát động phong trào cải cách tôn giáo nước Đức thế kỉ 16, cũng là người đặt nền móng cho phái Tin Lành Luther.

Luther sinh ra trong một ngôi làng trên một ngọn núi nhỏ phía Đông nước Đức. Sau khi tốt nghiệp đại học, Luther vào tu viện để theo học Thần học và làm tu sĩ. Năm 27 tuổi, tận mắt chứng kiến sự hủ bại của giáo hội Công giáo, ông quyết tâm cải cách tôn giáo với mong muốn thay đổi hiện trạng xa hoa, mục ruỗng của giáo hội lúc bấy giờ.

Luther tự lập nên học thuyết tôn giáo của riêng mình. Ông cho rằng linh hồn con người có được giải thoát hay không hoàn toàn dựa vào đức tin của người đó chứ không phải những nghi

thức ban ân rườm rà của giáo hội. Điều này đã phủ định về căn bản đặc quyền của giáo hội và tầng lớp giáo sĩ, vì thế, Luther bước vào con đường đấu tranh không mệt mỏi với giáo hội...

Năm 1520 là năm mà học thuyết của Luther được truyền bá rộng rãi nhất và cũng là năm Luther phải đấu tranh với giáo hội khốc liệt nhất. Tòa án Giáo lí yêu cầu Luther phải viết thư sám hối nếu không sẽ bị khai trừ và trục xuất, cuộc chiến không guồng đao giữa hai bên càng lúc càng gay gắt. Nhưng trước những uy hiếp, đe dọa, Luther không hề sợ hãi hay nao núng. Sự phản kháng mãnh liệt của Luther đã châm ngòi cho phong trào cải cách tôn giáo ở Tây Âu, xóa bỏ vĩnh viễn nền thống trị thần quyền của giáo hội Công giáo La Mã với các nước Tây Âu.

Giấy chuộc tội

Giấy chuộc tội là một loại giấy tờ mà giáo hội La Mã phát hành cho các tín đồ Công giáo vào thời trung cổ, dùng để xá miễn tội lỗi cho tất cả tín đồ mắc tội (tội hằng ngày không tuân thủ đầy đủ giáo quy của giáo hội, chứ không phải những tội ác như cướp bóc, giết người...). Việc phát hành một lượng lớn giấy chuộc tội đã dẫn tới rất nhiều vấn nạn xã hội.

Giấy chuộc tội làm người ta nghĩ rằng cứ dùng tiền là có thể mua được sự khoan dung của Thượng đế trước những lỗi lầm của mình. Cách làm này của giáo hội khiến Luther căm phẫn, bởi vì ông biết rằng giáo hội chỉ dùng thủ đoạn bí ố này để thu về những khoản lợi lớn. Điều này đồng nghĩa với việc đối xử tôn giáo bất công, thừa nhận đặc quyền của kẻ giàu, là sự lừa gạt tín đồ và sỉ nhục Công giáo. Vì thế Luther đã phát động một cuộc tranh biện, hi vọng mọi người sẽ được giác ngộ, nhưng ông lại bị chỉ trích là phản tử đi ngược giáo lí, cuối cùng bị khai trừ khỏi giáo hội.

Sau khi Luther phát biểu

"Luận cương 95 điều"

Luận cương 95 điều mang tính thách thức của Luther được dán trước cửa lớn của giáo đường nhưng không một ai đứng ra phản bác, không một ai dám công khai tranh biện với ông. Nhưng những nội dung chất vấn đó đã lan truyền khắp nơi, Tòa án Giáo lí bị một phen hoảng hốt, bèn lệnh cho ông tới La Mã để thẩm vấn và trả lời chất vấn. Sau đó, khi những quý tộc ủng hộ Luther đứng ra làm trung gian, Tòa án Giáo lí mới quyết định cho Luther được ở lại Đức để thẩm vấn. Đại diện của giáo hoàng quyết định kiểm tra đức tin của Luther và khuyên nhủ ông hãy thừa nhận sai lầm, nhưng Luther quyết không nghe theo. Giáo hoàng đành bắt ông tới La Mã để xét hỏi nhưng yêu cầu này bị Luther một mực từ chối. Luther chỉ hứa rằng nếu những người công kích ông giữ im lặng thì ông cũng giữ im lặng. Do những quan hệ chính trị phức tạp, Luther lại nhận được sự bảo vệ của nhiều quý tộc nên giáo hội đành đối chọi âm thầm. Nhưng cuộc cải cách tôn giáo trở nên ngày càng sâu rộng và quyết liệt khiến giáo hội không còn giữ im lặng được nữa. Năm 1519, Luther và đại diện của giáo hội tiến hành cuộc tranh biện nảy lửa tại Leipzig. Mọi quan hệ giữa Luther và giáo hội trở nên đối chọi quyết liệt như nước với lửa.



Đế quốc La Mã Thần thánh

Tên gọi chính thức của Đế quốc La Mã Thần thánh là "Đế quốc La Mã Thần thánh dân tộc Deutsche" hoặc là "Đế quốc La Mã Thần thánh dân tộc Germans", tồn tại từ năm 962 đến năm 1806, là đế quốc phong kiến nằm ở Tây và Trung Âu, được vua Otto I của vương triều Saxony sáng lập ra. Thời kì đầu, Đế quốc La Mã Thần thánh là một quốc gia thống nhất, sang thời trung cổ dần chuyển thành phức thể chính trị gồm các công quốc, hầu quốc, bá quốc, lãnh địa của các quý tộc tôn giáo và các thành phố tự do, thừa nhận uy quyền tối thượng của hoàng đế.

Tháng 2 năm 962, vua Đức Otto nhận lễ trao vương miện từ giáo hoàng La Mã tại Nhà thờ San Pietro ở Vincoli, xưng là Augustus, sáng lập ra tiền thân của Đế quốc La Mã Thần thánh. Năm 1154, hoàng đế Đức Frederick I tấn công Roma, giúp giáo hoàng trấn áp nước cộng hòa La Mã do Arnaldo da Brescia lãnh đạo. Giáo hoàng cảm kích nên đã tấn phong Frederick I làm hoàng đế Đế quốc La Mã Thần thánh, chính thức thêm hai chữ Thần thánh trong quốc hiệu. Lãnh thổ của đế quốc này gồm nước Đức và miền Bắc, miền Trung nước Ý, có lúc bao gồm cả Thụy Sĩ, Hà Lan, Czech, Pháp, Burgundy và Provence.

Cuộc tranh biện tại Leipzig

Vào thế kỉ 15, Leipzig là một thành phố chính trị kinh tế lớn và nổi tiếng. Năm 1519 chính tại đây đã diễn ra cuộc tranh biện giữa Luther và đại diện của giáo hoàng, khiến cho thành phố càng thêm nổi tiếng.

Cuộc tranh biện vốn là để thảo luận vấn đề giấy chiếu tội, nhưng giáo hoàng luôn lẩn tránh vấn đề, ép Martin Luther thảo luận vấn đề quyền uy của giáo hoàng. Cuối cùng Martin Luther đành phát biểu: "Việc quyền uy của giáo hội cao hơn hết thảy là không phù hợp với lịch sử và Kinh Thánh", "quyền uy tối thượng thuộc về Kinh Thánh". Tất cả những lời lẽ đó đã lật đổ hoàn toàn quyền uy của giáo hoàng, gây ra sự phản ứng mãnh liệt đến cuồng nộ của xã hội, dẫn tới cuộc quyết chiến một mất một còn giữa Luther và hệ thống quyền uy nhất thời kì trung cổ. Cuối cùng Martin Luther bị định tội là kẻ dị giáo.

Năm 1354, hoàng đế Charles IV ban bố Sắc lệnh Triện vàng, chính thức công nhận bảy Đại cử tri có quyền bầu ra hoàng đế, hợp thức hóa sự chia cắt của đế quốc, từ đó vương triều liên tục đổi thay, Đế quốc La Mã Thần thánh cũng dần chỉ còn hư danh suy tàn, tới năm 1806 thì diệt vong.

Đại cử tri

Đại cử tri chính là những người có đặc quyền bầu ra hoàng đế của Đế quốc La Mã Thần thánh. Về mặt lí thuyết thì đại diện cho mỗi lãnh địa của đế quốc đều có quyền bỏ phiếu. Ban đầu Đại cử tri chỉ có quyền đề cử những người có khả năng làm hoàng đế, nhưng sau đó quyền hạn của họ lớn dần, trở thành những người nắm toàn quyền bầu cử.

Số lượng bầu và người được bầu ban đầu cố định nhưng sau Sắc lệnh Triện vàng của Charles IV thì có tất cả 7 Đại cử tri, trong đó có 3 Đại cử tri là giám mục và tổng giám mục; 4 Đại cử tri thế tập (thường là quốc vương của các nước thành viên). Bảy người này nhóm họp tại đế quốc, hợp thành viện cử tri. Sau này số đại cử tri tăng lên nhiều hơn.

Triện tập cuộc họp đế quốc tại Worms

Năm 1520, Martin phát động cuộc cải cách tôn giáo, chủ nghĩa dân tộc ở Đức lên cao trào. Nói một cách khoa trương thì 90 % dân Đức ủng hộ Luther còn 10% còn lại tuy giữ thái độ trung lập nhưng cũng hò hét mắng nhiếc Tòa án Giáo lí La Mã. Trong tình thế đó, giáo hoàng không thể khoan tay đứng nhìn, ông ta cho rằng cần tới sự trợ giúp bằng quyền lực thế tục, tức là sức mạnh của hoàng đế để đối phó với Luther. Hoàng đế của Đế quốc La Mã Thần thánh Charles V là một tín đồ Công giáo chính thống nên sau khi bàn bạc với Tòa án Giáo lí, ông đã triệu tập cuộc họp tại Worms vào năm 1521 để gây sức ép với Luther, kìm hãm cuộc cải cách lan rộng.



Luther thách thức bảo vệ chân lý

Đầu tháng 3 năm 1521, hoàng đế của Đế quốc La Mã Thần thánh đã cấp giấy thông hành an toàn cho Martin Luther, tuyên bố bảo đảm an toàn cho Luther tham gia cuộc họp tại Worms, nhưng cũng hạ lệnh cho các nơi thu hồi tác phẩm của Luther. Hành động đó đã gây nên không khí căng thẳng cho chuyến đi này của Luther.

Luther thực chất rõ hơn ai hết giấy thông hành an toàn chẳng an toàn chút nào. Nếu kháng cự giáo hoàng, ông sẽ bị xử thiêu sống, như những trường hợp trước đó. Nhưng để truyền bá và bảo vệ chân lý, sau khi suy nghĩ cân nhắc, Luther vẫn quyết định tới Worms. Trước khi xuất hành, ông đã viết thư cho bạn rằng mình đã chuẩn bị tâm lý đón nhận cái chết, cũng thể hiện quyết tâm không tiếc thân mình vì chân lý và chính nghĩa, rồi vừa hát vang bài ca đầy tự hào tự mình sáng tác, ông vừa tới hội nghị đế quốc tại Worms.

Luther phản kích

Sau khi dán "Luận cương 95 điều" gây tiếng vang trong dư luận, Martin Luther vấp phải sự chỉ trích nghiêm khắc của giáo hội. Năm 1521, hoàng đế của Đế quốc La Mã Thần thánh Charles V nghe theo ý chỉ của giáo hoàng, ra lệnh bắt giữ Luther, buộc ông phải thừa nhận sai lầm của mình trong cuộc hội nghị đế quốc, rút lại bản "Luận cương 95 điều". Luther đã phát biểu một bài diễn văn khẳng khái trước yêu cầu vô lý này.

Thế là những thành viên trong cuộc hội nghị đế quốc vốn chờ đợi Luther nhận lỗi lại phải nghe một bản tuyên chiến đầy thách thức.

Kết quả hội nghị đế quốc tại Worms

Bất chấp sức ép của đế quốc, Luther dùng lý lẽ để đối chất, tranh cãi này lửa trong hội nghị, công khai tuyên bố không thừa nhận sai lầm nên hội nghị không thể tiếp tục tiến hành. Khi Luther từ Worms trở về, dân chúng đều tung hô, giơ hai tay biểu thị chiến thắng. Dân chúng Worms đổ ra đường chúc mừng. Nhưng mỗi ngày hiểm rình rập Luther chưa phải đã hết.

Cuối tháng 4 năm 1521, Luther được Đại cử tri Saxony và các quý tộc khác bí mật sắp xếp cho rời khỏi Worms, thay tên đổi họ, để tóc dài, trốn đi hưởng cuộc sống tự do của một tín đồ Cơ Đốc chân chính.

Ngày 26 tháng 5, hoàng đế của Đế quốc La Mã Thần thánh chính thức kí lệnh hủy bỏ quyền lợi chính trị của Luther, chính là "sắc lệnh Worms", tuyên bố Luther là phần tử dị đoan ngoan cố không biết hối cải, cần bắt giam có thời hạn, và ra lệnh tiêu hủy toàn bộ các sách do Luther viết. Nhưng sắc lệnh này cũng chẳng có nghĩa lý gì khi tư tưởng của Luther đã đi sâu vào tâm hồn quảng đại quần chúng.

Khởi nghĩa nông dân Đức

Cuộc khởi nghĩa nông dân Đức diễn ra vào khoảng năm 1524 tới 1525, là cuộc khởi nghĩa nông dân quy mô nhất thời trung cổ ở Tây Âu. Nguyên nhân trực tiếp của cuộc khởi nghĩa là ủng hộ cải cách tôn giáo Đức.

Mùa hè năm 1524, cuộc khởi nghĩa đầu tiên nổ ra ở Schwaben, miền Nam nước Đức, rồi lan rộng ra khắp cả nước. 2/3 nông dân Đức tham gia vào cuộc đấu tranh này, ngoài ra còn có thợ mỏ, công nhân dệt...

Tháng 3 năm 1525, quân khởi nghĩa chiếm được Mühlhausen, lật đổ quý tộc thống trị thành phố này và thành lập chính quyền cách mạng mang tên "Nghị hội Vĩnh cửu", lãnh đạo cải cách tôn giáo Thomas Müntzer được bầu làm chủ tịch. Ông tuyên bố: "Tịch thu tài sản của giáo hội, phế bỏ đặc quyền của quý tộc phong kiến, xóa bỏ mọi nghĩa vụ phong kiến mà nông dân đang phải gánh chịu, thực hiện chế độ tài sản công, người người bình đẳng."

Giới quý tộc phong kiến ý thức được mối đe dọa từ ngọn lửa khởi nghĩa nông dân, vì thế liên kết với nhau để trấn áp quân khởi nghĩa. Tháng 5, quân khởi nghĩa bị liên quân của các quý tộc đánh bại, Thomas Müntzer hi sinh.



Martin Luther phản đối khởi nghĩa nông dân

Phong trào cải cách tôn giáo cuối cùng cũng chuyển thành cuộc khởi nghĩa nông dân rồi phát triển thành cuộc cách mạng chính trị, lật đổ chế độ thống trị bóc lột đương thời. Lúc này con người luôn kiên định bảo vệ chân lí như Luther cũng bắt đầu do dự và lung lay ý chí. Martin Luther đã viết "Thư khuyên các tín đồ Cơ Đốc đừng phản loạn", mong sẽ thuyết phục được nông dân không khởi nghĩa, dẹp yên bạo loạn. Sau đó ông lại viết "Thư phản đối nông dân bạo loạn giết người cướp của", từ tiêu đề lá thư có thể thấy thái độ của ông đã thay đổi, từ vỗ về, hòa giải thành chủ trương dùng vũ lực để trấn áp.

Luther và ảnh hưởng tới cải cách tôn giáo nước Anh

Nước Anh cũng là một đất nước theo Cơ Đốc giáo. Vì thế, cải cách tôn giáo mà Luther phát động ở Đức cũng ảnh hưởng tới nước Anh. Ban đầu giáo lí của Luther thấm vào những nhóm nhỏ trong các học viện.

Năm 1521, Đại học Cambridge của nước Anh thành lập một hội kín, chuyên nghiên cứu chủ trương cải cách của Luther. Một trong những thành viên là Tyndall sau này đã sống lưu vong ở nước ngoài nhưng vẫn dịch Kinh Thánh sang tiếng Anh, hơn nữa còn đưa vào bản dịch các chú giải công kích chế độ giáo hội Công giáo La Mã. Chính nhờ điều này mà giáo lí của Luther được truyền bá rộng rãi ở các giáo sĩ tầng lớp thấp và các thương nhân. Theo đó, nội bộ của giáo hội Công giáo nước Anh cũng đứng trước yêu cầu cần cải cách, phong trào cải cách tôn giáo ở Anh nhen nhóm từ đây.

Đối mặt với sự mất kiểm soát của khởi nghĩa nông dân, Luther cuối cùng cũng công khai kêu gọi: "Dù là ai, chỉ cần có thể, thì dù ngầm ngầm hay công khai, cũng nên bức tử, truy sát, ám sát bọn chúng như đánh chết chó dại." Sự quyết liệt của ông khiến ai cũng phải ngạc nhiên.

Từ đây, Luther đã xa rời quần chúng, lột xác biến thành công cụ cho tầng lớp thống trị. Còn phong trào cải cách tôn giáo mà Luther phát động chỉ còn duy trì với thái độ ôn hòa, chỉ làm thay đổi chút hình thức của tôn giáo mà thôi. Thế nhưng, tựu chung lại, với tư cách người dẫn dắt cải cách tôn giáo, Luther vẫn là một nhân vật đánh dấu một thời đại.

Cải cách tôn giáo Anh xuất hiện những hướng

Chính vào thời kì mà tôn giáo Anh đứng trước những cải cách chưa từng có tiền lệ, thì một nhân tố gây chia rẽ giữa vua nước Anh Henry VIII và giáo hoàng La Mã xuất hiện.

Nguyên do là hoàng hậu Catherine chỉ sinh được một cô con gái thì mất khả năng sinh nở. Và như vậy thì công chúa sẽ trở thành người thừa kế ngai vàng. Nhưng trong lịch sử nước Anh chưa hề có tiền lệ nữ hoàng nắm quyền, vì vậy Henry VIII muốn chọn cách tài hôn để mong có con kế thừa ngôi vị. Thế nhưng khi ông phải đại thần đưa việc li hôn này đệ trình lên giáo hoàng La Mã, mong được phê chuẩn thì giáo hoàng do e ngại cháu của hoàng hậu Catherine là hoàng đế Đế quốc La Mã Thần thánh Charles V nên không dám đồng ý, mà cứ kéo dài trì hoãn.

Lúc này thì tầng lớp thị dân mới nổi và giới quý tộc lại dóm ngó tài sản của giáo hội, tha thiết mong muốn lật đổ sự thống trị của Công giáo để chia chác "miếng mồi ngon" này. Với sự ủng hộ của họ, Henry VIII do li hôn bất thành đã quyết định dứt khoát "cắt đứt" với giáo hội La Mã. Năm 1529, Henry VIII mở hội nghị, thảo luận vấn đề cải cách tôn giáo rồi cho ra đời giáo hội Anh quốc vài năm sau đó. Giáo hội Anh quốc là sự pha trộn dung hòa giữa đạo Tin Lành đã cải cách và Công giáo trước đó, hình thành nên một trong những giáo phái Cơ Đốc mang đặc trưng riêng của nước Anh.



Chương 3: Các phát kiến địa lí

Nội dung chính:

Giai đoạn mở đầu của các phát kiến địa lí

Giữa thế kỉ 15, cùng với nền kinh tế phát triển, các nước Tây Âu có nhu cầu cấp thiết về việc mở rộng thị trường, bành trướng lãnh thổ. Nhu cầu này là động lực để mở ra những hành trình đường biển vĩ đại.

Columbus phát hiện ra châu lục mới

Columbus, Dias, Vasco da Gama, Magellan là bốn nhà hàng hải vĩ đại, những người không chỉ mở ra những hải trình mới mà còn tìm thấy con đường huyết mạch nối châu Âu với phương Đông, viết nên những trang sử mới cho lịch sử hàng hải thế giới.

Nền văn minh Aztec

Khi những con đường biển mới được mở ra, giao lưu giữa phương Tây và phương Đông được tăng cường, nhưng cùng với đó là những tai họa khủng khiếp mà nền văn minh Aztec là một minh chứng bi thương.



Giải đoạn mở đầu của các phát kiến địa lí

Phong trào trả lại lãnh thổ đã chia cắt bán đảo Iberia thành hai vương quốc: Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.



Cuối thế kỉ thứ 15, tại cung điện Alhambra của vương quốc Granada, vương triều Nasrid - vương triều đạo Hồi cuối cùng trên bán đảo Iberia.



Giữa thế kỉ thứ 15, tại cảng Lisbon, Bồ Đào Nha



NHÓC VẪN ĐỌC MARCO POLO HẢ?

CHÁU MUỐN TỚI PHƯƠNG ĐÔNG.

ĐỂ MANG VÀNG VÀ HỒ TIÊU VỀ, KIỂM MỘT KHOẢN KHA KHÁ.



CHÁU ĐIÊN HẢ? LÃNH HẢI PHÍA ĐÔNG CỦA ĐỊA TRUNG HẢI DO ĐẾ QUỐC OTTOMAN NẮM GIỮ ĐÂY!



THỰC RA MUỐN TỚI
PHƯƠNG ĐÔNG, KHÔNG
NHẤT THIẾT PHẢI QUA
ĐỊA TRUNG HẢI. TA TỪNG
NGHE NHỮNG THỦY THỦ
Ả RẬP NÓI RẰNG:

CHỈ CẦN VÒNG QUA
LỤC ĐỊA CHÂU PHI
LÀ SẼ TỚI PHÍA
ĐÔNG ẨM ĐỘ.



ĐẾ QUỐC OTTOMAN

Sau khi chinh phục được Đế quốc Đông La Mã vào năm 1453, Đế quốc Ottoman đã mở rộng thế lực từ bán đảo Tiểu Á tới tận bán đảo Balkan. Các nước theo Cơ Đốc giáo ở châu Âu rất bất mãn với điều này và lần lượt coi Đế quốc Ottoman là kẻ thù.





Bồ Đào Nha đã thành lập đội thuyền do hoàng tử Henry, con trai vua João I dẫn đầu để bắt đầu chuyến hải trình. Vào thời điểm đó, Bồ Đào Nha đã bắt đầu thám hiểm bờ Tây châu Phi. Bồ Đào Nha cũng là nước Cơ Đốc giáo muốn tiến sâu vào lục địa châu Phi.





HAY QUÁ!
CHÚNG TA
ĐƯỢC CẤP
NHỮNG CON
THUYỀN TỐT
NHẤT.

CHIẾC
LA BÀN
NÀY MỚI
THẬT!

NHỜ HOÀNG TỬ
HENRY, KỸ THUẬT
HÀNG HẢI CỦA NƯỚC
TA RẤT PHÁT TRIỂN.

HÃY ĐỢI TA
TỚI NHÉ, HỒI
VÀNG RỒNG
VÀ HƯƠNG
LIỆU!



La bàn
thế kỉ
16



KỸ THUẬT HÀNG HẢI VƯỢT TRỘI

Trước thế kỉ 14, các phương tiện giao thông đường biển thường dựa vào sức người nên phạm vi di chuyển rất ngắn.

Đầu thế kỉ 14, việc phát minh ra la bàn đã thúc đẩy ngành hàng hải phát triển. Nhờ la bàn, người ta có thể xác định được vị trí và phương hướng, nâng cao độ an toàn của chuyến hải trình. Thêm vào đó, sự ra đời của các dụng cụ quan sát thiên văn giúp xác định chính xác phương hướng và vị trí cho các nhà hàng hải. Vì thế con người đã mạnh dạn đóng những chiếc thuyền buồm lớn để tiến hành những chuyến đi xuyên đại dương, tìm kiếm những vùng đất mới.



Mấy tháng sau

MAU LẠI ĐÂY
MÀ XEM! ĐOÀN
THUYỀN VIỄN
DƯƠNG ĐÃ
TRỞ VỀ.

HỌ ĐÃ QUA
NHỮNG ĐÁU?
MANG VỀ
ĐƯỢC NHỮNG
GÌ? AI NÀY
ĐỀU TÒ MÒ
MUỐN BIẾT.



MẶC DÙ KHÔNG
TÔI ĐƯỢC ĂN ĐỘ
NHƯNG CHÚNG TÔI
ĐÃ MANG VỀ RẤT
NHIỀU VÀNG, NGÀ
VOI VÀ NỖ LỆ
CHÂU PHI.

HA HA HA,
CHÚNG TÀ
GIÀU TO RỒI!

LẦN SAU TÔI
ĐƯỢC ĂN ĐỘ
SẼ KIẾM ĐƯỢC
NHIỀU HƠN NỮA.





Ngày 2 tháng 1 năm 1492, cú điểm cuối cùng của đạo Hồi trên bán đảo Iberia - Granada đã rơi vào tay quân đội Tây Ban Nha.



Columbus đã được
thỏa nguyện, hoàng
thất Tây Ban Nha đã
cấp cho ông ba con
thuyền, nhưng
thủy thủ thì...

GÌ CƠ? CHÚNG
TA ĐI THEO PHÍA
TÂY, QUA ĐẠI
TÂY DƯƠNG SAO?
CẬU DÙA À?

MUỐN TỚI ẮN ĐỘ PHẢI VÒNG
QUA CHÂU PHI, ĐI THEO HƯỚNG
ĐÔNG CHỨ! KHU VỰC BIỂN
PHÍA TÂY RẤT NGUY HIỂM,
ĐI THÌ NGANG VỚI TỤ SẮT,
TÔI KHÔNG ĐI ĐẤU!



Người lúc bấy giờ quan niệm, bề mặt Trái Đất phẳng, và
đại dương phía Tây là giới hạn cuối cùng. Nơi ấy có một thềm
nước đỏ xuống, dưới chân trời có một con quái vật đang há
miệng chờ nuốt chửng những con thuyền đang trôi lênh.

CÁC THỦY THỦ
KHÔNG CHỊU KHỎI
HÀNH, LÂM SAO ĐÂY?

Columbus đành phải
dùng phàm nhân làm
thủy thủ.

SAO? NẾU BẰNG
LÔNG RA KHỎI
THÌ SẼ ĐƯỢC
MIỄN CHẾT À?
TUYỆT QUÁ!





Nhưng hành trình của Columbus không hề suôn sẻ. Sau khi khởi hành không lâu, đoàn thuyền của ông bị thuyền của Bồ Đào Nha tấn công. Sau đó, đoàn thuyền lạc gặp phải bão biển, một chiếc thuyền bị hư hại, và cũng vì sửa chữa thuyền hỏng nên ông đã lỡ không kịp thời gian.



Thuyền cứ thế đi giữa Đại Tây Dương mênh mông, không thấy bóng dáng một hòn đảo nào, chỉ thấy một biển ngút tầm mắt, thủy thủ đoàn bắt đầu hoang mang.

NÀY, CHIẾC
THUYỀN NÀY
CỨ TIẾP TỤC VỀ
HƯỚNG TÂY ĐẠI
TÂY DƯƠNG.

VẬY THÌ
SAO?

ĐỒ NGƯ,
THÌ CHÚNG TA
SẼ TỚI RANH GIỚI
CUỐI CÙNG CỦA
ĐẠI DƯƠNG CHỨ
SAO NỮA.



VÙ VÙ VÙ!

NẾU
CỨ ĐI VỀ
PHÍA NÀY
THÌ KHÁC GÌ
TỰ SÁT.

MAU CHO THUYỀN
QUAY ĐẦU LẠI NẾU
KHÔNG CHÚNG TA
SẼ GIẾT CHẾT ĐỒ
ĐỘC COLUMBUS.





MỌI NGƯỜI DỪNG
HỒT HOẢNG, HÃY
BÌNH TĨNH NGHE
TÔI NÓI. KHÔNG
HỀ CÓ ĐIỂM CƯỜI
CỦA THẾ GIỚI BỞI
VÌ TRÁI ĐẤT
HÌNH CẦU.

TIẾP TỤC
VỀ HƯỚNG TÂY,
NHẤT ĐỊNH SẼ TỚI
ĐƯỢC PHƯƠNG
ĐÔNG.



TẠI SAO
BỌN TA PHẢI
TIN ÔNG?

CHÚNG TA
SẼ NÉM ÔNG
XUỐNG BIỂN LÀM
MÔI CHO CÁ, RỒI
QUAY THUYỀN
TRỞ VỀ.

HÃY CHO TÔI
BA NGÀY, NẾU
BA NGÀY NỮA MÀ
CHƯA THẤY ĐẤT
LIỀN THÌ CHÚNG TA
SẼ QUAY VỀ.

MÃY NGÀY NAY TÔI ĐÃ
QUAN SÁT THẤY NHỮNG CẢNH
CÂY TRỜI DẠT TRÊN MẶT BIỂN,
TRÊN TRỜI THẤP THOÁNG
NHỮNG CẢNH CHIM VỒN SỐNG
TRÊN ĐẤT LIỀN. CHÚNG BẢO
CHO TA BIẾT RẰNG: SẮP TỚI
ĐẤT LIỀN RỒI.



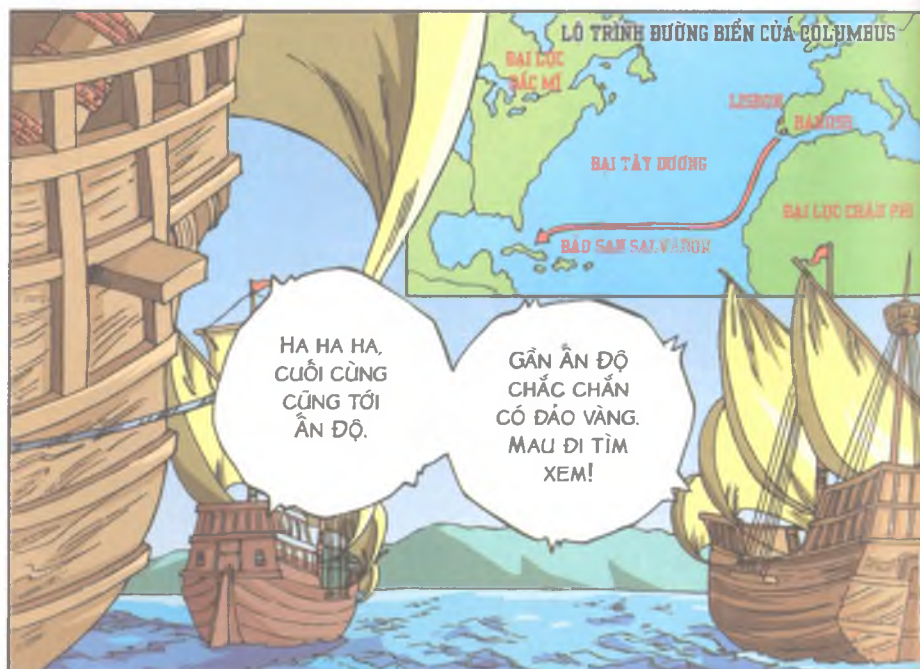
Ngày 12 tháng 10,
đúng vào 2 giờ đêm
ngày thứ ba...

TRỜI ƠI,
CÓ ÁNH
LỬA!



ĐÚNG LÀ
ÁNH LỬA
THẬT!

THẤY ĐẤT
LIỀN RỒI!
TỚI PHƯƠNG
ĐÔNG RỒI!
MUỐN NĂM!



HA HA HA,
CUỐI CÙNG
CŨNG TỚI
ẤN ĐỘ.

GẦN ẦN ĐỘ
CHẮC CHÁN
CÓ ĐẢO VÀNG.
MAU ĐI TÌM
XEM!



Ngày thứ 71 sau khi rời Tây Ban Nha,
Columbus đã tìm ra đất liền.

Nhưng vùng đất này không phải
là Ấn Độ mà ông đang tìm kiếm.
Đây chỉ là một hòn đảo nhỏ gần
đại lục châu Mỹ.



CUỐI CÙNG
CŨNG ĐẶT
CHÂN LÊN
ẤN ĐỘ.



CẢM ƠN
THƯỢNG
ĐỂ!



TÀ NHÃN DANH NỮ
HOÀNG TÂY BAN NHA,
TUYÊN BỐ HÒN ĐẢO
NÀY THUỘC LÃNH THỔ
TÂY BAN NHA.



TÀ ĐẶT
TÊN HÒN
ĐẢO NÀY
LÀ SAN
SALVADOR.





COLUMBUS, NGƯỜI LÀM TỐT LẮM.

TÀ LỆNH CHO NGƯỜI TIẾP TỤC THĂM HIỂM CHO TÂY BAN NHA.

TUẦN LỆNH!



CHỈ NHỮNG
NGƯỜI CÓ
LÒNG DÙNG
CẨM VÀ TRÍ
TUỆ NHƯ
COLUMBUS.

MỚI HOÀN
THÀNH ĐƯỢC
NHIỆM VỤ VĨ ĐẠI,
LƯU DANH SỬ
SÁCH.



Thành công vang dội bao giờ
cũng mang tới sự đổ kị.

LƯU DANH
SỬ SÁCH?
HỦ, CÓ GÌ
GHÊ GỒM
ĐẤU!

ĐÚNG THỀ!
CỨ THEO PHÍA TÂY
CHẮC CHẴN SẼ TỚI
NƠI AI MÀ CHẴNG
LÀM ĐƯỢC!



NÀY, NGƯỜI,
NGƯỜI ĐỊNH
LÀM GÌ
THỀ?



AI CÓ THỂ CHO
QUẢ TRỨNG ĐÃ
LƯỢC NÀY ĐÚNG
TRÊN MẶT BÀN
ĐƯỢC?



KHÔNG BIẾT
NGƯỜI ĐANG BÀY
TRÒ GÌ, NHƯNG
TA CÓ THỂ LÀM
ĐƯỢC.



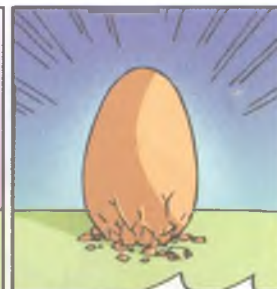
ỦA?
KHÔNG THỂ
ĐÚNG NỔI...



HỪM, QUẢ
TRỨNG NÀY
SAO MÀ ĐÚNG NỔI?



KHÔNG THỂ
Ư? TA CÓ
THỂ CHO NÓ
ĐÚNG VỮNG
TRÊN MẶT
BÀN.



GÌ THỀ?
BUỒN CƯỜI
QUẢI THỀ NÀY
THÌ AI CHẴNG
LÀM ĐƯỢC?



ĐÚNG VẬY,
ĐƠN GIẢN LÀ AI
CŨNG LÀM ĐƯỢC,
NHƯNG TRƯỚC KHI
TÔI LÀM ĐƯỢC THÌ
AI ĐÃ LÀM ĐƯỢC
ĐIỀU NÀY?



THĂM HIỂM
THEO HƯỚNG
TÂY CŨNG
NHƯ VẬY,
AI CŨNG
LÀM ĐƯỢC
NHƯNG...



TÔI LÀ
NGƯỜI ĐẦU
TIÊN Dám
LÀM...

Sau đó, Columbus thực hiện ba chuyến hải trình nữa, nhưng do bị ghen ghét và cũng do nữ hoàng Isabella, người ủng hộ ông đã qua đời, nên cả ba lần đều không thành công.

Thêm vào đó, do không mang lại nguồn lợi từ lục địa như mong đợi nên những chuyến hành trình của Columbus khó mà đạt được những tiến triển mới.

Ngày 20 tháng 5 năm 1506, Columbus từ già cỗi đời, hướng thọ 55 tuổi.

Cho tới tận khi qua đời, Columbus vẫn cho rằng lục địa mới là Ấn Độ.

NGUỒN GỐC TÊN GỌI LỤC ĐỊA MỚI

Trong quãng thời gian từ 1492 đến 1504, Columbus đã ba lần dẫn thuyền thực hiện viễn dương.

Ông đã phát hiện ra quần đảo Bahamas, Cuba và Jamaica, còn tới gần với Panama. Nơi này sau đó trở thành thuộc địa của Tây Ban Nha.

Ông còn phát hiện ra cả Trinidad và Venezuela, nhưng ông cho đây là bờ biển ven Ấn Độ.

Còn nhà hàng hải người Ý Americus Vesputius đã phát hiện ra đường bờ biển Đông Bắc Nam Mỹ dài hơn 1.200 km, và vì vậy ông đoán là đây là lục địa mới, Mọi người lấy tên ông đặt cho lục địa mới, tên là Americus (Đại lục châu Mỹ).



Việc Columbus phát hiện ra lục địa mới đã đẩy lên trên khắp châu Âu một cơn sốt tìm kiếm phương Đông. Ngày 8 tháng 7 năm 1497, Vasco da Gama đã dẫn theo bốn chiếc thuyền lớn khởi hành từ Lisbon, Bồ Đào Nha.



Thời bấy giờ, kĩ thuật hàng hải rất phát triển, các con thuyền không phải đi men theo đường bờ biển nữa mà có thể ra khơi xa.



Thời gian đi biển càng lâu thì thủy thủ càng hoang mang.



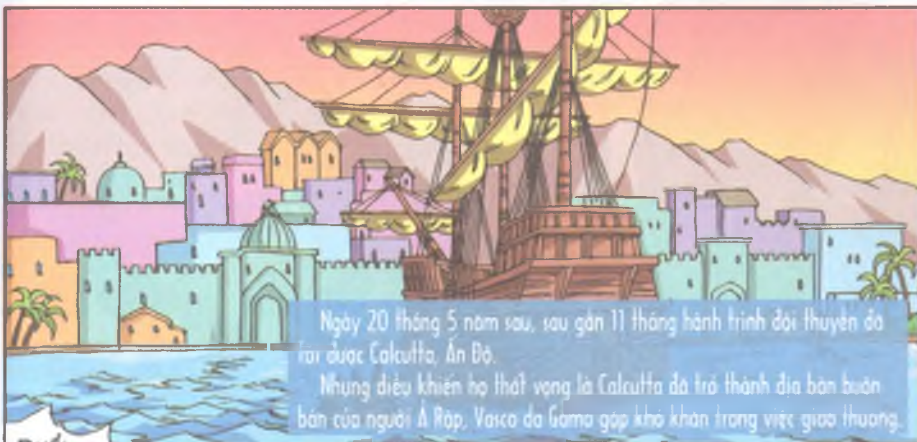
Vasco da Gama kiên quyết xử tù hình những thuyền viên phản loạn và tiếp tục hành trình về phía đông.



Tháng 11, đội thuyền tới môi
Hào Vọng, vào biển Ấn Độ Dương,
Vasco da Gama đã tìm được đường
đến Ấn Độ...

CỨ ĐI THEO
HƯỚNG NÀY
SẼ TỚI ĐƯỢC
ẤN ĐỘ PHẢI
KHÔNG?

VẮNG,
TÔI ĐƯỢC!



Ngày 20 tháng 5 năm sau, sau gần 11 tháng hành trình đội thuyền đã
tới được Calcutta, Ấn Độ.

Nhưng điều khiến họ thất vọng là Calcutta đã trở thành địa bàn buôn
bán của người Ả Rập. Vasco da Gama gặp khó khăn trong việc giao thương.

ĐUỐI
BỌN BỎ
ĐÀO NHA ĐI
KHÔNG CHO
CHÚNG LẪM
ĂN Ở ĐÂY!



Bị người Ả Rập đe dọa,
Vasco da Gama đành mang
số hàng hóa ít ỏi trở về Lisbon.





THUỘC ĐỊA CỦA TÂY BAN NHA VÀ BỒ ĐÀO NHA.

Năm 1494, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, hai quốc gia phát triển nhất về hàng hải đã kí "Điều ước Tordesillas" để tránh việc tranh giành đất đai trên vùng lục địa mới. Điều ước này quy định: Lấy vĩ độ Tây 45 làm giới tuyến (như đường nét đứt trong hình vẽ), phía Đông thuộc Bồ Đào Nha, phía Tây thuộc Tây Ban Nha.



BÊ HẠ, XIN HÃY
GIAO VIỆC KHAI
PHÁ CON ĐƯỜNG
HÀNG HẢI MỚI VỀ
PHÍA TÂY CHO
THẦN.

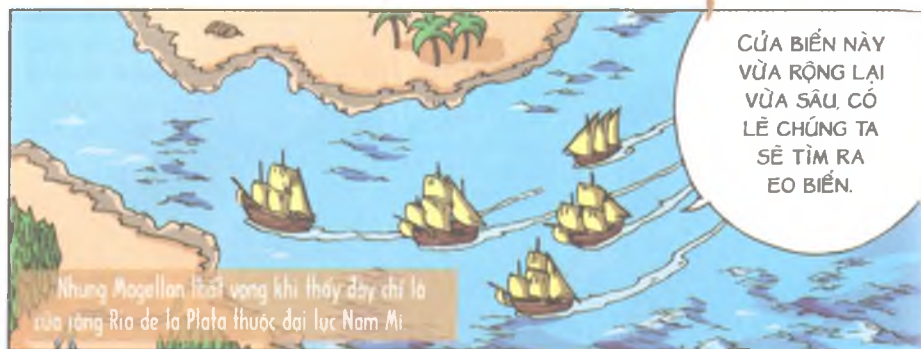
THẦN TIN RẰNG
CHỈ CẦN ĐI VÒNG
QUA PHÍA TÂY LỤC
ĐỊA GIỐNG NHƯ
COLUMBUS LÀ
SẼ TÌM RA CON
ĐƯỜNG BIỂN
TỚI PHƯƠNG
ĐÔNG.

ĐƯỢC, TA GIAO
NHIỆM VỤ NÀY
CHO NGƯỜI,
MAGELLAN!

ĐƯỢC VƯƠNG TÂY BAN
NHA CHARLES V

Ngày 20 tháng 9 năm 1519, Magellan
đem theo 265 thuyền viên cùng với
5 chiếc thuyền lớn khởi hành từ cảng
St. Luke, Tây Ban Nha.





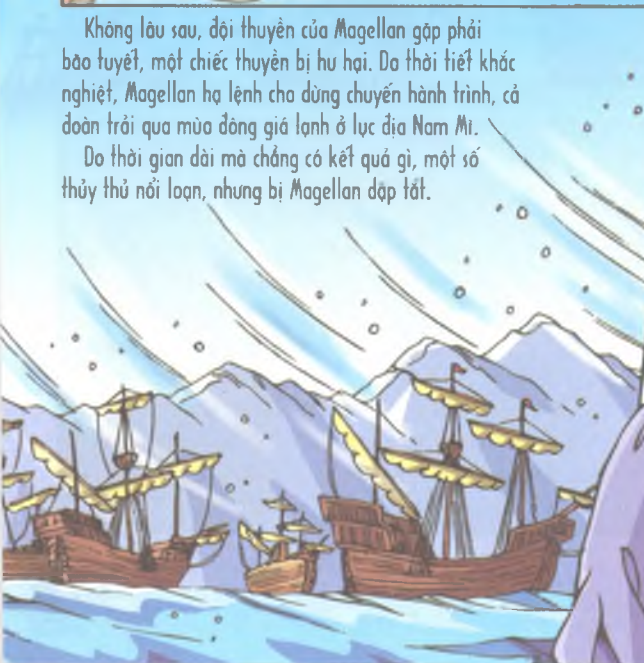
CỬA BIỂN NÀY
VỪA RỘNG LẠI
VỪA SÂU, CỎ
LỄ CHÚNG TA
SẼ TÌM RA
EO BIỂN.

Nhưng Magellan thất vọng khi thấy đây chỉ là
sông Rio de la Plata thuộc đại lục Nam Mỹ.



Không lâu sau, đội thuyền của Magellan gặp phải
bão tuyết, một chiếc thuyền bị hư hại. Do thời tiết khắc
nghiệt, Magellan hạ lệnh cho dừng chuyến hành trình, cả
đoàn trôi qua mùa đông giá lạnh ở lục địa Nam Mỹ.

Do thời gian dài mà chẳng có kết quả gì, một số
thủy thủ nổi loạn, nhưng bị Magellan dập tắt.



Magellan cùng đoàn thuyền trải qua bao khó khăn, cuối cùng cũng tới được vị trí 50 độ vĩ Nam.

HA HA HA,
NƯỚC MẶN!
LÀ NƯỚC
BIỂN.

ĐÂY LÀ
EO BIỂN,
ĐÚNG LÀ
EO BIỂN
RỒI.



CHÚNG
TA ĐÃ QUA
EO BIỂN RỒI!
BẮC CHÚC
MỪNG THÔI!

Một tháng sau đó, tức ngày 28 tháng 11 năm 1520, đội thuyền của Magellan đã đi qua eo biển tại bờ tây lục địa Nam Mỹ. Vì thế, về sau, eo biển này mang tên Magellan.

PẒNG PẒNG PẒNG PẒNG!

Nhưng bất hạnh thay, khi qua eo biển, chiếc thuyền chở lương thực San Antonio đã thừa cơ trốn về Tây Ban Nha. Magellan chỉ còn ba chiếc thuyền.

ĐẠI DƯƠNG NÀY
RỘNG LỚN VÀ
HIỀN HÒA, HÃY GỌI
NÓ LÀ THÁI BÌNH
DƯƠNG!





Cả đoàn lính trên Thái Bình Dương hơn 60 ngày liên tục nhưng không tìm thấy một hòn đảo nào, lương thực thiếu thốn trầm trọng, rất nhiều thủy thủ chết vì bệnh và đói.

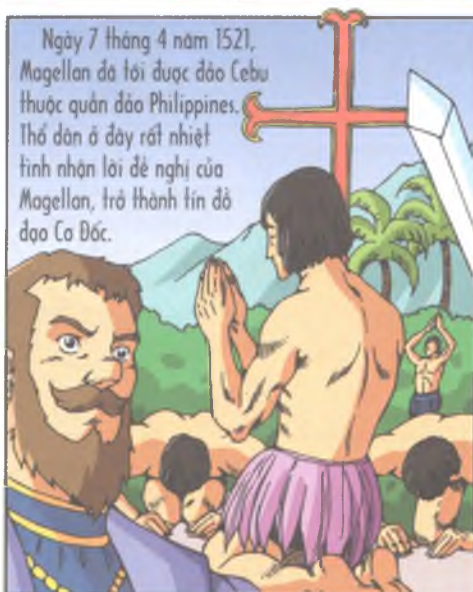
TÔI KHÔNG THỂ CÒ THÊM ĐƯỢC NỮA, CHÚNG TÀ CHẾT MẮT!



May mắn thay, không lâu sau họ phát hiện ra một hòn đảo không có người ở, cả đoàn lên bờ lấy lương thực và nước ngọt rồi đi tiếp.

BẮN ĐẠI BẮC ĂN MỪNG THÔI!

PẦNG PẦNG PẦNG!



Ngày 7 tháng 4 năm 1521, Magellan đã tới được đảo Cebu thuộc quần đảo Philippines. Thổ dân ở đây rất nhiệt tình nhận lời đề nghị của Magellan, trở thành tín đồ đạo Cơ Đốc.



Nhưng sau đó, một số thổ dân đã chống lại Magellan. Magellan dẫn thủy thủ đoàn chiến đấu với thổ dân.

Vào tháng 4 năm 1521 trên
đảo Mactan...

KHÔNG
XONG RỒI,
MAU RÚT,
RÚT THỜI!

TOÀN BỘ
RÚT LÊN
THUYỀN!



Trong trận chiến này, Magellan không may
thiệt mạng, các thủy thủ vội bỏ chạy thoát thân,
không ai chôn cất cho ông.

Khi giao tranh với thổ dân, đã có 24 thủy thủ bỏ mạng.

Chỉ còn 115 thủy thủ may mắn sống sót, nhưng họ không thể cùng lúc điều khiển cả ba con tàu nên buộc lòng phải đánh đắm một chiếc rồi chạy thoát khỏi đảo có thổ dân, tiếp tục hành trình.

Tiếp đó, đội thuyền tới quần đảo Moluccan, sau khi mưa xong hồ tiêu, họ quay trở lại Tây Ban Nha.

Trên đường về, do thiếu thốn lương thực và gặp bão biển, họ lại mất một con thuyền nữa, và nhiều người thiệt mạng.

Gì cơ?
ĐỘI THUYỀN
CỦA MAGELLAN
ĐÃ VỀ TỚI NƠI
SAO?

Ngày 6 tháng 9 năm 1522, chiếc thuyền rách nát Victoria về tới Tây Ban Nha.

Đội thuyền của Magellan xuất phát từ một hải cảng của Tây Ban Nha, trải qua hành trình ba năm trời ròn rã, chỉ còn 18 người sống sót.

THÁI BÌNH DƯƠNG

LỤC ĐỊA BẮC MỸ

HẢI TÂY DƯƠNG

CHÁO PHÊ

LỤC ĐỊA NAM MỸ

ẤN ĐỘ

QUẦN ĐẢO PHILIPPINES

QUẦN ĐẢO MOLUCCAN

HẢI TRÌNH CỦA MAGELLAN

Khi còn trẻ, Magellan từng dẫn thuyền theo hướng Đông tới Đông Nam Á, nếu tính cả lần tới Phillipines theo hướng Tây này thì có thể nói, Magellan đã đi vòng quanh thế giới bằng đường biển.

Sau khi Columbus phát hiện ra châu Mỹ, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha bắt đầu đặt ách thống trị thực dân lên lục địa mới.

Theo "Điều ước Tordesillas", Tây Ban Nha chiếm được nhiều thuộc địa nhất. Mặc dù không lấy được vàng và hồ tiêu như mong ước nhưng thực dân Tây Ban Nha đã buộc thổ dân thuộc địa châu Mỹ phải lao động cật lực.

NHANH
TAY LÊN!
ĐỪNG LÈ
MỀ!

Rèn văn minh Aztec

HỦ, CHỈ THU ĐƯỢC
KHOAI TÂY, NGŨ
VÀ THUỐC LÁ Ở
MÁNH ĐẤT NÀY.

HA HA HA,
THỀ CŨNG
TỐT CHÚ
SAO?

CHỜ CHÚNG
VỀ CHÂU ÂU,
CHÚNG TA VẪN
KIỂM CHÁC
ĐƯỢC KHA KHẢ.

NHƯNG CHÚNG
TA CẦN TÌM RA
VÀNG, PHẢI TÌM
RA ĐẤT NƯỚC
CỦA VÀNG Ở LỤC
ĐỊA MỚI NÀY.

ĐÓ CHÍNH LÀ
MỘT ĐẤT NƯỚC
VÀNG SÁNG
LẤP LÁNH.

HA HA HA,
— CÓ THỂ ĐÓ
CHỈ LÀ TRUYỀN
THUYẾT THÔI.



Thực ra đất nước của vàng
không phải là truyền thuyết.
Không lâu sau, người Tây Ban
Nha đã phát hiện ra hai quốc gia
trong lục địa châu Mỹ, đó là Aztec
và Inca.

Aztec chính là nền văn minh
bắt nguồn từ cao nguyên Mexico,
thủ đô là Tenochtitlan (ngày nay
là thành phố Mexico), nằm trên
một hòn đảo nhỏ gần bờ Tây hồ
Texcoco.



Bức hình thật của di chỉ Tenochtitlan



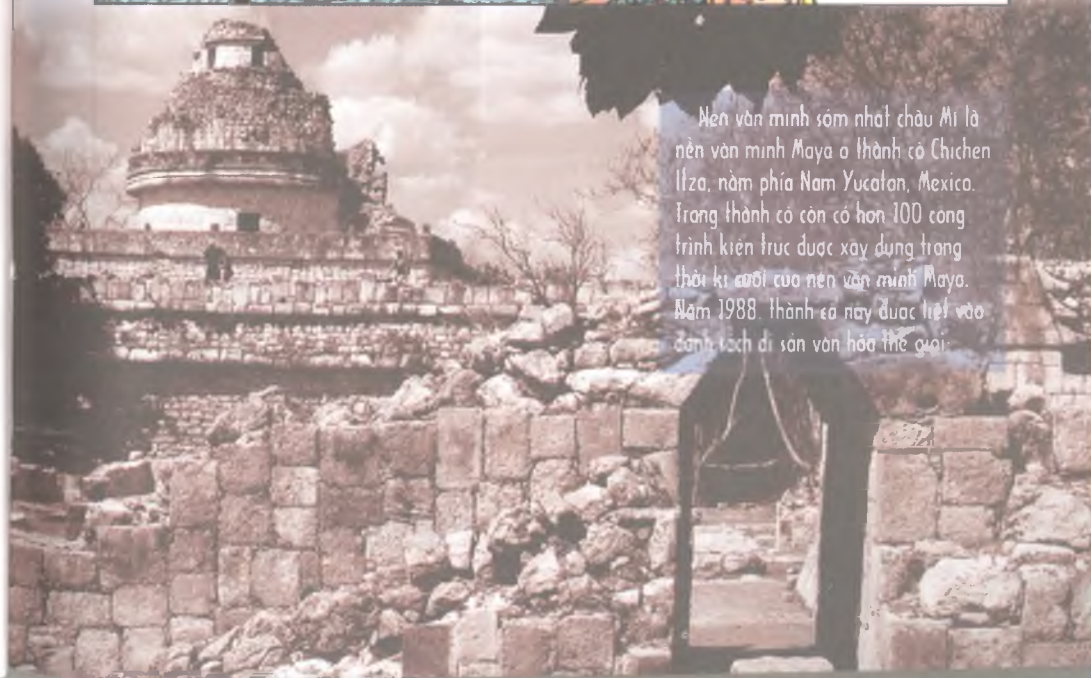
TRỜI ƠI, SAO LẠI CÓ
THÀNH PHỐ VĨ ĐẠI
NHƯNG NÀY? NGOÀI
SỨC TƯỢNG TƯỢNG!
THẬT TRẮNG LỆ!
THẬT THẦN KÌ!





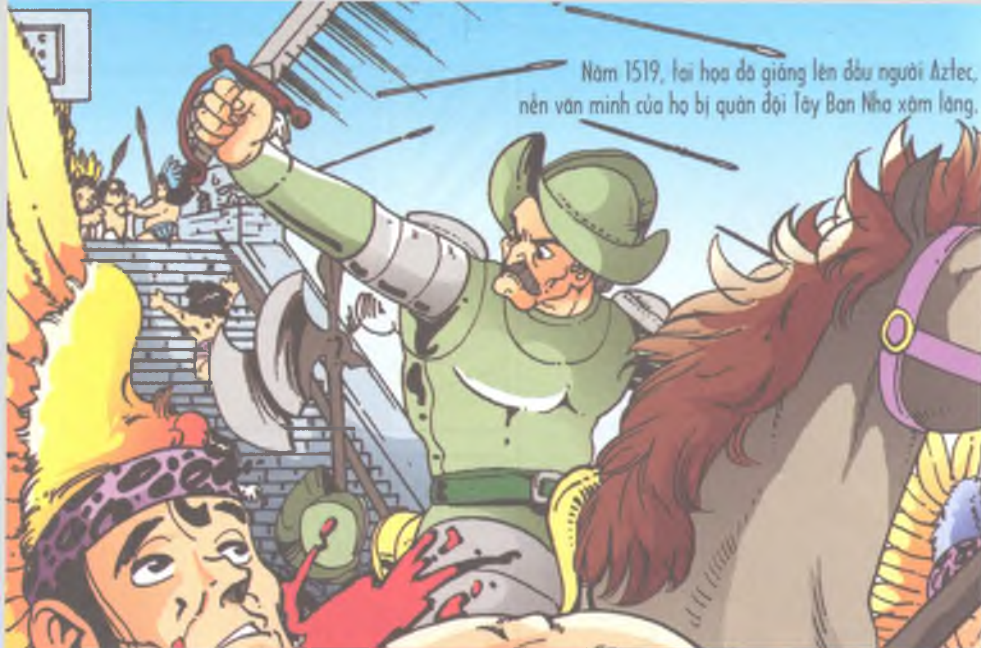
Di chỉ kim tự tháp Teotihuacan phản ánh nền văn minh Mexico thế kỷ thứ 8 của người Anh-diêng. Nó khác với kim tự tháp Ai Cập, bởi đây không chỉ là mộ của nhà vua mà còn là thần điện để tế bái.





Miền văn minh sớm nhất châu Mỹ là nền văn minh Maya ở thành cổ Chichen Itza, nằm phía Nam Yucatan, Mexico. Trong thành cổ còn có hơn 100 công trình kiến trúc được xây dựng trong thời kỳ cuối của nền văn minh Maya. Năm 1988, thành cổ này được liệt vào danh sách di sản văn hóa thế giới.

Năm 1519, hai họa đã giáng lên đầu người Aztec, nền văn minh của họ bị quân đội Tây Ban Nha xâm lăng.

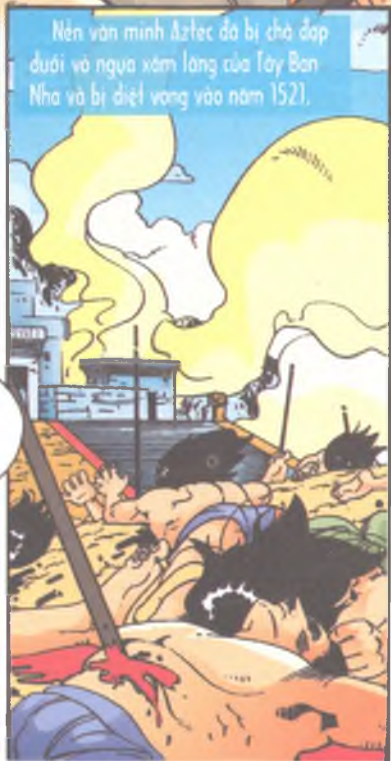


TRỜI OI!
ĐÚNG LÀ
TINH XẢO!

LẠI LÀ
VÀNG THẬT
NỮA CHỨ!



Nền văn minh Aztec đã bị cho đập
đuối và ngựa xâm lăng của Tây Ban
Nha và bị diệt vong vào năm 1521.



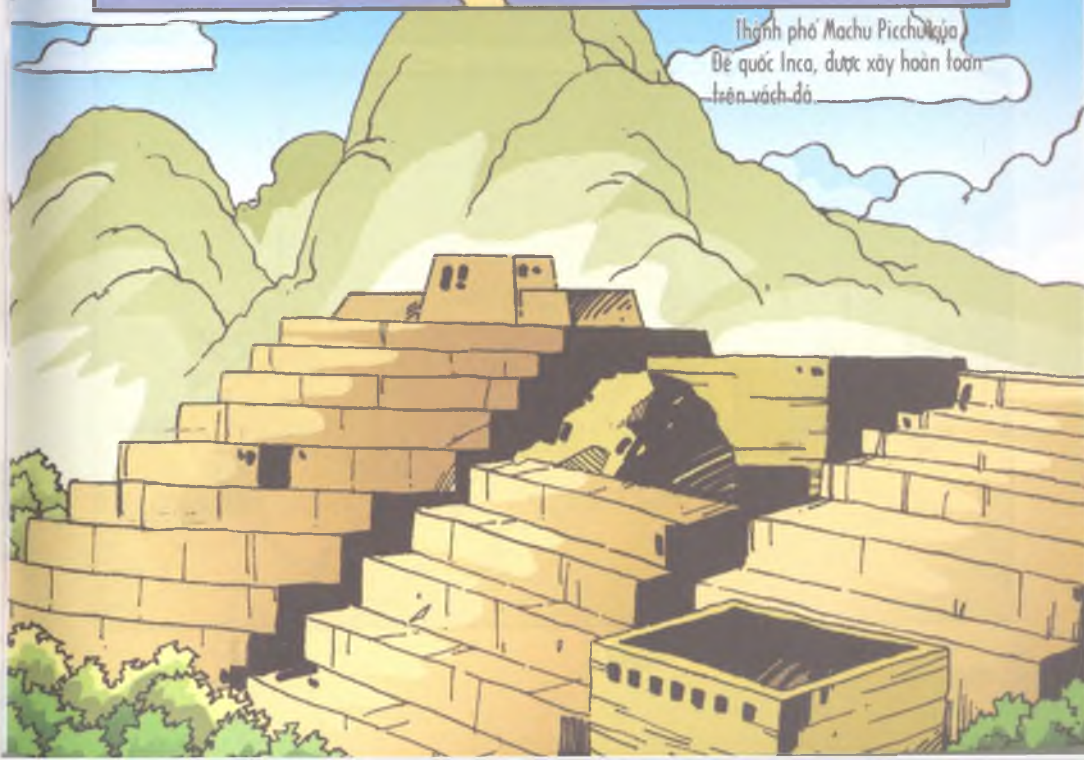
OA HA HA HA!
CHÚNG TA ĐÃ TÌM RA
ĐẤT NƯỚC CỦA
VÀNG RỒI! GIÀU
TO RỒI!





Nền văn minh của Đế quốc Inca cũng là một nền văn minh phồn vinh cùng thời với nền văn minh Aztec. Văn minh Inca bắt nguồn từ vùng Cusco của Peru vào khoảng vào thế kỉ 12.

Thành phố Machu Picchu của Đế quốc Inca, được xây hoàn toàn trên vách đá.







Người Inca đã rời đây chóng lại.



nhưng quân
đội Tây Ban Nha
quá mạnh.



màn khói chiến đã
điễn ra chóng vánh.
Chỉ trong 30 phút 45
phút Inca đã mất hơn
20000 chiến binh.



THẬT
DỄ DÀNG,
DÂN INCA
THẬT LẠC
HẬU, VẬY
CHƯA BIẾT
CHẾ TẠO VŨ
KHÍ BẰNG
SẮT.

ĐÚNG LÀ
MỘT KHO VÀNG
KHÔNG LỖ, CỎ
LẼ ĐÂY CHÍNH
LÀ KINH ĐÔ
CỦA BỌN HỌ.



Đã trên những bức tường của người Inca được
xếp vừa khít với nhau, ngay cả lưỡi dao mỏng
cũng không thể cắt vào giữa được. Kỹ thuật
xây dựng này khiến người ta phải kinh ngạc.

OÀ! BỨC
TƯỜNG ĐÁ NÀY
THẬT LÀ ĐẸP!





◀
Di chỉ Machu Picchu của Đế quốc Inca, phía trước là ruộng bậc thang.



ĐƯỢC
THÔI!

TRỜI ƠI... SAO
NHIỀU VÀNG
THẾ NÀY?

ĐÃ GIAO VÀNG CHO CÁC
NGƯỜI RỒI CÓ THỂ
THẢ QUỐC VƯƠNG
RA CHƯA?

HA HA HA, GIỜ THÌ TA
ĐÃ BIẾT CÁCH KIỂM
TIỀN RỒI!

QUỐC VƯƠNG
ATAHUALPA PHẠM
VÀO TỘI PHẢN LOAN,
PHẢI XỬ HÓA THIÊU.

NHƯNG ĐỨC VUA
NƯỚC TA CHO NGƯỜI
MỘT CƠ HỘI HÃY
THEO ĐẠO CƠ ĐỐC.
SẼ ĐƯỢC XẢ
TỘI CHẾT.

TÔI BIẾT RỒI...
TÔI SẼ
THEO ĐẠO
CƠ ĐỐC.

Không lâu sau, quốc
vương Atahualpa lại bị bắt.



Năm 1533, quốc vương Atahualpa bị những kẻ thống trị người Tây Ban Nha xử tử. Đế quốc Inca diệt vong. Sau đó người Tây Ban Nha với lòng tham vô đáy đã đào lăng mộ của vương thất, cướp sạch các đồ tùy táng. Tất cả vàng bạc được chuyển chở về Tây Ban Nha.



Những phát kiến địa lí

Những phát kiến địa lí có thể coi là dấu mốc quan trọng đầu tiên trong lịch sử châu Âu khi chuyển giao từ thời trung cổ sang thời cận đại. Columbus phát hiện ra châu Mỹ, Vasco da Gama mở ra con đường biển vòng qua cực Nam châu Phi tới phương Đông, Magellan với hành trình vòng quanh thế giới. Tất cả những phát kiến địa lí này chỉ diễn ra trong vòng vài chục năm nhưng đã thay đổi tiến trình lịch sử của cả châu Âu, thậm chí của cả thế giới.

Động lực tạo nên những phát kiến địa lí đó chính là lợi ích kinh tế. Người châu Âu thời bấy giờ rất thích hàng hóa từ châu Á như các loại hương liệu (hồ tiêu, nhục quế, đinh hương, nhục đậu khấu...) và các đồ xa xỉ (lụa tơ tằm, bảo thạch, vải vóc). Những hàng hóa này có giá rất

cao trên thị trường, buôn bán những sản phẩm này rất dễ trở nên giàu có, vì thế rất nhiều người châu Âu ôm ấp giấc mộng phương Đông. Đúng lúc này, nghề đóng tàu và kĩ thuật hàng hải đạt được những tiến bộ vượt bậc, giúp hiện thực hóa ước mơ thám hiểm bằng đường biển.

Có thể nói những lần đại viễn dương ít ỏi từ năm 1490 đến năm 1520 đã hoàn toàn thay đổi tình trạng khép kín của châu Âu và cũng gây ra những cuộc chiến tranh giành đất đai thuộc địa ở các khu vực ở lục địa mới như châu Mỹ, vùng ven biển châu Phi và châu Á, chủ nghĩa thực dân cũng vì vậy mà lan tới mọi góc ngách trên thế giới.

Cung điện Alhambra

Cung điện Alhambra là cung điện hoàng gia tráng lệ của vương quốc Granada, nằm ở một thành phố nổi tiếng miền nam Tây Ban Nha, cũng là công trình kiến trúc đạo Hồi còn được gìn giữ khá nguyên vẹn.

Ở trên một ngọn đồi phía Đông thành phố Granada, cung điện được xây dựng vào thế kỉ thứ 13, 14 với kiến trúc chính là cung điện và dãy nhà dài hình ống, trong đó nổi tiếng nhất là Tòa các Sư Tử với trung tâm là 122 con sư tử đá cẩm thạch đang đỡ một đài phun nước hình tròn, các hiên hành lang được thiết kế tinh xảo, là kiệt tác kiến trúc mang phong cách Ả Rập.

Alhambra trong tiếng Ả Rập có nghĩa là "Tòa thành màu đỏ", vì thế tường bao ngoài được xây bằng sa thạch màu đỏ, dưới ánh nắng dịu dàng của buổi hoàng hôn, cả tòa thành ảm áp ánh sáng màu đỏ cam, khiến du khách phải mê đắm. Còn có một cách lí giải khác về cái tên "Tòa thành màu đỏ", đó là khi xây tòa thành này, người ta đã làm việc cả đêm lẫn ngày. Ban đêm người ta nhóm những đồng lửa lớn, ánh lửa bập bùng giữa đêm khuya chiếu rọi vào những bức tường sa thạch khiến chúng ánh màu lửa đỏ, vì thế mới có cái tên Alhambra.

La bàn

La bàn còn được gọi là kim chỉ nam, là loại dụng cụ xác định phương hướng bằng cây kim nam châm. Cấu tạo la bàn rất đơn giản, gồm vỏ hay hộp đựng kim xoay hình tròn, được phân chia theo độ; dây ngắm với khe và tiêu điểm; kim nam châm. La bàn rất đơn giản và có độ chính xác kém nên chỉ được dùng trong những công việc đo lường không cần đến độ chuẩn xác cao, ví dụ như đo hướng của một khu vực nào đó, xác định hướng đường, khảo sát địa chất hay rừng rậm, đây cũng là vật bất li thân của các nhà thám hiểm.



Lisbon nằm ở bờ phía Bắc cửa sông Tagus, con sông cực Tây của lục địa châu Âu. Cư dân sớm nhất ở Lisbon là người Phoenicia và Carthage, tới năm 205, người Roma mới tới đây định cư. Sau thế kỉ thứ 8, văn hóa đạo Hồi du nhập vào và thẩm thấu vào người dân Lisbon, sau đó là sự pha trộn giữa văn hóa Hồi giáo và văn hóa Cơ Đốc giáo, mang đến cho Lisbon những di tích văn hóa cổ xưa vô cùng quý giá.

Sang thế kỉ thứ 13, Lisbon trở thành thủ đô của Bồ Đào Nha, sau này thành phố được mở rộng. Vào thời hưng thịnh nhất nơi đây là nút giao thông và giao thương trọng yếu của vùng Tây Âu, ven biển Đại Tây Dương với khu vực Địa Trung Hải.

Trong thời đại của những phát kiến địa lí, Lisbon bước lên đỉnh cao của sự phát triển. Chính khát vọng đối với vật chất và thế giới

còn đồ ngò của người Bồ Đào Nha, cùng với vị trí địa lí đặc địa và kĩ thuật hàng hải ưu việt đã khiến Lisbon trở thành trung tâm của hoạt động thám hiểm bằng đường biển. Sau khi những con đường trên biển được khai thông thì hàng hóa từ Trung Quốc như gốm sứ, trầm châu, tơ lụa được vận chuyển tới Ấn Độ rồi cùng với hương liệu và những sản vật nơi đây đã lên đường tới Lisbon bằng đường biển. Năm 1755, khi Lisbon đang ở vào thời kì phồn vinh nhất thì bỗng xảy ra một trận động đất chưa từng có trong lịch sử, sau đó còn thêm hơn 20 đợt dư chấn, gần như đã hủy hoại toàn bộ thành phố.

Lisbon ngày nay được xây dựng hầu hết sau trận động đất kinh hoàng đó, kiến trúc Lisbon là sự kết hợp tinh tế giữa văn minh cổ của châu Âu và sức sống của văn minh hiện đại nên vẫn làm say lòng du khách như xưa.

Bối cảnh thời đại tạo điều kiện cho việc khơi thông những con đường hàng hải mới

Không phải ngẫu nhiên mà người Tây Âu muốn mở những con đường hàng hải mới. Mong muốn này là sản phẩm tất yếu của sự tiến bộ xã hội thời bấy giờ, là xu thế phát triển của thời đại và sau nó là cả một bối cảnh lịch sử tiềm tàng.

Đầu tiên, vào thế kỉ thứ 15, ở Tây Âu, vàng trở thành kim loại để trao đổi, chi trả quan trọng nhất trong giao dịch thương mại, nhưng vàng ở châu Âu lại có hạn, tiền độ khai thác các mỏ vàng cũng chậm chạp, thêm vào đó Tây Âu luôn nhập siêu từ các nước châu Á, vàng cứ đổ ra ngoài châu Âu, cho nên nhu cầu về vàng đã trở thành "con sốt" của châu Âu. Cuốn "Những chuyến thám hiểm của Marco Polo" (Tên khác: Kí sự phương Đông) đã phóng đại rằng ở các nước phương Đông, khắp nơi đều là vàng, khiến cho làn sóng người châu Âu tới phương Đông tìm vàng lại càng thêm mạnh mẽ.

Thêm vào đó, trước khi các con đường biển mới được nối thông, giao lưu thương mại giữa phương Đông và phương Tây chủ yếu xuất phát từ phía Đông Địa Trung Hải, phải thông qua sự cho phép của người Ý hay người Ả Rập, cho nên khi hàng hóa đến tay người Tây Âu, giá cả đã bị đội lên cao. Việc giao thương ngày càng mở rộng đã khiến người Tây Âu không thể làm ngơ trước việc

giao dịch qua tay kiểu này, họ muốn phá vỡ sự độc quyền lũng đoạn của người Ý và Ả Rập, trực tiếp mua hàng từ phương Đông.

Thứ ba, khoa học kĩ thuật phát triển đã cung cấp nhiều điều kiện cho việc nối thông những con đường biển. Sau khi nhận biết được Trái Đất hình tròn thì người ta cũng tin Ấn Độ và Trung Quốc nằm ở phía bên kia Đại Tây Dương, chỉ cần qua Đại Tây Dương là có thể tới phương Đông. Trong khi đó những dụng cụ hàng hải như la bàn, thước trắc tinh... và kĩ thuật hàng hải đều phát triển, có những tiến bộ rõ rệt, cung cấp công cụ và thiết bị cho những chuyến viễn dương.

Điểm cuối cùng, cũng là điểm quan trọng nhất, chính là sự hỗ trợ tài chính của chính phủ các nước cho những chuyến viễn dương. Lúc đó cả Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đều xây dựng cho mình một chế độ thống trị chuyên chế trung ương tập quyền, vì vậy có nguồn lực tài chính hùng hậu, hơn nữa việc hỗ trợ viễn dương cũng thể hiện tham vọng muốn mở rộng và xâm chiếm ra bên ngoài lãnh thổ, đúng lúc ấy lại xuất hiện những nhà thám hiểm hùng hực ý chí, tất cả hợp lại tạo nên những phát kiến địa lí chưa từng có trong lịch sử.



Columbus

Columbus sinh ra ở Ý, ông đã cố gắng hiến trọn đời cho ngành hàng hải và là một nhà hàng hải vĩ đại.

Từ nhỏ ông đã say mê những chuyến thám hiểm trên biển, đặc biệt là sau khi đọc cuốn “Những chuyến thám hiểm của Marco Polo”, ông luôn ấp ủ ước mơ được tới Ấn Độ và Trung Quốc, thêm vào đó, thuyết Trái Đất hình tròn lại càng khiến Columbus tin tưởng chắc chắn vào tính khả thi của kế hoạch viễn dương. Ông đã lần lượt tới xin hỗ trợ từ quốc vương các nước Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Pháp, Anh nhưng đều bị chối từ, thậm chí còn bị xem như kẻ lừa đảo. Có lần, trong cuộc họp ủy ban thẩm tra về kế hoạch hàng hải của Columbus, một ủy viên đã hỏi ông rằng: “Kể cả Trái Đất có hình tròn chẳng nữa, cứ đi về hướng Tây sẽ tới được phương Đông và về được điểm xuất

phát, nhưng chuyến hành trình này từ dưới lên trên cao, liệu thuyền buồm của chúng ta có lên nổi không?” Columbus đã yên lặng không trả lời được và thế là bị phủ quyết. Nhưng Columbus đã không từ bỏ, tiếp tục tìm kiếm mọi nơi.



“Những chuyến thám hiểm của Marco Polo”

“Những chuyến thám hiểm của Marco Polo”, có tên khác là “Kí sự phương Đông”, là cuốn kí sự ghi lại chuyến thám hiểm của Marco Polo tới các nước phương Đông, được chia làm 4 tập: Tập 1 ghi chép lại những điều mắt thấy tai nghe của tác giả trên hành trình tới phương Đông, cuốn 2 ghi chép về Hốt Tất Liệt (Kublai) và tình hình các địa phương của Trung Quốc lúc bấy giờ, cuốn 3 ghi chép về Nhật Bản và các nước phương Đông, cuốn 4 ghi chép về quan hệ giữa hai nước Ilkhanate và Qipchaq Ullisi.

Cuốn sách có nội dung về Trung Quốc, gồm 82 chương, chủ yếu thuật lại và ghi chép về 10 địa điểm là Đại Đô, Thượng Đô, Kinh Bắc (nay là Tây An, Thiểm Tây), Thành Đô, Côn Minh, Đại Lý, Tế Nam, Dương Châu, Hàng Châu, Tuyên Châu, Phúc Châu... Những cuốn còn lại ghi chép về tình hình xã hội của các nước châu Á thời trung cổ như địa lí, dân tộc, phong tục, sản vật, tôn giáo, chính trị và văn hóa...

“Những chuyến thám hiểm của Marco Polo” là một trong những căn cứ chủ yếu để người châu Âu hiểu về châu Á trong suốt vài thế kỉ.

Nữ hoàng Isabella

Nữ hoàng Isabella sinh năm 1451, là con gái của đức vua nước Castilla – vua Juan II, bà kế thừa vương vị khi mới 13 tuổi.

Năm 1469, Isabella kết hôn cùng Ferdinand II nước Aragon, nhưng do cuộc hôn nhân này chưa được cha chấp thuận nên bà bị tước quyền thừa kế vương vị.

Năm 1479, vua Juan II qua đời, dẫn đến cuộc tranh giành vương vị ác liệt và Isabella đã giành thắng lợi, trở thành nữ hoàng nước Castilla, tự xưng là Isabella I. Cùng năm đó nước Castilla và Aragon hợp nhất, từ đó bà dồn tâm sức vào việc trị quốc, cuối cùng vào năm 1492, đã thu về được cứ điểm cuối cùng của người Ả Rập trên bán đảo Iberia, thống nhất Tây Ban Nha. Cùng năm đó bà đã ủng hộ kế hoạch viễn dương của Columbus.

Năm 1504, nữ hoàng Isabella qua đời.



Những con đường biển mới tạo nên tầng lớp tư sản mới

Sau khi mở thông các con đường biển mới, một lượng lớn của cải vật chất đổ vào Tây Âu, trong đó có những kim loại quý hiếm, dẫn đến cuộc cách mạng giá cả ở Tây Âu.

Đầu thế kỉ 16, hàng năm người Tây Ban Nha mang về 2.900 kg vàng, 30.700 kg bạc từ châu Mỹ. Giữa thế kỉ thứ 16, tăng lên 5.500 kg vàng và 246.000 kg bạc. Còn người Bồ Đào Nha chỉ từ năm 1493 đến 1600 đã mang về từ châu Phi 276.000 kg vàng.

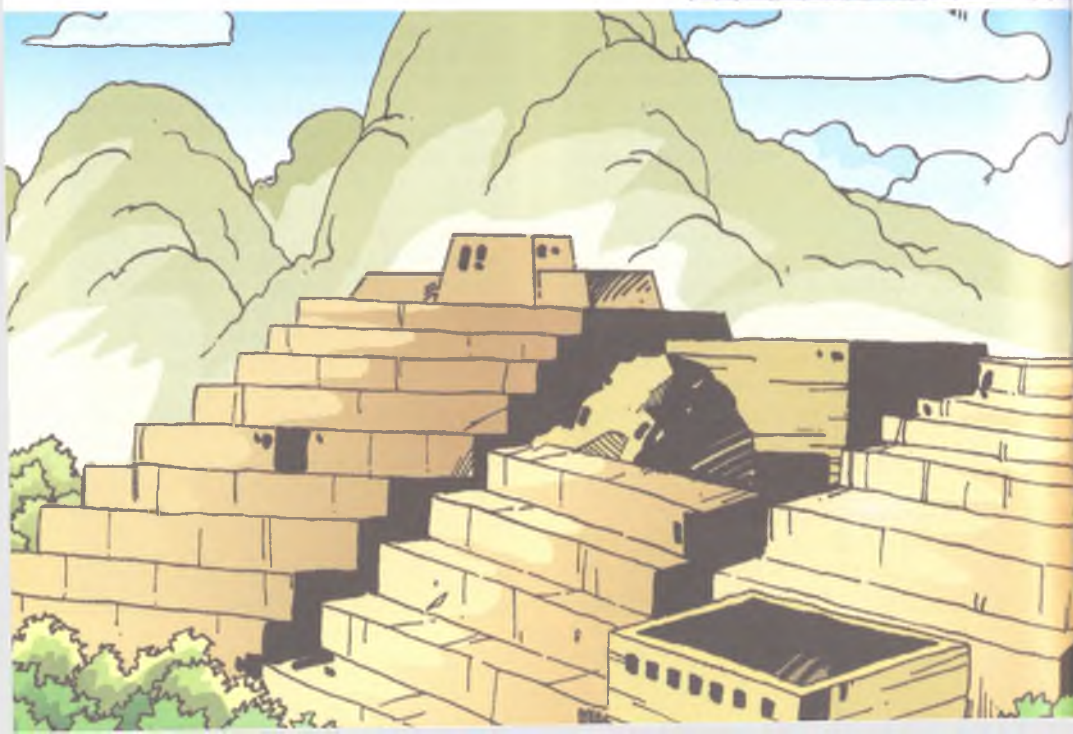
Như vậy, một lượng lớn vàng bạc đã chảy vào thị trường Tây Âu, cuối cùng gây ra sự rớt giá của đồng tiền các nước Tây Âu, vật giá thì tăng chóng mặt.

Thế kỉ 16, vật giá các nước Tây Âu tăng gần gấp hai lần, ở Tây Ban Nha tăng tới 4 đến 5 lần, nhưng tiền lương lại khá ổn định chỉ tăng trong ngưỡng không quá 30%.

Tình hình này đã làm sâu sắc thêm sự phân hóa, thu nhập thực tế của những người trực tiếp

sản xuất giảm sút rõ rệt, cuộc sống ngày càng khốn khổ. Tầng lớp địa chủ phong kiến áp dụng phương thức truyền thống để bóc lột người lao động cũng khó mà kiếm cho đủ đầy như trước, tài chính và vị thế ngày càng xuống thấp, thậm chí họ còn rơi vào cảnh nợ

nần chồng chất. Còn người thực sự hưởng lợi lại là tầng lớp tư sản, tầng lớp quý tộc mới nổi và phú nông. Họ mới là những người nắm trong tay quy luật giá cả và biến động của thị trường, dùng cách vốn ít, lời nhiều để đạt được lợi ích.



Nguồn gốc của thổ dân châu Mỹ

Có ba cách giải thích về nguồn gốc của thổ dân châu Mỹ:

Thứ nhất, khoảng 20.000 năm trước, có một nhóm người châu Á đã qua Eo biển Bering đến lục địa Bắc Mỹ, họ có thể đi bằng những cây "cầu tự nhiên" băng tuyết nối qua eo biển và trở thành tổ tiên của người châu Mỹ.

Thứ hai, những nghiên cứu gần đây cho biết, ở Bắc Mỹ và Trung Mỹ người ta tìm thấy những bộ xương có niên đại xa xưa. Sau khi kiểm nghiệm, người ta thấy rằng những bộ xương này có niên đại lâu đời hơn cả các bộ xương tìm thấy ở Bắc Mỹ, hơn nữa kích thước giống người Java. Cho nên có người cho rằng đây mới là tổ tiên của người châu Mỹ, có thể họ đã từ Đông Nam Á qua đường biển ở Nam Thái Bình Dương tới Trung Mỹ, sau đó mới sống rải rác các nơi trên châu lục.

Thứ ba, tổng hợp hai cách kiến giải trên, cho rằng người Anh-diêng ở Bắc Mỹ và một phần Trung, Nam Mỹ chính là hậu duệ của những người Bắc Á đã đi cư tới châu Mỹ qua cầu băng thiên tạo bắc qua eo biển Bering. Còn người Anh-diêng Trung và Nam Mỹ có khả năng là hậu duệ của người Malay đến từ các đảo quốc trên Thái Bình Dương.

Những ảnh hưởng tiêu cực của việc mở mang đường biển

Việc mở mang đường biển thúc đẩy nền kinh tế Tây Âu phát triển nhanh chóng, nhưng lại mang đến những tai họa cho ba châu lục châu Á, châu Phi và châu Âu. Đầu tiên là sự xâm lược của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Tây Ban Nha gần như đã độc chiếm châu Mỹ, còn Bồ Đào Nha khống chế đại bộ phận châu Á và châu Phi, cuộc chiến tranh giành thuộc địa giữa các nước bùng nổ, sau hai nước trên, đến lượt Anh, Pháp, Hà Lan giương móng vuốt xâm lăng của mình.

Các nước thực dân đã dùng biện pháp bạo lực hoặc những điều kiện trao đổi để cướp bóc và vận chuyển các của cải có giá trị và vàng bạc về châu Âu, chiếm được lợi ích to lớn. Cùng lúc đó, bọn họ tiến hành những cuộc buôn bán nô lệ nhần tâm, khiến nhân dân các nước thuộc địa rơi vào cảnh nô dịch. Nếu nói rằng nhờ có việc mở mang đường biển mà các nước Tây Âu đã mở ra con đường lên thiên đường thì đối với dân các nước thuộc địa thì đó là con đường tới gặp quỷ sa tăng dưới địa ngục.

Columbus, "đại sứ" đầu tiên của thuốc lá

Trong quá trình mở mang những con đường biển mới, Columbus không chỉ phát hiện ra đại lục mới mà còn mang nhiều sản vật và văn hóa về châu Âu, trong đó có thuốc lá, vẫn có tấm ảnh hưởng sâu rộng tới cuộc sống của nhận loại tới tận bây giờ.

Năm 1492, khi tới đảo San Salvador, Columbus phát hiện ra già trẻ trai gái trên đảo đều có một tẩu thuốc, cả đoàn thám hiểm đều rất ngạc nhiên. Một tay người thổ dân cầm thanh lửa đang nhen lửa, tay kia cầm một cái tẩu dài, miệng hít hà khói thuốc. Sau khi tìm hiểu và được biết bí mật bên trong, ông liền mang nó về châu Âu. Đây chính là thuốc lá mà cả thế giới biết đến và Columbus chính là đại sứ đầu tiên của thuốc lá.

Chuyến viễn dương đầu tiên của Columbus

Ngày 3 tháng 8 năm 1492, Columbus thực hiện chuyến viễn dương đầu tiên, mang theo lá thư của quốc vương Tây Ban Nha gửi cho hoàng đế Trung Quốc và quân chủ Ấn Độ, cùng với 84 người trên ba con thuyền lớn "Santa Maria", "Pinta", "Nina" vượt trùng dương ra khơi.

Họ khởi hành từ bến cảng Barros nằm ở bờ Tây Nam Tây Ban Nha, đi ngang qua quần đảo Canary tiến về phía Tây, vượt qua rào cản tâm lý sợ hãi trong chuyến hành trình dài, chiến thắng vô vàn trở ngại của tự nhiên, cuối cùng phát hiện ra đảo Guanahani (ngày nay là đảo Watling), thuộc quần đảo Bahamas vào ngày 12 tháng 10. Ban đầu Columbus đặt tên cho hòn đảo này là "San Salvador", rồi tiếp đó phát hiện ra bờ Đông Bắc đảo Cuba, đi tiếp về phía Đông tới đảo Haiti. Columbus gọi các đảo này bằng tên chung là "Hispaniola" (nghĩa là Tiểu Tây Ban Nha). Ông đã phát hiện ra vàng ở Haiti và xây thành lũy, phái người coi giữ, sau đó đưa thuyền về Tây Ban Nha, về cảng Barros.

Columbus đã nhận được những thành quả bất ngờ ngay trong lần đầu viễn dương. Những thành quả này không chỉ chấn động Tây Ban Nha mà còn làm rung chuyển cả châu Âu.



Chuyến viễn dương thứ hai của Columbus

Sau khi kết thúc lần đầu không lâu, ngày 25 tháng 9 năm 1493, Columbus lại mang theo niềm tin cháy bỏng của quốc vương Tây Ban Nha, dẫn thân viễn dương lần thứ hai. Mục đích lần này là tìm kiếm và phát hiện những vùng đất mới để chuẩn bị lập thuộc địa và tìm kiếm vàng ròng. Ông dẫn theo đoàn thuyền 17 chiếc với 1.500 người, chở đầy gia súc, nông cụ, hạt giống và lương thực, xuất phát từ Cadiz sang châu Mỹ.

Ngày 3 tháng 11, họ phát hiện ra đảo Dominica, tiếp theo lại phát hiện ra quần đảo Guadeloupe và Puerto Rico, sau đó vòng tới đảo Haiti. Columbus phát hiện ra những thành lũy mình xây dựng lần trước đã bị dân đảo san phẳng, ông xây thêm một thành nữa đặt tên là Isabella, xây dựng một mảnh đất thực dân. Những thổ dân nơi đây bị tách khỏi cuộc sống yên bình, người bị ép làm nô lệ, người bị bán sang châu Âu...

Năm 1496, em trai của Columbus ở lại đảo Haiti xây thêm một cứ điểm mới cho Tây Ban Nha gọi là thành Santo Domingo, còn Columbus quay về châu Âu.

Chuyến viễn dương thứ tư của Columbus

Ngày 11 tháng 5 năm 1502, Columbus dẫn theo 4 đoàn thuyền và 150 người, xuất phát từ Cadiz, bắt đầu chuyến viễn dương cuối cùng của đời mình, mong rằng có thể tìm thấy con đường nối thông tới Ấn Độ. Lần này ông cứ đi theo hướng Tây thì tới vịnh Darien của Panama và đành phải quay trở về Tây Ban Nha. Ngày 7 tháng 11 năm 1504, ông hoàn thành cuộc viễn dương lần thứ tư và cũng kết thúc cuộc đời đi biển của mình.

Columbus đã bốn lần thực hiện hành trình dài trên biển, nhưng cuối cùng vẫn không tới được mảnh đất hứa giàu có trong lòng mình. Vua Tây Ban Nha vì thế khá thất vọng và lạnh nhạt dần với ông.

Ngày 20 tháng 5 năm 1506, người đi đầu trong thời đại hàng hải - Columbus - đã qua đời trong hoàn cảnh ốm bệnh và đói nghèo.

Chuyến viễn dương thứ ba của Columbus

Ngày 30 tháng 5 năm 1498, Columbus dẫn theo 6 con thuyền và 200 người bắt đầu cuộc viễn dương thứ ba. Lần này là lần đầu tiên Columbus đặt chân lên đất Nam Mỹ, và đến ngày 31 tháng 8 thì quay lại Haiti. Lúc này trên đảo Haiti, những người Tây Ban Nha bị lợi ích làm mù mắt nên đã tranh giành, xâu xé lẫn nhau, ngay cả Columbus cũng không tài nào ổn định được tình hình. Tháng 10 năm 1500, Columbus và hai em trai của ông đều bị cưỡng chế dẫn giải về Tây Ban Nha. Sau này Columbus được phóng thích nhưng mất đi quyền quản hạt cả châu Mỹ.

Vasco da Gama nhận lệnh viễn dương

Giữa thế kỉ thứ 15, vua Joao II của vương quốc Bồ Đào Nha muốn xưng bá thiên hạ. Thời đó ai chiếm giữ được biển khơi, người đó sẽ nắm quyền lực lớn nhất, vì vậy ông vua này nhiều lần phái thuyền đi thăm dò con đường tới Ấn Độ, nhưng đều thất bại.

Năm 1488, Dias, người được vương quốc Bồ Đào Nha phái đi đã phát hiện ra mũi Hảo Vọng nhưng vì bão biển nên buộc phải quay về. Năm 1493, không lâu sau đó, tin Columbus đã dẫn theo đoàn thuyền tìm ra lục địa châu Mỹ lan truyền khắp châu Âu, khiến cho vua Bồ Đào Nha càng quyết tâm tìm con đường biển tới Ấn Độ, nhằm chống lại ngôi vị bá quyền đường biển của Tây Ban Nha. Lần này, một người trẻ tuổi thuộc dòng dõi quý tộc và giàu lòng dũng cảm là Vasco da Gama nhận trách nhiệm nặng nề này. Năm 1497, ông bắt đầu chuyến đi đầu tiên.

Chuyến đi đầu tiên của Vasco da Gama

Ngày 8 tháng 7 năm 1497, Vasco da Gama dẫn theo 4 con thuyền cùng với 140 thủy thủ bước lên con đường tới Ấn Độ xa xôi.

Ông khởi hành tại Lisbon, nối tiếp con đường hướng Đông mà 11 năm trước Dias đã phát hiện ra mũi Hảo Vọng. Sau 4 tháng rong rã lênh đênh trên biển, họ đã tới được vùng đất gần với Mũi Hảo Vọng, các thủy thủ đã mệt mỏi bởi quãng đường dài nên ai nấy đều không muốn đi tiếp, Vasco da Gama buộc phải ra lệnh cưỡng chế, chuyển hành trình mới tiếp tục.

Trước ngày Giáng sinh năm 1497, họ cuối cùng cũng vòng qua Mũi Hảo Vọng để vào vùng bờ biển châu Phi phía Tây Ấn Độ Dương. Sau đó đoàn thuyền qua một vài cảng biển ở châu Phi rồi vượt qua Ấn Độ Dương.

Tháng 5 năm 1498, họ đã tới cảng biển phía Nam Ấn Độ, thường cảng Calicut, và choáng ngợp trước cảnh phồn vinh tấp nập giàu có tại nơi đất khách quê người. Họ đã dùng vàng bạc và đồ dùng mang theo để đổi lấy những sản vật, ngọc ngà và hương liệu của Ấn Độ. Nhưng sau đó, trước sự chèn ép và thù địch của các thương nhân Ả Rập nên cuối tháng 8 họ buộc phải rời khỏi Calicut sớm hơn dự kiến.

Trên đường về, các thủy thủ mắc chứng hoại tử và nhiều người đã chết. Tháng 9 năm 1499, đoàn thuyền của Vasco da Gama đã trở về Lisbon nhưng số người chỉ còn một nửa so với lúc khởi hành.

Thời tiết ở mũi Hảo Vọng luôn xấu

Mũi Hảo Vọng nằm ở nơi giao lưu giữa Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương, cả năm luôn hứng chịu gió Tây thổi mạnh, những dòng nước xiết cuộn xoáy thường bị gọi là "xoáy nước sát nhân". Những con sóng ở đây có thể dựng cao như vách đá và đổ ụp xuống, ngọn sóng thường cao từ 15 – 20 m, thường xuất hiện vào mùa đông. Gió vùng cực cũng tạo ra những xoáy nước, vì thế thời tiết biển rất xấu. Không những thế dòng hải lưu và sóng biển gặp nhau ở mũi Hảo Vọng nên mặt biển hiểm khi phẳng lặng, thuyền bè khó qua lại, nơi đây trở thành thách thức hiểm nguy trên con đường hàng hải. Trước đó Dias đã tới nơi đây và gọi đây là Mũi Bão Biển, cái tên mũi Hảo Vọng là tên người đời sau đặt để cầu phúc và tự động viên mình.

Lần viễn dương thứ hai của Vasco da Gama

Lợi nhuận từ chuyến đi đầu tiên của Vasco da Gama khiến người ta phấn khởi. Vì thế vào tháng 2 năm 1502, ông lại dẫn đoàn thuyền vượt biển tới Ấn Độ lần thứ hai. Mục đích của chuyến đi này là xây dựng vị thế bá quyền của Bồ Đào Nha ở trên biển Ấn Độ Dương. Thủ đoạn cướp đoạt của nước này khiến người ta phải kinh hãi.

Để giảm bớt lợi ích của thương nhân Ả Rập trên đại lục Ấn Độ, Vasco da Gama đã cho phá hủy tàu thuyền của thương nhân Ả Rập. Không chỉ phá thuyền mà ông còn cho thiêu sống toàn bộ hành khách trên thuyền, ngay cả phụ nữ và trẻ em cũng không buông tha, thủ đoạn vô cùng tàn nhẫn. Ông còn ép và lệnh cho người thống trị Calicut phải đuổi toàn bộ thương nhân người Ả Rập, rồi thẳng tay cướp bóc hương liệu ở bờ Tây Nam Ấn Độ, cuối cùng chở đầy chiến lợi phẩm về Lisbon vào tháng 10 năm 1503.

Theo ghi chép thì những hương liệu, vải vóc, bảo thạch... mà Vasco da Gama cướp bóc về từ phương Đông trong chuyến này có lợi nhuận hơn 60 lần tiền vốn bỏ ra, vì vậy đây thực ra là một hành trình của kẻ cướp.

Hạm đội Bồ Đào Nha xưng bá Ấn Độ Dương

Sau khi Vasco da Gama mở thông con đường tới Ấn Độ, vương thất Bồ Đào Nha đã lũng đoạn lợi ích kinh tế của phương Đông, bịt kín tin tức về việc tìm đường qua mũi Hảo Vọng tới Ấn Độ, rồi ngấm phong tỏa mọi con đường biển trên Ấn Độ Dương, khai chiến dữ dội với người Ả Rập. Cuối cùng nhờ vào thiết bị chiến đấu ưu việt mà Bồ Đào Nha đã đánh bại hạm đội Ả Rập. Địa vị bá quyền trên biển đã mang lại nguồn lợi khổng lồ, khiến một quốc gia nhỏ bé chỉ có dân số 1,5 triệu dân trở thành nước thực dân nắm quyền mưu địch của cả khu vực Đông Đại Tây Dương, Tây Thái Bình Dương và cả Ấn Độ Dương.



Magellan

Ferdinand Magellan (1480 - 1521) là nhà hàng hải nổi tiếng người Bồ Đào Nha và cũng là người đầu tiên vòng quanh thế giới bằng đường biển. Ông được sinh ra trong một gia đình kỹ sư ở Bồ Đào Nha, ông đã tham gia vào thám hiểm trên biển từ rất sớm và tin rằng có con đường biển nối thông với đại dương phía Nam nếu cứ đi về phía Tây trên biển Đại Tây Dương. Năm 1517, ông bỏ quốc tịch Bồ Đào Nha, áp úc li tưởng tới Tây Ban Nha tìm con đường nối liền các đại dương.

Ngày 20 tháng 9 năm 1519, Magellan phụng lệnh chính quyền Tây Ban Nha bắt đầu cuộc hành trình từ Đại Tây Dương đi về hướng Tây. Năm 1521, Magellan chết trong một trận chiến đấu. Tháng 7 năm 1522, đội thuyền của ông đã quay về tới Tây Ban Nha, hoàn thành chuyến du hành vòng quanh thế giới. Magellan đã dùng hành động thực tiễn để chứng minh Trái Đất tròn, mặc dù ông đã bỏ mạng giữa đường nhưng người đời vẫn nhìn nhận vinh quang mà ông đáng được hưởng.

Magellan thực dân và truyền giáo

Hành trình vòng quanh thế giới quả là vĩ đại nhưng không thể tách rời mục đích thực sự của thực dân.

Năm 1521, Magellan tới một cảng nhỏ ở miền Trung Philippines, ông đã kết giao với thủ lĩnh bộ tộc và giúp họ về sức mạnh quân sự, với dự định cho đối phương tự chấp nhận sự thống trị của Tây Ban Nha và khích lệ họ gia nhập đạo Cơ Đốc. Để cho họ thần phục Tây Ban Nha, ông đã cho diễn tập quân sự, và thủ lĩnh bộ tộc đã nhanh chóng gật đầu đồng ý. Những người dân trên đảo đã lần lượt làm lễ rửa tội ngay sau đó, Magellan trở thành chỗ dựa cho các tín đồ Cơ Đốc mới này, cũng hoàn thành kế hoạch thực dân của mình.

Giết người vì chuyện nhỏ

Tháng 3 năm 1521, đoàn thuyền của Magellan đến được quần đảo Mariana, thổ dân trên đảo da đen, vóc người cao lớn, ở trần chân đất, đội mũ bằng lá cây cọ đầu (cây cau dừa). Nhìn thấy đoàn thuyền họ vô cùng ngạc nhiên, nhiệt tình mang rau củ, hoa quả và thực phẩm tới cho thủy thủ ăn. Cả đoàn thám hiểm đều rất cảm kích, nhưng chính vì tính tò mò hiếu kỳ

mà không khí hòa hiếu ban đầu đã mất đi. Thổ dân mang đi một số đồ trên thuyền để xem vì thấy mới lạ, trong đó có chiếc thuyền cứu sinh cuối tàu. Magellan rất tức giận, liền dẫn người bắn chết 7 thổ dân, còn đốt một số con thuyền nhỏ và nhà tranh, lộ rõ bộ mặt thực dân hung bạo, để lại một vết nhơ trong lịch sử hàng hải của mình.



Ý nghĩa to lớn của chuyến hành trình đầu tiên vòng quanh thế giới

Tháng 9 năm 1522, đoàn thuyền của Magellan về tới Tây Ban Nha, khi xuất phát có 5 chiếc thuyền nay chỉ còn lại một chiếc, thủy thủ có rất nhiều người phải bỏ mạng, gồm cả Magellan, cuối cùng chỉ còn 18 người còn sống sót. Tuy nhiên, việc “chủ trương” mạng vong, tổn hao lực lượng cũng không làm giảm bớt ý nghĩa của chuyến du hành vòng quanh thế giới. Bằng chính chuyến đi của mình, họ đã chứng minh được Trái Đất tròn, bề mặt đa phần không phải là lục địa mà là đại dương, đại dương không bị ngăn cách mà nối liền với nhau... Những phát hiện động trời này đã khiến ngành hàng hải phát triển hơn, mở ra nhiều con đường biển. Có thể nói, những phát kiến hàng hải có ý nghĩa lâu dài, trường tồn mãi mãi.

Điều ước Tordesillas

Những phát kiến địa lí vĩ đại của Columbus và Dias đã hình thành nên việc phân tranh chủ quyền những vùng đất mới được phát hiện, cuộc chiến xâu xé đất đai thuộc địa giữa Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha diễn ra thường xuyên hơn. Điều ước Tordesillas ra đời trong hoàn cảnh đó.

Năm 1494, để hòa giải cuộc chiến tranh giành vùng đất mới giữa Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, giáo hoàng Alexander VI đã đứng ra làm trọng tài để hai nước kí kết Điều ước Tordesillas. Điều ước này quy định một giới tuyến dọc theo kinh tuyến dài 370 league (100 league bằng với 3 dặm Anh) phía Tây của mũi Verde (còn gọi là “đường ranh giới giáo hoàng Meridian”). Phía Đông đường ranh giới thuộc về Bồ Đào Nha, phía Tây thuộc về Tây Ban Nha. Lúc đó người Tây Ban Nha nghĩ rằng đi phía Tây sẽ tới Ấn Độ, cho nên nghĩ rằng mình được lợi hơn nhưng đường ranh giới này đã giúp Bồ Đào Nha “bỏ túi” từ vùng châu Phi cho tới Ấn Độ.

Sơ lược lịch sử văn hóa Aztec

Nền văn minh Aztec bắt đầu hình thành từ thế kỉ thứ 14, chủ yếu phân bố ở miền Trung và Nam Mexico. Nửa đầu thế kỉ thứ 15, người Aztec và hai bộ lạc lân cận kết liên minh, thành lập nên liên minh bộ lạc với quốc vương là Motecuhzoma I, còn được gọi là Motecuhzoma Đại đế.

Vào đời quốc vương Motecuhzoma II, phạm vi lãnh thổ phía Đông tới Vịnh Mexico, phía Tây tới Thái Bình Dương, phía Nam được mở rộng tới Guatemala, nền quân sự từng một thời đạt đến cực thịnh. Năm 1519, Motecuhzoma II trở thành con rối trong tay thực dân Tây Ban Nha, năm sau, hẳn khuyên nhân dân đầu hàng nên bị nhân dân bắn chết.

Thực dân Tây Ban Nha không cam tâm nên năm 1521 đã tấn công Aztec. Người dân nơi đây chiến đấu anh dũng với quân Tây Ban Nha, nhưng cuối cùng do lương thực cạn kiệt lại bị bệnh đậu mùa nên bại trận, thủ đô Tenochtitlan bị chiếm đóng và Aztec diệt vong.

Nền văn minh Aztec

Nền văn minh Aztec là nền văn minh của người Anh-diêng thời cổ ở Trung Mỹ, cũng là nền văn minh nối tiếp sau nền văn minh rực rỡ Maya trong lịch sử Mexico.

Trước khi thực dân phương Tây xâm chiếm, Aztec là một đế quốc phát triển, có thành phố quy mô và hoàn thiện với những tông miếu và cung điện cao rộng sừng sững, chịu ảnh hưởng sâu đậm từ nền văn minh Maya.

Đặc sắc của nền văn hóa Aztec là điêu khắc đá nên còn được gọi là “văn minh đá”.

Người Aztec thờ thần Mặt Trời, họ không chỉ lấy thần Mặt Trời làm chủ đề điêu khắc đá mà còn tế tim của người sống cho thần.

Sau này, nền văn minh Aztec cũng bị mai một và diệt vong do sự xâm lược của Tây Ban Nha.



Nền văn minh Inca

Văn minh Inca là nền văn minh của đế quốc cổ ở Nam Mỹ vào thế kỉ thứ 11.

Theo khai quật khảo cổ, Đế quốc Inca lúc đó có đồ đồng đúc điệu và các dụng cụ lao động như dao, lưỡi hái, liềm, rìu... Hơn nữa kĩ thuật luyện kim của họ khá tinh xảo. Họ còn phát triển hệ thống thủy lợi tưới tiêu, hệ thống đường sá. Hầu hết các nhà khảo cổ học đều cho rằng kiến trúc, y học, dệt và nhuộm vải của người Inca khá phát triển.

Đế quốc Inca thờ thần Mặt Trời, họ thấy vàng có màu sắc lấp lánh như ánh mặt trời nên rất yêu quý vàng, thường tích trữ vàng, thậm chí đắp thành núi vàng...

Do niềm yêu thích vàng nên các công trình thần điện và kiến trúc của Đế quốc Inca đều được xây bằng vàng, da phần người Inca thích đeo vàng và tích trữ vàng, nên được gọi là "Đất nước của vàng". Chính lời đồn đại về "vương quốc vàng" này đã khiến Tây Ban Nha rắp tâm xâm lược và dẫn tới họa diệt vong đất nước Inca.



Bí ẩn tích trữ vàng của Đế quốc Inca

Năm 1525, Pizarro, một kẻ xâm lược Tây Ban Nha đã nổi lòng tham vàng, dẫn quân Tây Ban Nha xâm lược Inca, định chiếm vàng cho riêng mình. Thế nhưng khi tấn công vào thủ đô của Inca là Cusco, ông ta mới phát hiện ra số lượng vàng không nhiều như lời đồn đại.

Những kẻ xâm lược không chịu tin và cho rằng người Inca đã vận chuyển và cất giữ vàng ở nơi bí mật. Nhưng dù đã lùng sục khắp nơi, thực dân Tây Ban Nha vẫn không tìm ra chỗ giấu vàng. Sau này cũng có rất nhiều người bỏ thời gian và công sức tìm kiếm nhưng nơi giấu vàng vĩnh viễn là một bí ẩn thiên cổ.

Di sản văn học của người Inca

Trong số những di sản văn hóa còn sót lại của Đế quốc Inca, người ta phát hiện ra một bài trường ca do một tác giả người Inca sáng tác vẫn còn lưu truyền cho tới ngày nay, đó là "Ollantay", bài thơ đại ý là vào thời Pachacuti thống trị có một dũng sĩ tên là Ollantay yêu một cô gái Inca, và chân thành cầu xin được kết hôn nhưng đôi trẻ bị ngăn cách... Thế kỉ thứ 15, bài thơ còn được biến thành hài kịch. Giai đoạn từ năm 1770 đến 1780, bài trường ca này được các giáo sĩ Tây Ban Nha dùng chữ La Tinh ghi chép lại.

